

Khởi Hành

TẠP CHÍ SÁNG TÁC SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

NĂM THỨ BẢY ■ SỐ 176 ■ Sáng Lập: Anh Việt TRẦN VĂN TRỌNG

BỘ MỚI ■ SỐ 20 ■ Chủ Nhiệm Chủ Bút: VIÊN LINH

ĐỖ QUÝ TOÀN
THẾ UYÊN
TUẤN HUY
TRẦN VĂN NAM

TẠ TỴ
PHẠM LONG
VIÊN LINH

CHIÊU NIỆM NHÀ VĂN
NGUYỄN MẠNH CÔN



NGUYỄN MẠNH CÔN (3.1920-6.1979)

SÁNG TÁC: NGUYỄN SỸ TẾ ■ MẶC THU
TRẦN TRỌNG SAN ■ TƯỜNG VŨ ANH THY
THÀNH TÔN ■ VÕ ĐẠI TÔN ■ THÁI
LUÂN ■ TRẦN THẾ PHONG ■ LÊ GIA
NGUYỄN ■ VẼ: THÁI TUẤN ■ RỪNG
HỒI KÝ CHÚNG: NGÀY CUỐI CÙNG
TRONG ĐỜI QUÂN NGŨ NGUYỄN PHÚC
Ổ THỦ ĐỨC ■ TÌNH SỬ: HAI BÀ VỢ
CỦA SOLZHENITSYN / NG PHƯƠNG
TUẤN KỂ ■ THƠ HAY: BÀI 'NHÀ TÔI'
CỦA YÊN THAO ■ SINH HOẠT SÁCH ■



SỐ 20 ■ THÁNG 6 - 1998



AI SẼ LÀ NGƯỜI CỦA THẾ KỶ?

Tuần báo TIME của Hoa Kỳ số 13 tháng 4 đã bắt đầu kỳ 1, trong 5 kỳ, dành ra để viết về 100 nhân vật ảnh hưởng nhất trong thế kỷ XX. Kỳ 1 nói về các lãnh tụ, các chính khách, các nhà cách mạng. Các kỳ tới sẽ là nghệ sĩ, doanh gia, các nhà phát minh và các nhà tư tưởng. Báo này cũng loan trước rằng vào năm 1999, họ sẽ chọn một người, gọi là Person of the Century, Người của Thế Kỷ, tiếp theo thông lệ hàng năm họ chọn Man of the Year, Người Trong Năm, như vẫn làm. Số TIME giữa tháng tư có bài về các nhân vật sau đây, theo thứ tự in trong tờ báo: Theodore Roosevelt, Lenin, Margaret Sanger (người hợp pháp hóa sự kiểm soát sinh sản), Franklin Roosevelt, Hitler, Churchill, Eleanor Roosevelt, Gandhi, Ben-Gurion, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh, mục sư King, Khomeini, bà Thatcher cựu thủ tướng Anh, ĐGH John Paul II, Reagan, Walesa, Gorbachev, và Mandela. Hình trên: một số nhân vật nói trên. Cả khuôn hình do tờ TIME xấp đặt. [HTN] (hình Time).

CHẾT MỘT NGÀY TẠI AN LỘC, AI NĂM Ở ARLINGTON?

Để sửa soạn cho việc đào quật ngôi mộ một chiến sĩ vô danh trong Nghĩa trang Quốc gia tại Arlington, gần Hoa Thịnh Đốn, lấy DNA đi đến việc quyết định xem hài cốt ai đích xác nằm trong đó, ngôi mộ chiến sĩ vô danh, đã được phủ lên trên bằng một tấm lưới nguy trang. Sau đó người ta đào từ bên hông vào, lấy đủ chất liệu cho phòng thí nghiệm.

Người ta chưa rõ hài cốt trong đó là ai, một trong hai người cùng bị tử trận một ngày, 11 tháng 5, 1972, tại cùng một địa điểm: An Lộc, Việt Nam. Một người là Đại úy Rodney L.

Strobridge, phi công trực thăng, và một người là trung úy Michael J. Blessie, cũng phi công.

Như thế hy vọng có một người không còn là chiến sĩ vô danh.

VĨNH BIỆT FRANK SINATRA

Danh ca kiêm tài tử Frank Sinatra giữa tháng năm đã từ trần tại bệnh viện trong Trung tâm Cedars-Sinai tại Los Angeles sau khi được đưa vào đây vì bị giập cơ tim, hưởng thọ 82 tuổi. Sinh thời ông là "chàng mất xanh" thần tượng của một thế hệ yêu nhạc lãng mạn tại Mỹ, qua hơn 200 đĩa nhạc bán chạy.

Cung cách của Sinatra thể hiện qua bài "My Way", nhạc tình của ông vượt lần ranh thế hệ qua các bản nhiều người thuộc lòng như Strangers in the Night và One For My Baby. Về phim vai trò của ông trong From Here To Eternity đã mang lại cho ông một Oscar diễn xuất trong vai phụ. Báo chí Hoa Kỳ cũng nói nhiều về sự liên hệ của ông với Bạch Ốc thời tổng thống Kennedy, và nhóm tội ác Maffia.

Tờ Time số ra ngày 8 tháng 6-98 (nhưng phát hành thứ hai 1 tháng 6), chọn Frank Sinatra là 1 trong 20 nghệ sĩ vĩ đại nhất thế kỷ XX, bên cạnh Picasso của hội họa, James Joyce của văn, Charlie Chaplin hề, Marlon Brando diễn viên, Igor Stravinsky nhạc sĩ cổ điển.

ĐẾN QUẢNG CÁO CÙNG SỢ

Với quan điểm cách mạng, nhỏ chống lớn, hãng Apple Computer mấy tháng nay đã dùng hình ảnh các nhà cách mạng để quảng cáo cho hãng của mình, với hai chữ Nghĩ Khác (Think Different) - chống lại anh khổng lồ I.B.M. Họ dùng hình của những người như Muhammad Ali, Mohandas K. Gandhi, Pablo Picasso, Amelia Earhart, Dalai Latma. Hôm thứ hai tuần trước, Apple đã rút lại hình Đức Đạt Ma Tây Tạng tại thị trường Hong Kong, Hoa Lục, vì sợ Trung Cộng bức mình.

Phát ngôn viên của Đạt Ma tỏ ý phản nản, nói rằng, thật đáng tiếc là hãng Apple đã thấy rằng có lợi khi chỉ dùng đến hình ảnh Đạt Ma một cách chọn lựa. Đức Đạt Ma không được trả tiền bạc gì khi cho họ dùng hình mình làm quảng cáo, tuy rằng các tổ chức của Ngài có thể nhận được một số máy móc kỹ thuật biểu không. [HTN]

ĐỨC ĐẠT MA KHUYẾN DÂN TRỞ VỀ NƯỚC

Hàng năm người Tây Tạng mang con cái vượt biên giới qua Dharmsala, Ấn Độ, cho Đức Đạt Lai Lạt Ma dạy dỗ. Mỗi năm có khoảng 2000 người vượt biên, thường là vào mùa đông, khi quân chiếm đóng Trung Cộng sợ lạnh, lui vào miền trong ấm hơn. Có khoảng 11.000 học sinh Tây Tạng đang học ở trường của Ngài. Đường vượt biên mất 6 ngày trong tuyết, không hàng quán. Họ phải mang sẵn nồi nấu ăn, lương thực. Tới biên giới Nepal dân bà thường bị hiếp, và hối lộ. Họ thường phải bán vài con gia súc trước khi lên đường. Khi trưởng thành, các trẻ này được khuyến phải trở lại Quê hương.



KIM TỰ THÁP THÊM VÀO ĐÀI CONCORD BA LÊ

Trong tháng năm 98 một kim tự tháp bằng những lá vàng đã được lắp vào ngọn obelisk chiếc tháp vuông- tại công trường Concorde đầu Đại lộ Champs Elysees ở Ba Lê.

Ngọn tháp này do một ông vua Ai cập tặng (?) Napoléon năm 1830, đến năm 1836 thì nó tới Ba Lê. Nó cao 107 bộ Anh. Lúc ấy người ta đã đòi phải có cái kim tự tháp trên đầu (đã mất), mà một thế kỷ rưỡi không ai làm, mãi năm 1997 Tổng thống Pháp Jacques Chirac mới là người ra lệnh thực hiện. Phí tổn: 252.000 mỹ kim.

Hình trên: kiến trúc sư Etienne Poncelet đang chỉ vào kim tự tháp mới đặt lên. (hình Jacques Brinon).

VAI TRÒ CỦA CÁC ĐẠI HỌC DA ĐỎ

Hơn 100 năm trước đây, chiến sĩ Da Đỏ Sinte Gleska nói rằng để sống sót, người Da Đỏ phải giỏi như người Da Trắng. Ông nói rằng chỉ có giáo dục mới cứu được người Da Đỏ mà thôi. Đại học Sinte Gleska khánh thành đã 27 năm nay, hiện là niềm hãnh diện của bộ lạc Lakota ở Rosebud, với 24.200 người. Với các bộ lạc khác tại 12 tiểu bang, tổng cộng Dân Da Đỏ (nhiều bộ lạc khác nhau) có 30 Đại học 2 năm, 26.500 sinh viên, đào tạo hàng ngàn cử nhân một năm.

Chính sự học vấn, không phải cung tên, đang mở đường cho họ đi vào sinh hoạt chính thống Hoa Kỳ.

**GIẢNG ĐẠO
TRÊN TV:
100 TRIỆU ĐÔ**

Hôm chủ nhật 31-5, tờ The Register tại Quận Cam khởi đăng loạt bài ba kỳ, chủ đề là Sự Rao Giảng của Giàu Sang, nói về các chương trình Giảng Thánh Kinh trên TV, chú trọng nhiều tới tổ chức gọi là Trinity Broadcasting Network, viết tắt là TBN, có cơ sở chính ở Costa Mesa, do ông Paul Crouch thành lập.

Năm 1996, TBN thu về số tiền là 97.7 triệu mỹ kim, và chi phí ra 83.6 triệu. Tổ chức này thành lập năm 1973, hiện có 768 cơ sở phát thanh, một phần lực cơ riêng tối tân nhất trị giá 13 triệu. Khởi Hành không có mục Tin tức Kinh tế, dành loan tin này vào mục Sinh hoạt Văn hóa vậy.



**KHÁNH THÀNH
TƯỢNG NÚI
CRAZY HORSE**

Vào ngày 3 tháng 6 năm 1948, Korczak Ziolkowski, con của một di dân Ba Lan, bắt đầu tạc một bức tượng mà đến khi từ trần, hơn nửa đời sau, chưa hoàn tất. Đó là pho tượng chân dung chiến sĩ da đỏ lãnh tụ bộ lạc Sioux, Crazy horse, người tuyệt đối không cho ai chụp hình! Ziolkowski dùng nguyên một

**THƠ ĐEN
THƠ VỊNH**



THÁI CUỒNG

LẠM BẢN THÂN THỂ KIỂU

Tinh sử xưa nay chép đã nhiều
Mấy ai khốn khổ tựa nàng Kiều
Thanh Lâu rũ mái mà không sạch
Bạc mệnh xưa hoài vẫn cố đeo
Vi hiếu, xa chàng Kim gần bó
Ham danh, oan tướng Hải tin yêu
Khôn ngoan tính toán Trời không tự
Chất phác như Vân hường mọi điều.

NHỮNG HÓA TINH

Châu Á ngày nay đã chuyển mình
Sao riêng Việt cộng vẫn làm thịnh
Chén cơm đang giữ, lo thẳng giựt
Miếng thịt buông ra, sợ đũa rình
Cổ dấm ăn xôi cho trọn kiếp
Cầm bằng cướp cạn, chẳng cần danh
Cho nên Đảng thét: trừ tham nhũng
Nhưng những giờ đây đã hóa tinh.

CHẲNG HẸN MÀ NÊN

Mèo đi nay mèo lại mò vào
Thù hận năm xưa quẳng xuống ao
Cộng sản xun xoe mời quý khách
Hoa kỳ đình đặc mở hầu bao
Chú Sam khôn khéo vờ đưa bạc
Anh Vem gian ngoan giả gặt đầu
Mướp đắng mật của cùng hoán đổi
Hai bên đều đã thấm đòn nhau.

trái núi ở tiểu bang Nam Dakota để tạc cái mặt này. Ông bỏ ra 35 năm để đục, đục đá. Ông chết năm 1982, ở tuổi 74, pho tượng chưa ra hình thù gì, khiến câu chuyện pho tượng thành một chuyện chế diễu của người đời.

Tuy nhiên nhờ để lại bản phác thảo chi tiết, do đó vợ ông, Ruth, và các con theo đó tiếp tục công việc. Và pho tượng được khánh thành đúng 50 năm sau, ngày 3 tháng 6-1998, được trực tiếp truyền hình tới thứ tư trên hệ thống truyền hình CNN. Tượng này cao hơn cây bút chì ở Hoa Thịnh Đốn, riêng cái đầu có thể bỏ lọt tượng 4 vị tổng thống ở Núi Rushmore. (hình Robb DeWall).

**NGŨNG: VẺ ĐẸP
DE LỬA DÔI
CON NGƯỜI**

Đây là vẻ đẹp của loài bạch nga, ta cũng quen gọi là con ngan, con ngỗng, xải cánh tới 6, 7 bộ Anh, rất dữ, ở Miền Bắc xưa kia người ta nuôi thay chó để giữ nhà.

Bạch nga trở thành điển hình của những chuyện thần tiên, và nghệ thuật đã sản xuất những nhạc kịch như Swan Lake, hay là đề tài của thơ văn, những chuyện tình thơ mộng và lãng mạn. Song các nhà điêu loại học và thiên nhiên học ở New England mới công bố kết quả một cuộc nghiên cứu: những điều tốt đẹp trên chẳng có gì gần với sự thật. Bạch nga là một loài cầm rất xấu xa: phá hoại cây cỏ trong đầm, (ăn 8 căn Anh một ngày), có tính xâm lăng, tới



ao hồ nào là đuổi sạch các loài chim muông khác. Chúng thọ tới 30 năm, con cái chết chưa ướm lông thì con đực đã có bồ khác.

Các nhà khoa học sau khi nghiên cứu, thấy chúng sinh sản cực nhanh, dễ nhai, nên đem loài bạch nga mà ăn thịt. Đừng vì vẻ đẹp cao sang của nó mà bị nó lừa hoài.

**GINGER SPICE
RỜI BỎ NGŨ QUÁI
SPICE GIRLS**

Có thể bạn chẳng bao giờ biết đến tên cô ca sĩ này, song nhiều phần chắc chắn con gái bạn, ở tuổi lên 10, biết cô ta: Geri Halliwell, hay là Ginger Spice, vừa lìa bỏ ban nhạc nữ Spice Girls.

Thập niên '60 chẳng hạn, có thể chúng ta không biết đến John Lennon là ai, song tuổi trẻ lúc đó, dưới 20 tuổi, nhiều phần biết đến ban nhạc The Beatles. Spice Girls

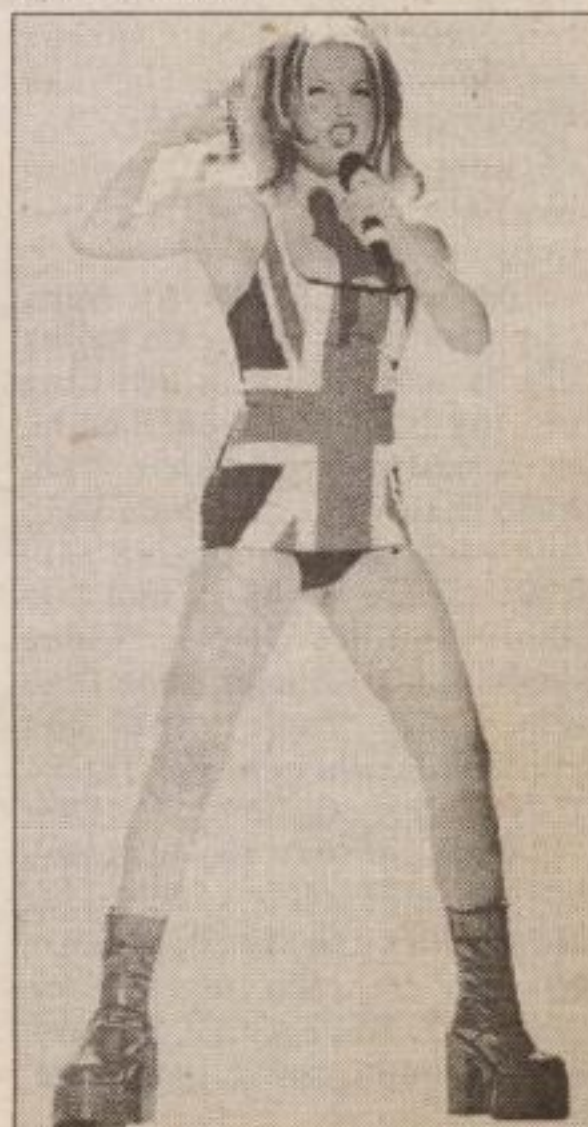
tương tự như thế, là một hiện tượng lớn trong sinh hoạt ca hát tuổi thiếu niên ở Anh quốc.

Họ gồm 5 cô bé chiếm lĩnh trái tim khán giả, kể cả lớp nhiều tuổi hơn, hợp thành ban nhạc mà sức thu hút được mệnh danh một cách giản dị: Girl Power. Quyền lực con gái này, qua cách phục sức của họ, qua tác động của họ, có người gọi là thô tục. Họ có một bài ca nổi tiếng, nhan đề "2 become 1". Dĩ nhiên về sex.

Khi nghe tin ngũ quái chỉ còn là tứ quái, Geri Halliwell quyết định ra làm ăn riêng, thì tin đó giống như một tin tang chế đối với các khán giả tí hon.

Một cô bé 10 tuổi được TV phỏng vấn, buồn bã tuyên bố: Ginger Girl đã làm Tổ quốc thất vọng.

Geri Halliwell



"LỐI XƯA XE NGỰA..."



An Tiêm

THANH TUỆ VÀ 30 NĂM AN TIÊM

Thành lập tại Sài Gòn, nhà xuất bản An Tiêm của Đại đức Thanh Tuệ đã cống hiến cho độc giả Việt Nam nhiều tác phẩm giá trị, được sự cộng tác của nhiều tác giả lớn, và khác thường. Những Tố Như Thi (Thơ Chữ Hán của Nguyễn Du), qua bản dịch của Quách Tấn; những Đi Vào Cõi Thơ và các cuốn khác của Bùi Giáng; những tùy bút và khảo luận mệnh mông của Nhất Hạnh, những Đêm Nguyệt Động kinh hoàng của Nguyễn Đức Sơn...Ra hải ngoại, sống ở Ba Lê, Thanh Tuệ trả ông Đại đức lại rừng Phương Bối, nhưng tấm lòng anh còn gắn bó với sách vở, dù rằng sách vở của người.

Anh Thanh Tuệ chưa in một tác phẩm nào của mình bao giờ, anh chỉ in sách của người khác. Sách anh in, tác giả anh chọn, trải 30 năm qua, cho thấy một Thanh Tuệ mắt xanh có khả năng đánh giá chính xác và cao. Để kỷ niệm 30 năm làm xuất bản, nhà An Tiêm của anh in mấy cuốn sách ghi dấu, cuốn tái bản là Tố Như Thi của Quách Tấn, cuốn mới in lần đầu là Lối Xưa Xe Ngựa của Nguyễn Thị Chân Quỳnh.

Chúng ta đã biết rõ tài dịch thơ của tác giả Mưa Cổ Điển và Non Nước Khánh Hòa. Chúng ta mới được đọc Nguyễn Thị Chân Quỳnh qua tác phẩm này, mặc dù trong cuốn sách có một số bài đã từng lác đác đăng báo trong mấy năm trước đây.

Nhan đề Lối Xưa Xe Ngựa cho người đọc cái cảm tưởng đây là một tác phẩm loại sáng tác, tùy bút hay truyện; thực ra, nó là một cuốn biên khảo. "Tôi bước chân vào ngành biên khảo một cách tình cờ: khoảng năm 1985 tôi khám phá ra một loạt ảnh của Salles chụp lễ Xướng danh trường Hà nam, khoa Đinh Dậu (1897). Trước tôi đã biết cảnh trường thi qua Ngô Tất Tố (Lều Chông) và Chu Thiên (Bút Nghiên) giờ thấy tận mắt từng chi tiết nhỏ quang cảnh trường thi xưa khiến tôi xúc động, khác hẳn khi đọc sách, tựa như tôi được du lịch ngược thời gian, trở lại một trăm năm về trước. Thế

là tôi nảy ý muốn đi "săn" những cảnh thi cử khác..." Đó là lời Tựa của tác giả "Lối Xưa Xe Ngựa...", giáo sư Nguyễn Thị Xuân Quỳnh cho cuốn biên khảo về khoa cử ở Việt Nam này.

Cuốn sách có những đề mục chính như: 1. Khoa cử ở Việt Nam, Công hay tội? 2. Phép thi nghiêm mật. 3. Ai là chủ khảo trường Hà nam khoa Đinh Dậu (1897)? 4. Tú Xương có đi thi chữ quốc ngữ hay không? 5. Nguyễn Đình Chiểu ra Huế thi Hương hay thi Hội? 6. Nguyễn Thị Du, vị nữ Trạng nguyên độc nhất của VN sinh năm nào? 7. Khoa cử thời Hậu Lê, vv...

Những đề mục trên được nghiên cứu và luận đoán với lối văn trong sáng mạnh mẽ, nhiều tranh vẽ và hình ảnh dẫn chứng. Dưới mỗi chương là danh mục sách tham khảo, và chú thích đầy đủ.



Tác giả Chân Quỳnh

Tác giả Nguyễn Thị Xuân Quỳnh sinh năm 1931 tại Hà Nội, sang Pháp cuối năm 1952, tốt nghiệp Cao học Kỹ nghệ Dệt ở Lyon nhưng vì dị ứng với hóa chất nên chuyển qua Anh văn. Bà đậu Tiến sĩ Đại học Sorbonne và trở lại dạy tại trường này. Hiện bà làm việc tại Phòng cứu xét văn bằng và hướng dẫn sinh viên ngoại quốc.

Vụ dị ứng với hóa chất của bà là một may mắn cho Văn hóa Việt Nam. Cuốn "Lối Xưa Xe Ngựa..." là cuốn biên khảo giá trị nhất về Nền thi cử Việt Nam mà chúng ta được đọc. Bài viết về vị Nữ trạng nguyên duy nhất của Việt Nam Nguyễn Thị Du, việc sưu tầm và luận đoán tên tuổi, năm sinh của vị nữ trạng nguyên này (thế kỷ thứ 16) là một bài viết hấp dẫn người đọc.

"Lối Xưa Xe Ngựa..." do An Tiêm xuất bản, Văn Nghệ tổng phát hành tại Hoa Kỳ. Dầy 290 trang, giấy ngà, giá 14 mỹ kim. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O. Box 2301 Westminster, CA. 92683. Điện thoại (714) 527-5761.

ERNEST HEMINGWAY

Bản dịch MẠC ĐỒ

ÔNG GIÀ VÀ BIỂN CẢ



VĂN NGHỆ

"ÔNG GIÀ VÀ BIỂN CẢ"

Là nhan đề cuốn truyện do nhà văn Mặc Đỗ dịch từ The Old Man and The Sea của Ernest Hemingway, Nobel Văn chương 1954. Đây là một bản dịch tuyệt vời về một tác phẩm đã trở thành cổ điển đối với văn chương thế giới.

Dịch giả, nhà văn Mặc Đỗ, giám khảo Giải Văn Chương Toàn Quốc, là tác giả các vở kịch Động Phù Vân (1952), Về Nam (1953) do Phổ Thông của trường Luật Hà Nội xuất bản. Vào Nam ông ông là một trong 5 người chủ trương nhật báo Tự Do, và là thành viên của nhóm Quan Điểm cùng với Vũ Khắc Khoan, Nguyễn Hữu Thống, Tạ Văn Nho. Ông nổi tiếng với các tác phẩm Bốn Mươi (1958), Siu Cô Nường (1958) và Tân Truyện, sau đó vài năm.

Bìa in mỹ thuật, tuy sai nội dung. Giá 7 mỹ kim. Muốn mua sách, liên lạc:

Nxb VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301
WESTMINSTER CA 92683.

"HÀNH TRÌNH CUỐI ĐƯỜNG"

Đó là nhan đề cuốn sách của Tiêu Dao Bảo Cự, một tác giả còn ở trong nước, gồm phần Bút ký về một Chuyến Đi và phần hai, Vụ Án Langbiang, cho người đọc thấy những sự việc quanh việc đóng cửa tờ tạp chí văn nghệ phản kháng ở trong nước. Giá 16 mỹ kim. Sách do Văn Nghệ xuất bản.

"NG. TRƯỜNG TỘ, CON NGƯỜI & DI THẢO"

Khoảng hơn nửa thế kỷ nay, học sinh Trung học Việt Nam được dạy Nguyễn Trường Tộ như một nhà văn kiến lớn, từng đệ lên vua Tự Đức những bản Điều Trần thức giục nhà

Nguyễn phải canh tân xứ sở, đưa quốc gia vào nhịp sống văn minh của thế giới, song tiếc thay, vua quan nhà Nguyễn đã không nghe theo các khuyến nghị của ông. Cuốn "Nguyễn Trường Tộ, Thực Chất, Con Người và Di Thảo" do Giao Điểm xuất bản của hai tác giả Nguyễn Kha và Trần Chung Ngọc đã dọi những ánh sáng mới vào Lịch sử, đưa ra những tài liệu giúp người đọc hiểu biết thêm về một nhân vật mà các sách giáo khoa trung học đã khiến in sâu vào đầu óc nhiều học sinh như một thần tượng của Đất nước.

Lời Nói Đầu của nhà xuất bản làm giạt mình người đọc: "Bằng những sử liệu bất khả phủ bác, mà phần lớn là những tài liệu mật, và của các linh mục, giám mục, Nguyễn Kha và Trần Chung Ngọc (đồng tác giả của cuốn sách) đã cho thấy bản chất thực của Nguyễn Trường Tộ qua các bản Điều Trần mà hầu hết là lạc dẫn, không tương và chỉ có lợi cho ngoại bang mà thôi."

Tác giả Nguyễn Kha làm công việc đọc 58 Bản Điều Trần của Nguyễn Trường Tộ và Trần Chung Ngọc làm công việc trình bày con người tác giả các Bản Điều Trần, từ Huyền Thoại đến Thực Chất.

Trên trang 17, Nguyễn Kha đặt nghi vấn tại sao Nguyễn Trường Tộ phải trốn ra nước ngoài, như chính ông tự nhận "đã từng trốn ra nước ngoài". Trên trang 193, Trần Chung Ngọc cho biết "Năm 29 tuổi, ông (Nguyễn Trường Tộ) tháp tùng giám mục Gauthier sang Pháp và ở lại Pháp trên 2 năm." Chính thời gian ở Pháp đã khiến ông mở mắt nhìn thấy sự việc nước người, năm 31 tuổi ông trở về nước, làm thông ngôn (hay thư ký) cho Pháp.

Vấn theo Trần Chung Ngọc, Nguyễn Trường Tộ có đạo gốc, là con của một thầy lang, từ 10 tới 16 tuổi học ở nhà với cha, từ 16 tới 22 tuổi học cụ Lê Thước và cụ Tú Giai, từ 22 đến 25 học cụ Cử Hữu, từ 25 đến 28 học quan huyện Địa Linh và được giám mục Gauthier để mắt tới.

Phần Nguyễn Kha viết dài hơn, vì phân tích 58 Bản Điều Trần của Nguyễn Trường Tộ. Nhận định chung, đây là một cuốn sách nên đọc, vì đưa ra được nhiều thông tin ít người biết. Cuốn sách kết luận, có thể hiểu, Lịch Sử đã đánh giá sai lầm Nguyễn Trường Tộ, cần soi sáng Lịch Sử bằng những nghiên cứu mới, để trả các nhân vật lịch sử về đúng tầm mức của họ.

Sách bán với giá 12 mỹ kim. Liên lạc:

GIAO ĐIỂM
P.O. Box 2188,
Garden Grove, CA 92842.

NGÀY CUỐI CÙNG QUÂN NGŨ

NGUYỄN PHÚC

11 giờ sáng 30.4.75
xã long thanh mỹ
đơn vị : tiểu đoàn 3/48

Rút khỏi mặt trận Xuân Lộc, Trung đoàn 48 Sư đoàn 18 do Trung tá Trần Minh Công chỉ huy, được lệnh Tướng Lê Minh Đảo, Tư lệnh Sư Đoàn làm tuyến chiến đấu chặn địch tại vùng Trảng Bom ở phía bắc Biên Hòa.

Đêm 26 rạng ngày 27 tháng Tư, dưới áp lực nặng nề của địch với bộ binh và xe tăng tràn ngập các khu rừng cao su, cũng như Trung đoàn, Tiểu đoàn 3/48 cùng một chi đoàn thiết vận của Thiết đoàn 5 được lệnh rút về cố thủ bên ngoài vòng đai Long Bình. Tại đây, tăng T54 địch với hỏa lực lấn áp, đã liên tục tấn công nhưng bị khựng lại vì sức kháng cự của thiết đoàn 5 mặc dù thiết đoàn 5 chỉ gồm còn hơn một chi đội chiến xa M41 từ thời đệ nhị thế chiến và các thiết vận xa M113 chỉ trang bị hỏa lực chống bộ binh. Cuộc chiến đấu trong hai ngày với nhiều tăng địch bốc cháy trong rừng cao su. Bộ binh địch cũng không thể tiến xa hơn vào mục tiêu là căn cứ Long Bình vì sự phối hợp chiến đấu của các đơn vị Thủy Quân Lục Chiến và Sư đoàn 18.

Chiều ngày 29 tháng Tư, Tướng Lê Minh Đảo gọi Trung tá Trung đoàn trưởng Trung đoàn 48, Trung tá Thiết đoàn trưởng Thiết đoàn 5 và tôi vào nhận lệnh tại Bộ Tư Lệnh trong căn cứ Long Bình. Vừa lúc chúng tôi bước vào phòng ông thì chuông điện thoại reo. Tướng Lê Minh Đảo cầm ống nghe và tôi chỉ nghe một câu trả lời của ông với người bên kia đường giây: "Áp lực địch đang đè nặng, e rằng khó giữ nổi nhưng chúng tôi sẽ cố hết sức mình, trình với Tổng thống như vậy".

Ông đặt ống nghe rồi quay qua nói với chúng tôi:

---"Tổng thống Dương Văn Minh bảo chúng ta cố giữ Long Bình, Biên Hòa để dễ thương thuyết với cộng sản".

Sau khi nghe chúng tôi báo cáo khả năng quân số và hỏa lực cơ hữu để chiến đấu, Tướng Lê Minh Đảo nhìn chúng tôi và nói:

---"Là quân nhân chúng ta chỉ biết chiến đấu để bảo vệ đất nước đến giờ phút cuối cùng".

Đây là lần sau cùng tôi thấy ánh mắt cương quyết nhưng đầy tình cảm của vị Tư lệnh trẻ, một cấp chỉ huy thường xuyên có mặt khắp chiến trường, vị Tư lệnh duy nhất không sử dụng trực thăng riêng để di tản mà cùng hành quân đường bộ với bộ binh trong đêm rút quân khỏi Xuân Lộc.

Tôi nhớ hình như ông mỉm cười khi thấy tôi nhìn chiếc ghế ngồi của ông được lót bằng lá cờ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam.

Khi chúng tôi đứng dậy chào từ giã, ông nói:

---"Moa biết các toa và anh em binh sĩ cực nhọc lắm".

Thật ra ông cũng chẳng khác gì chúng tôi, hốc hác và phờ phạc vì nhiều đêm không ngủ, nuốt miếng cơm sấy đắng cả cổ họng.

Quá nửa đêm 29 tháng 4 dưới làn đạn pháo 120 ly của địch tới tập đổ xuống Long Bình, chúng tôi được lệnh rút quân về hướng Nam sông Đồng Nai làm tuyến án ngữ cuối cùng. Khi qua các đường phố Biên Hòa, tại các điểm trọng yếu đều có lực lượng Dù và Tăng M48 của Thiết đoàn 3 Ky binh bố trí.

Đơn vị chúng tôi vừa đổ quân xuống gần khu nghĩa trang Biên Hòa thì trời vừa tăng sáng. Từng đoàn tăng T54 của CS vượt qua cầu xa lộ Đồng Nai vì cầu chưa bị giật sập theo kế hoạch. Xe tăng địch chạy theo xa lộ hướng về Sài Gòn, vừa chạy vừa bắn sập những công sự phòng thủ lộ thiên, những vị trí pháo binh hai bên đường vì chẳng có người bảo vệ và sử dụng. Theo sau đoàn tăng địch là đoàn molotova treo cờ MTGPMN chở đầy bộ đội.

Lúc này thì Thiết đoàn 5 đã tách rời Bộ binh chúng tôi.

Với một Tiểu đoàn chỉ còn quân số trên hai trăm, chúng tôi cùng chạy đua về Sài Gòn với địch. Nhưng làm sao về Sài Gòn để hợp đồng chiến đấu với các đơn vị bạn kịp khi mình là Bộ binh chạy bằng đồng còn địch thì đi xe tăng và molotova. Biết vậy nhưng chúng tôi cũng cương quyết về Sài Gòn.

Khoảng 11 giờ ngày 30 tháng Tư, từ chiếc radio nhỏ chúng tôi mang theo để theo dõi tình hình chính trị tại Sài Gòn, tiếng Dương Văn Minh, Tổng thống và Nguyễn Hữu Hạnh, Quyền Tham Mưu Trưởng Quân Đội vang lên ra lệnh toàn quân bỏ súng đầu hàng.

Cả đoàn quân đứng sững lại, ngơ ngác nhìn nhau như không tin là chuyện thật.

Đầu hàng! Sao lại dễ dàng như thế này.

Tôi chắc chắn rằng ít có người lính nào lại nghĩ đến chuyện bỏ súng đầu hàng ngoại trừ những gương mặt chính trị salon ở Sài Gòn. Tiểu đoàn chúng tôi có không hơn năm người đã tự rời bỏ đơn vị khi nghe lời tuyên bố của Dương Văn Minh. Một điều không ngờ là có nhiều anh em binh sĩ, trong đó tôi còn nhớ rõ tên một người là Trung sĩ trẻ Nguyễn Văn Tạo đề nghị chúng tôi kéo quân vào rừng tiếp tục chiến đấu. Tôi yên lặng nhìn anh em, lòng

phân vân. Dù sao thì chính trong thâm tâm tôi cũng mong rằng chiến tranh nên kết thúc là hơn. Hậu quả chưa biết được nhưng tiếng súng sẽ không còn. Và chấm dứt chết chóc.

Từ nơi bìa rừng, dân chúng vẫy tay và kêu gọi chúng tôi. Tôi hỏi ý Trung tá Công Trung đoàn trưởng rồi cho lệnh anh em bỏ súng. Chúng tôi tiến vào làng giữa tiếng reo cười, mừng rỡ của đồng bào đứng hai bên đường đón tiếp. Có nhiều người mẹ đã khóc. Ba người du kích và một xã đội trưởng đi theo sau, súng cầm tay nhưng với thái độ hòa hoãn.

Đến khu đất trống, theo yêu cầu của người xã đội trưởng, tôi tập hợp anh em. Và giữa rừng người vây quanh, tôi nói:

---"Thừa lệnh Tổng thống và vì hòa bình hạnh phúc của đồng bào, anh em chúng tôi bỏ súng". Đồng bào vỗ tay hoan hô.

Đêm 30, hơn 200 anh em chúng tôi nằm la liệt trong sân một ngôi chùa nhỏ thuộc xã Long Thanh Mỹ, Thủ Đức, chẳng có người du kích nào canh gác. Họ không canh gác là đúng bởi vì với sức mạnh của hơn hai trăm chiến sĩ Miền Nam những người du kích làm sao kềm giữ chúng tôi được.

Tuy chúng tôi tuyên bố rằng anh em không còn thuộc Quân đội nhưng không có ai rời bỏ đơn vị. Anh em vẫn quanh quẩn bên những người chỉ huy cũ cho đến giây phút chia tay. Trung tá Trung đoàn trưởng, Đại úy Vàng, Đại úy Cung Ban chỉ huy Trung Đoàn, Đại úy Nguyễn Mạnh Tông, Tiểu đoàn phó, Đại úy Trần Văn Minh, Đại đội trưởng Đại đội Chỉ huy Tiểu đoàn và tôi đều không ngủ được. Chúng tôi ngồi bên nhau uống nước trà, nhìn trời đêm, nghe nhịp thở mệt nhọc và tiếng ú ớ của anh em binh sĩ từng chấp văng lên trong vườn chùa lặng lẽ. Tôi nghiệp anh em, đã gần tháng trời từ khi mặt trận Xuân Lộc bùng nổ sáng ngày 9 tháng tư đến nay mới có được giấc ngủ tạm ngon lành. Chúng tôi cùng nhắc đến cái chết vào giây phút cuối cuộc chiến của Trung sĩ Truyền Tin Võ Văn Sơn. Sáng nay, Sơn bị trúng đạn của VC khi lội qua con sông nhánh của sông Đồng Nai mà chìm mất. Nhiều anh em binh sĩ đã tìm kiếm nhưng vẫn chưa thấy. Sẽ ăn nói với mẹ, già của Sơn thế nào đây.

Bao năm chiến đấu, chưa bao giờ để lại xác một binh sĩ tại chiến trường, dù ngay trong vị trí địch thế mà nay, vào giờ phút cuối cùng lại để giòng sông cướp mất một người em!



mục mới mời bạn đọc viết:

NGÀY CUỐI CÙNG TRONG ĐỜI QUÂN NGŨ CỦA TÔI

Ngày Cuối Cùng Trong Đời Quân Ngũ Của Tôi, hay Đơn Vị Cuối Cùng Tôi Phục Vụ, là một mục mới của Tạp chí Khởi Hành. Mục này của bạn đọc, do bạn đọc viết, Khởi Hành chỉ là diễn đàn đăng tải bài viết của quý bạn.

Nhiều năm nay, những kinh nghiệm một đời của thanh niên Việt Nam đã trôi xuống vùng đen tối nhất. Vào tuổi phượng hương, trong khi thanh niên thế giới cắp sách tới các giảng đường, mở mang trí tuệ tới tương lai sáng láng, cuộc đời tươi hồng, thì thanh niên Việt Nam chôn vùi tuổi trẻ nơi xó rừng, bờ nương, ghim súng trong đêm tối, đói lạnh, nhớ nhung. Những mối tình tan vỡ. Những tương lai mờ mịt. Những cuộc đời trắc trở. Những cơn thơ lủi thủi ngổ hẻm thành phố, lối gai xóm làng. Những người yêu ra đi, những bà vợ chết vật. Những mẹ già tần tảo sớm hôm. Những bà ngoại bà nội nuôi cháu gian nan. Những em gái thay mẹ nuôi con cho em cho anh của mình. Và Hòa Bình mở đầu cho Trại Tập Trung. Và Thống Nhất khởi sự những ngày Chia Cắt. Và vượt biển là thủy tang hay chia ly vĩnh viễn. May mắn lắm thì lưu vong xa lạ ở hờ, mỗi người lao vào một cuộc sống đấu tất tưởi nơi Xứ Người, hay lam lũ tủi nhục tại Quê Hương.

Có ít ra là hai thế hệ, ba thế hệ thanh niên Việt Nam tiêu phí Tuổi Trẻ sau hàng kềm gai, bên kia chiến tuyến, khi còn sống để nhìn lại, thì những ngày có thể sống cuộc đời mình - cuộc đời thật sự mong ước - đã qua. Bằng hữu chúng ta - mà trong đời sống Đông Phương, bằng hữu lại chiếm những ngày kỳ ảo nhất, nhiều người đã chết. Để lại cho chúng ta những tâm thức trầm thống như lửa như nước như sương như khói không rời.

Nhưng đó là mặt tối của sự nhìn lại, thời của những Hưng Thịnh trị vì Vạn Nước. Mặt sáng của nó, Những Đau Đớn đời này đã mở mắt Loài Người: Cộng Sản mà Việt Nam chúng tôi biết là chương sách cuối cùng của Cuộc Chiến Tranh Y thức hệ. Sau chúng tôi, không còn Dân tộc nào nữa rơi vào móng vuốt Cộng Sản. Ngày nay, ngay tại Việt Nam, vốn sống để tân tạo Đất Nước là từ Kinh nghiệm 75. Những Tan Vỡ 75 là Hồng Thủy Đông Dương, những gì còn sót lại đã lên tàu, đã hóa thân để biến đổi Đất Nước; những người đã ra đi là những Hoàng tử An Tiêm, những Nàng Ba vợ đảm, và ngay trong đời, những An Tiêm thế kỷ XX và những Nàng Ba thời đại đang mang về nước hàng trăm Trái Dưa Đỏ. Những trái dưa đỏ ngày nay đang dâng lên Dân tộc những mùa gặt hiện đại.

Cho nên nhìn lại không phải là hối tiếc, nếu nhìn lại thấy "tội phạm", thấy "ngụy" chính là anh em, thấy kẻ thắng là người thua, thấy hãnh diện là ở kẻ bị giam cầm, thấy trong trại tập trung có Nguyễn Biểu ăn thịt đầu người, Phạm Lãi không biết đau, thấy tại Quê hương có Trạng Trình ở ẩn, hay thấy ngoài Hải ngoại những... An Tiêm lưu vong. Cho nên nhắc lại những ngày cuối cùng không phải để tủi hổ, mà để rút ra những bài học.

Sách vở Miền Nam bị đốt 1975: Sách vở Miền Nam được in lâu sau đó. Nhạc Vàng Miền Nam bị cấm 1975: Nhạc Vàng Miền Nam ra Bắc. Nhưng cho tới nay những ai sẽ viết lại Lịch Sử Văn Học Dân Tộc khi Cộng Sản đã đốt? Những ai viết lại Quân Sử Miền Nam khi Hà Nội hủy diệt? Người viết lại chính là người Hải Ngoại, người đang có tự do. Bạn cũng là một An Tiêm. Bạn có trái dưa đỏ nào để mang về Đất Nước chăng?

Hãy viết cho mục Ngày Cuối Cùng Trong Đời Quân Ngũ của Tôi. Hãy viết Cho Đơn Vị Cuối Cùng Tôi Phục Vụ. Đừng chờ một sử gia viết cho bạn. Chẳng có sử gia nào sống như bạn sống. Bộ Quân sử Việt Nam Cộng Hòa không phải do phóng viên ngoại quốc viết, cũng không phải do kẻ chiến thắng viết. Tiếng nói trung thực nhất bao giờ cũng là tiếng nói của nạn nhân. Ngục trung thư không phải viết bởi quân giáo, mà bởi người tù.

Xin viết thật VẮN TẮT. Tránh viết hoa mỹ. Chỉ viết sự thật. Tránh viết quá nhiều ý nghĩ. Viết rõ tên người, chức vụ, nhiệm vụ, ngày tháng, địa phương, sự việc xảy ra. Đừng viết quá 10 tờ giấy viết thư. Không chỉ trích, phê bình. Hãy kể lại. Quân sử Việt Nam Cộng Hòa phải viết bởi những người đã phục vụ trong quân ngũ, từ cấp nhỏ nhất, cấp trực tiếp trên bạn hay trực tiếp dưới bạn, tất cả đều góp phần làm nên Thiên Anh Hùng Ca Việt Nam.

Ngày Cuối Cùng Của Bạn Trong Quân Ngũ, bạn ở đâu, làm gì, với ai, khi nào, ra sao? Ngày đó chỉ có 24 giờ. Đơn Vị Cuối Cùng Tôi Phục Vụ, đơn vị nào, ai chỉ huy, khi nào, ở đâu, làm gì, với ai, ra sao, lúc bạn tới và khi bạn đi, có những gì bạn chứng kiến? Hãy cầm bút ngay bây giờ, ngay hôm nay. ■

May quá, buổi sáng 31 tháng Tư khi anh em sĩ quan chúng tôi được vị sư trụ trì chùa mời uống trà, thì nghe nhiều tiếng nói mừng rỡ từ ngoài sân chùa gọi vào:

— "Tìm được xác anh Sơn rồi Thiếu tá ơi".

Tất cả chúng tôi cùng đứng bật dậy. Vị sư già chấp tay hướng về Phật Tổ: "A Di Đà Phật", rồi cùng chúng tôi bước ra ngoài nhìn Sơn lần cuối.

Buổi trưa, người xã đội trưởng du kích đến chùa bảo tôi tập họp anh em để nhận giấy chứng nhận rồi cho ra về. Đứng trước hàng quân lần cuối cùng, nói vài lời khuyên và từ giã, chúc anh em trở về với gia đình có cuộc sống mới, tôi vô cùng xúc động. Nhiều anh em binh sĩ đã khóc vầy quanh chúng tôi, những sĩ quan Đại úy và Thiếu tá bị ở lại để chờ đưa đi. Có một anh nào đó đã tặng tôi ống kem và bàn chải đánh răng. Anh nói, giọng chân tình, cảm động:

— "Em mua để biếu Thiếu tá dùng khi chưa liên lạc với gia đình".

Rồi những choàng vai, những bàn tay xiết chặt, những đôi mắt lúng túng xúc động già từ. Tôi, lần đầu tiên trong cuộc đời chiến trận, ứa nước mắt.

Tôi nhờ Tào và vài anh em thuê xe lam chở xác Sơn về giao cho gia đình vì Tào biết nhà Sơn.

Một đại gia đình bị tan rã. Ba năm làm người anh cả của Tiểu đoàn, khởi đầu bằng trận đánh với trung đoàn 33 CS tại vùng Đất Đỏ, Bà Rịa khi tăng phái cho Liên đoàn 5 Biệt Động Quân của Trung tá Hồng, rồi cùng nhau trực thăng vận nhảy xuống chiến trường An Lộc mùa hè 1972, chôn vùi vàng nhiều thân xác còn nóng hổi anh em dưới gốc cao su, suốt một ngày đêm quần thảo chiếm ngọn đồi Gió từ thần phía đông nam An Lộc, tái chiếm sân bay Quảng Lợi, An Lộc,... và cuối cùng bằng trận quyết tử Xuân Lộc. Lúc nào anh em cũng kể bên nhau, từng bịch cơm sấy, từng vốc nước đục ngầu trong chiến khu D, rừng Lá, Bến Cát, Bình Dương, Biên Hòa, đêm phục kích nghe tiếng chim hoành hoạch, ngày hành quân nghe tiếng tắc kè, vui buồn, gian khổ. Phút giây này khi không lại ném súng đưa tay đầu hàng, cúi đầu nhục nhã. Rã dần để dành thế này ư?

Chợt tiếc cây colt 12 giao cho một anh trong đội quân báo dành để tự xử. Sáng nay người lính quân báo đã ném xuống dòng sông. Nhưng nếu còn, mình có đủ can đảm để tự bắn vào đầu hay không?

Cảm ơn các mẹ, cha, anh chị em xã Long Thanh Mỹ đã gom góp nhau cho anh em chúng tôi ăn chung một bữa ăn no với thịt heo trong sân chùa trước khi anh em mỗi đứa một đường. Cảm ơn vị sư già trong đêm 30 tháng 4 đã cầu nguyện cho chúng tôi... Cảm ơn chúng ta, những thanh thiếu niên miền Nam đã sống với nhau nhiều hơn là sống với gia đình vợ con và chưa bao giờ giận ghét phản bội nhau.

Chao ơi, nếu Quê hương Đất nước Dân tộc chúng tôi từ đây sẽ được yên lành hòa bình hạnh phúc thật sự thì sự chia tay của đại gia đình 3/48 chúng tôi chẳng có gì phải ân hận. Và em nữa, chiến hữu Võ Văn Sơn vừa nằm xuống cũng ngậm cười phải không em? ■



HAI BÀ VỢ SOLZENITSYN

NG. PHƯƠNG TUẤN

Lại chuyện về văn nhân nước Nga. Câu chuyện có đủ tình tiết của một tiểu thuyết Nga - những mê đắm, bội phản, âm mưu mật vụ KGB trên bối cảnh bi hùng của một giai đoạn lịch sử nước Nga thế kỷ 20 -

Sự việc chung quanh các nhân vật nhà văn đối lập với nhà cầm quyền Xô Viết Alexander Solzhenitsyn, giải Nobel văn chương 1970, hai bà vợ của ông và một cuốn tiểu sử gây tranh cãi do tiểu thuyết gia người anh D.M Thomas biên soạn. Cuốn tiểu sử được dự trù sẽ do nhà xuất bản St. Martin's Press phát hành trong năm nay. Nhà xuất bản St. Martin cũng đã có kế hoạch ấn hành một tuyển tập gồm các bài viết của Solzhenitsyn do các cộng tác viên lâu năm của ông sắp xếp, phiên dịch. Nhưng bỗng nhiên các cộng sự viên của Solzhenitsyn rút lại cuốn sách, cho biết họ nhận chỉ thị từ gia đình của nhà văn. Những người này bất bình vì ông Thomas đã phỏng vấn bà vợ trước của Solzhenitsyn, bà Natalya Reshetovskaya và định sử dụng các hình ảnh do bà ta cung cấp, những hình ảnh mà Solzhenitsyn vẫn xem là thuộc riêng về mình.

Nhà văn đang yêu: Aleksandr Solzhenitsyn vào năm 1956 với bà vợ đầu, Natalya Reshetovskaya. Lúc này ông vừa ở tù ra.

Ông Thomas và ban biên tập của ông cáo buộc Solzhenitsyn vốn được phương Tây xem như một khuôn mặt biểu tượng cho đạo đức và tinh thần tự do sáng tạo, là đã kiểm duyệt họ. Người vợ thứ hai của Solzhenitsyn, bà Natalya Svetlova còn được gọi là Alya, thường làm phát ngôn viên cho chồng, bảo bà không hề biết gì về cuộc tranh cãi này. Từ Moscow, qua một thông dịch viên bà nói: "Ông Solzhenitsyn cũng như người đại diện của ông không nhận được thông báo gì của nhà xuất bản Martin's Press. Còn về vụ kiểm duyệt bà Svetlova bảo: "Thật không thể ngờ một nhật báo vẫn được nhiều người tôn trọng lại đưa ra một chuyện như thế".

Nhưng một trong một số các người dịch cuốn sách của Solzhenitsyn, ông Alexis Klimoff, giáo sư đại học Vassar, cho biết ông nhận được một điện thư của bà Solzhenitsyn chỉ thị ông ta ngưng việc xuất bản cuốn sách đó. Trong một cuộc phỏng vấn bằng điện thoại ông Klimoff nói thêm: "Solzhenitsyn tin rằng bà vợ trước của ông đã cộng tác với mật vụ KGB ngăn chặn

không cho phát hành cuốn 'QUẦN ĐẢO NGỤC TÙ'. Bà ta còn bằng lòng để cho KGB xen vào, tạo dựng bố trí những chi tiết, sự việc lố lằng trong tập hồi ký của bà nhằm hạ uy tín ông. Solzhenitsyn cho rằng tập tiểu sử của ông Thomas soạn có nhiều điểm gây tác hại ngộ nhận. Nhưng ông Klimoff không trưng ra bức điện ông nói.

D.M. Thomas tác giả cuốn tiểu thuyết "KHÁCH SẠN TRẮNG" xuất bản năm 1981 và là dịch giả nhiều thi phẩm Nga cho biết ông đã kiểm cách phỏng vấn Solzhenitsyn mà không được. Ông coi cuốn sách ông viết có lợi cho Solzhenitsyn. Từ Luân Đôn, trả lời một cuộc phỏng vấn bằng điện thoại, ông Thomas nói: "Nhà văn Solzhenitsyn có thiếu gì dịp để liên lạc với tôi. Tuy ông ta có một lý tưởng cao quý về sự tự do của người cầm bút, mà xem cung cách chừng như ông ta cũng đã dự vào việc bảo nhà xuất bản St Martin đừng ấn hành cuốn sách của tôi".

Tập sách ông Thomas soạn dựa vào những cuộc phỏng vấn, hồi ký của Solzhenitsyn và bà vợ đầu tiên của ông, bà Reshetovskaya cùng nhiều tài liệu khác, kể cả tập tiểu sử do Michael Scammell soạn năm 1988. Ông Thomas đưa ra những bằng chứng mới cáo buộc bà Reshetovskaya đã cộng tác với KGB chống lại người chồng cũ của bà, và ông thuật lại một chuyện ít ai biết, đó là cảnh sát mật vụ Liên Xô từng mưu toan ám sát Solzhenitsyn.

Solzhenitsyn năm nay 79 tuổi. Câu chuyện của ông cùng hai bà vợ đã trải qua hơn sáu mươi năm trong thời thế nước Nga, khởi từ thời Stalin qua giai đoạn cởi mở sửa sai, đến cuộc cách mạng Nga thứ hai kéo theo sự sụp đổ của chế độ cộng sản. Và nói gì thì nói, xét ra Solzhenitsyn đã không thể nào thực hiện được những tác phẩm văn chương lớn lao giá trị nếu không có sự hỗ trợ nhiệt tình của cả hai bà. Hai bà đã đánh máy những bản thảo bí mật của ông, canh chừng không để khách khứa tới quấy rầy ông, lo cho ông từng miếng ăn miếng uống suốt những năm tháng dài ông âm thầm ẩn dật làm việc.





Khoảng 1970, với bà vợ thứ hai, Natalya Svetlova.

Trong tập tiểu sử, D.M. Thomas kể lại cuộc gặp gỡ đầu tiên giữa Solzhenitsyn và nàng Reshetovskaya năm 1936. Lúc bấy giờ nàng là một sinh viên hóa học đầy hứa hẹn và cũng là một dương cầm thủ tại trường Đại học Rostov. Reshetovskaya mời chàng về nhà, những ngón tay bay lướt trên phím đàn, nàng dạo cho chàng nghe *tấu khúc số 14* của Chopin. Nàng gọi chàng là Sanya. Chàng kêu nàng bằng cái tên Natasha. Rồi họ lấy nhau năm 1940.

Bà Reshetovskaya nói ngay từ thời gian đầu chung sống Solzhenitsyn đã cho là vợ mình có tính vị kỷ khi bà mong muốn có con. Solzhenitsyn ngại rằng con cái sẽ gây trở ngại cho tham vọng trước tác văn chương của ông. Ông muốn hai vợ chồng phải hy sinh nhằm xây dựng sự nghiệp văn chương ông hằng ấp ủ.

Một năm sau ngày cưới, Solzhenitsyn nhập ngũ, ra phục vụ tại tiền tuyến. Trong một bức thư viết năm 1945 mà năm 1975 bà Reshetovskaya trích in trong tập hồi ký "SANYA" và ông Thomas cũng in lại thêm một lần nữa trong cuốn tiểu sử ông soạn, có đoạn: "Anh nhận thấy tình yêu của em vẫn có nhiều phần ích kỷ. Em cứ nghĩ rằng tương lai của chúng ta sẽ là một cuộc sống chung không bao giờ gián đoạn trong một ngôi nhà tiện nghi đầy đủ đồ đạc, khách khứa lui tới thường xuyên, chiều tối thì đi xem hát".

Ít lâu sau Solzhenitsyn bị bắt giữ vì hoạt động chống Stalin. Ông chịu đựng bao nỗi lao khổ thiếu thốn trong nhà tù Lubyanka ở Moscow, về sau chuyển qua trại tù phát vãng miền Kazakstan. Sức lực hao mòn, đói khổ, nhưng ông vẫn làm thơ, giữ thơ trong trí để khỏi bị thêm hình phạt. Trong suốt thời gian dài, bà Reshetovskaya chỉ được phép viết thư thăm ông mỗi tháng một lần và nhận thư ông hai lần mỗi năm.

Trong chín năm đầu thành hôn, hai ông bà chỉ chung sống cùng nhau có một năm. Theo ông Thomas những lần gặp gỡ ít ỏi giữa hai ông bà, tình yêu đã bị kềm giữ dồn nén lại trong tâm tư. Và cũng như nhiều tù nhân khác đã làm, Solzhenitsyn cố thuyết phục thúc đẩy vợ hãy bỏ ông để có thể sống yên ổn hơn với một người đàn ông khác.

Rồi chuyện cũng xảy ra. Năm 1952, Natalya Reshetovskaya có một người tình, ông Vsevolod Somov. Bà bảo cũng phần vì

ông này có hai đứa con trai không có mẹ và bà thì vẫn mong mỏi có con. Bà chính thức ly hôn với Solzhenitsyn.

Trong thời gian này, Solzhenitsyn bị lưu đày ở Kazakstan, lại mang bệnh ung thư. Căn bệnh lúc nặng lúc nhẹ, rồi cuộc cũng được chữa khỏi, nhưng ông bị ám ảnh có thể thuốc men chữa trị đã khiến ông bị vô sinh (không còn có con cái gì được). Năm 1956, đúng vào lúc bà Reshetovskaya sắp sửa thành hôn với ông Somov thì Solzhenitsyn được phóng thích khỏi trại tù, trở về Moscow. Nàng bấy giờ đã chững chạc điểm đạm hơn và ra dáng một bà chủ gia đình; chàng thì ốm o gầy mòn sau bao năm tù tội biệt xứ.

Bà Reshetovskaya thuật lại trong hồi ký: khi bà cho Solzhenitsyn hay bà đã có người đàn ông khác, bà thổn thức một lời cuối cùng: "Em được tạo ra ở cõi đời này chỉ để yêu anh, nhưng định mệnh đã an bài một lối khác". Solzhenitsyn đưa cho Reshetovskaya đọc mấy bài thơ ông làm, một bài có mấy câu:

*"Trong đêm khuya anh dẫu
đôi mắt mình trong chiếc ly*

*Anh thì thâm với kẻ khác
những lời vô nghĩa*

*Em yêu
chúng ta đợi chờ đã lâu rồi"*

Thế là vụ ly dị bị hủy bỏ, hai người trở lại chung sống với nhau.

Năm 1962, Solzhenitsyn đạt được thành quả vẻ vang đầu tiên, sau khi cho ấn hành cuốn "MỘT NGÀY TRONG ĐỜI CỦA IVAN DENISOVICH". Bà Reshetovskaya nhận xét Solzhenitsyn có vẻ thay đổi khi được nhiều người hâm mộ bao quanh tán tụng. Nhà văn hồ hởi khởi đầu một loạt những cuộc tình lãng nhãng với các nàng trẻ trung. Bà Reshetovskaya kể rằng khi bà lên tiếng phản đối thì nhà văn đáp ngay: "Em đã giúp anh sáng tạo được một thiên tiểu thuyết. Bây giờ em cho phép anh để nó giúp anh tạo thêm một thiên truyện khác".

Năm 1968, hai tác phẩm "TẮNG ĐÁU ĐỊA NGỤC" và "KHU UNG THỦ" được xuất bản, Solzhenitsyn gặp nàng Natalya Svetlova. Nhà văn 50 tuổi và nàng mới 28, là một nhà toán học xuất sắc.

Trong tập hồi ký "NHỮNG ĐỒNG MINH VÔ HÌNH" Solzhenitsyn viết: "Đến lần gặp gỡ thứ tư hoặc thứ năm gì đó, tôi đặt hai tay lên vai nàng kiểu như ta thường làm khi muốn tỏ bày một tâm sự và lời tri ân với một người bạn. Và cử chỉ đó đã tức khắc làm đảo lộn cuộc đời chúng tôi".

Khi thấy bà Reshetovskaya càng ngày càng tỏ ra đau khổ, quay quắt, Solzhenitsyn bèn kêu gọi bà hãy vì mối quan tâm đối với sự nghiệp thi văn của ông mà chia sẻ, chịu đựng cùng ông đôi điều.

Bà Reshetovskaya thuật lại lời ông: "Xin em hãy hiểu cho anh, khi viết tiểu thuyết anh phải mô tả biết bao nhiêu là loại đàn bà. Chắc em đâu có nghĩ là chỉ quanh một cái bàn ăn thôi mà anh tìm ra được những nhân vật nữ cho truyện của anh, phải không em?"

Ông Thomas viết trong cuốn tiểu sử rằng ngày bà Svetlova biết mình mang bầu, bà vẫn nói với Solzhenitsyn là ông cứ ở lại với bà Reshetovskaya, còn bà sẽ tự mình nuôi con. Bà Reshetovskaya đã già rồi, đầu còn có thể làm lại cuộc đời nữa, ông Solzhenitsyn dừng nên bỏ vợ.

Chừng như suy tưởng đến câu chuyện "ANN KARENINA" khi bà Sofiya, người vợ đau khổ tuyệt vọng bị văn hào Tolstoy từ bỏ, bà Reshetovskaya thảo một lá huyết lệ thư để lại cho chồng, phăng phăng ra nhà ga, quyết tâm lao đầu vào xe lửa. Nhưng chuyện đó bà không tự tử. Về sau bà uống một lọ thuốc ngủ, may thay được cứu sống.

Cũng theo ông Thomas khi đã mang bầu bà Svetlova có xin bà Reshetovskaya hãy tha thứ cho mình về việc đã cướp mất chồng của bà.

Về sau Solzhenitsyn ly dị bà Reshetovskaya và cưới bà Svetlova, bà này sinh hạ cho ông ta ba cậu con trai.

Bà Reshetovskaya tiếp tục viết thêm nhiều hồi ký về Solzhenitsyn, trong số có tập "Sanya" do nhà Novosti vốn được cơ quan mật vụ KGB bảo trợ ấn hành. Một trong những biên tập viên làm việc với bà là nhà văn Konstantin Semyonov được xem như là một nhân viên KGB.

Năm 1970 văn hào Alexander Solzhenitsyn được chọn để trao giải Nobel về văn chương.

Năm sau, theo Ông Thomas, Solzhenitsyn từng bị mưu sát. Trong ngôi thánh đường Novocherkassk ở miền Nam nước Nga, nhà văn bị một nhân viên mật vụ KGB đâm bằng một mũi kim có thuốc độc. Ông bị cơn đau đớn hành hạ, nằm liệt giường trầm trọng, nhưng sau may mắn phục hồi. Ở phương Tây ít ai biết đến vụ mưu sát này. Gần đây vụ này mới được thuật lại trong phần phụ lục của cuốn HỒI KÝ của Solzhenitsyn.



Aleksandr Solzhenitsyn

loạt bài đời sống các nhà văn

Cũng trong cuốn HỒI KÝ, Solzhenitsyn thuật tiếp KGB cũng muốn dùng bà Reshetovskaya để thuyết phục ông dừng cho xuất bản cuốn "QUẦN ĐẢO NGỤC TÙ". Michael Scammell, người viết tiểu sử Solzhenitsyn xem việc này còn là một toan tính của bà Reshetovskaya: bà tự đặt mình làm một trung gian hòa giải giữa nhà văn với chính quyền và để Solzhenitsyn sẽ mang ơn bà.

Năm 1974, sau khi tác phẩm "Quần Đảo Ngục Tù" ra mắt độc giả, Solzhenitsyn bị trục xuất khỏi Liên bang Xô Viết. Năm 1977 ông định cư ở Cavendish tiểu bang Vermont, Hoa Kỳ. Sau cùng năm 1994, khi chế độ cộng sản đã sụp đổ, ông trở về Nga. Cách biệt quê nhà cả một thập niên, ngày quy hồi cổ hương, trong một thời gian ông thường xuất hiện trên màn ảnh truyền hình nói chuyện với khán thính giả về nền đức lý suy bại của nước Nga hiện đại.

Bà Reshetovskaya cho biết những năm sau ngày ly hôn, Solzhenitsyn vẫn tiếp tục cấp dưỡng cho bà. Khi bà bị ung thư ngực, ông trả giùm bà tất cả mọi khoản y phí. Năm 1996, khi căn bệnh tái phát, bà Reshetovskaya được đưa vào bệnh viện, bà Svetlova có đến thăm, đem cho bà một cái máy phát thanh. Bà Reshetovskaya nói với ông Thomas: "Bà ấy bày tỏ mối quan tâm đối với tôi. Xem ra bà ta còn khá hơn ông chồng bà".

Hiện nay sức khỏe của bà Reshetovskaya đang suy sụp. Bà sống trong một căn chung cư nhỏ ở Moscow, chung quanh đầy những hình ảnh và kỷ vật của người chồng cũ. Ông Solzhenitsyn ở cách bà chừng bốn trạm tàu điện ngầm mà không hề thăm viếng hoặc liên lạc gì.

Phần kết thúc tập tiểu sử, ông Thomas còn đưa ra một phát giác chẳng ai ngờ. Ông viết bà Reshetovskaya trên thực tế có kết hôn một lần thứ hai. Vụ này bà dấu nhem. Người chồng sau này là ông Konstantin Semyonov, một nhà văn từng nhận sắc cho tập hồi ký bà viết.

D.M. Thomas viết ông nhờ một bà bạn lân la tới hỏi han bà Reshetovskaya xem chuyện ấy có thực hay không. Bà Reshetovskaya choáng váng kêu lên: "Chuyện ấy bị lộ ra rồi sao? Đó là một cuộc hôn nhân bí mật. Ôi, khổ quá... Kostya Semyonov đã cứu trợ tôi sau ngày Solzhenitsyn đi đày. Lúc bấy giờ tôi lêu bêu không công ăn việc làm, tán gia bại sản. Tôi thể tôi chưa bao giờ là nhân viên của KGB".

*"At midnight, hiding my lips in a glass
I whisper incomprehensibly to others
My love, we have waited a long time".*

Người tù biệt xứ từ trại khổ sai trở về. Gã chưa biết sẽ tá túc nơi đâu. Gã lang thang trong đêm khuya lặng lẽ rồi bước vào một quán rượu. Gã ngồi đơn độc trong góc quán. Ly rượu đã cạn. Gã cúi đầu trên chiếc ly trống thì thắm vào đó những lời gì chẳng ai hiểu được. Trông gã đầy những bí ẩn. Nhưng có người nào rõ chuyện mới biết rằng gã chưa có gì là bí ẩn so với người đàn bà đến trong đời gã lúc gã mới hai mươi hai tuổi, khởi đầu một cuộc tình, chia ly, rồi tái hợp rồi lại chia lìa. Người đàn bà này mới thực sự bí ẩn cùng với lịch sử bí ẩn vùi chôn bao điều mật mù xa khuất trong lớp sóng phé hưng. ■

Khởi Hành không có tài liệu gì về Yên Thao, tác giả bài thơ Nhà Tôi được truyền tụng ngay những ngày đầu Kháng chiến chống Pháp. Ông thuộc lớp nhà thơ 1945-1954, thời điểm của nổ súng và chia cắt đất nước, cùng thời với Hữu Loan, tác giả Mầu Tím Hoa Sim, Quang Dũng, tác giả Tây Tiến, Hoàng Cầm, tác giả Bên Kia Sông Đuống, và vài nhà thơ khác xấp xỉ trang lứa như Trần Huyền Trân, Thôi Hữu, Chính Hữu. Việc đăng lại bài thơ này cũng tương tự như việc trước đây chúng tôi đã đăng lại bài Mầu Tím Hoa Sim của Hữu Loan: sưu tập những bài thơ tuyệt tác thời đại.

nhà tôi

một bài thơ của
YÊN THAO

Tôi đứng bên này sông
Bên kia vùng địch đóng
Làng tôi đầy xạm đen màu tiết đọng
Tre cau gãy rũ tóc ướt mưa sương
Màu trắng vôi lốm lốm mấy khung tường
Nếp đình xưa
Người hỡi, vui gì không?

Tôi là anh lính chiến
Rời quê hương từ dạo máu khơi dòng
Buông tay cây vui lại thuở bình Mông
Ghi nắc súng nhớ đi ngày đặc thắng.

Chân đã mỏi
trên nẻo đường vạn dặm
Áo nào phai
không sót chút hào hoa

Đêm hôm nay tôi trở về lành lạnh
Sông sâu mừng lấp lánh sao lưa thưa.

Tôi có người vợ trẻ
Đẹp như thơ
Tuổi chớm đôi mươi
Cười buổi dâng cờ
Má trắng mịn thơm thơm mùi lúa chín

Ai bước đi mà không từng bịn rịn
Rời yêu thương nào đã mấy ai vui?

Em lặng buồn
Nhìn với buổi chia phôi
Tôi mạnh bước mà nghe hồn nhỏ lệ.

Tôi còn người mẹ
Tóc ngả màu bông
Tuổi già non thế kỷ
Lưng gầy uốn nặng kiếp long đong

Nắng mưa từ thuở tang chồng
Tơ tằm rút mãi cho lòng héo hon.

Ôi xa rồi
Mẹ tôi nhòa nước mắt
Mong con phương trời

Có từng chợt tỉnh đêm rơi
Nghe dồn tiếng súng nhớ thời chia ly.

Mẹ ơi, con mẹ tìm đi
Bao giờ hết giặc con về mẹ vui.

Đêm hôm nay tôi trở về lành lạnh
Sông sâu mừng lấp lánh sao lưa thưa
Ông quần nâu đã vá mun giang hồ
Chắc tay súng tôi mơ về Nguyễn Huệ.

Làng tôi kia bên trại thù quanh quệ
Trông im lìm như một nấm mồ ma

Có còn không
Em hỡi
Mẹ tôi già
Những người thân yêu
khóc buổi tôi xa?

Tôi là anh lính chiến
Theo quân về giải phóng quê hương
Mái đầu xanh đầy bụi viễn phương
Bước chân đất đạp xiêu dồn lũy địch.

Này anh đồng đội
Người bạn pháo binh
Đã đến giờ chưa nhĩ
Mà tôi nghe như trại giặc tan tành

Anh rót cho khéo nhé
Không lạc nhầm nhà tôi*

Nhà tôi ở cuối thôn đoài
Có giàn thiên lý có người tôi thương.

* Có bản chép: Kẻo lầm nhà tôi.

MÙI HƯƠNG BỒ KẾP

NGUYỄN SỸ TẾ

Truyện

1.

"Tôi sinh ra tại một làng nửa tỉnh nửa quê nơi đồng bằng miền Bắc. Làng tôi cách thành phố Nam Định không quá nửa giờ xe đạp. Tôi ở phía bên đây thành phố thì làng cụ Tú Vị Xuyên ở phía bên kia. Tôi không hiểu có một mối giây huyền bí nào khiến tôi đã gắn bó suốt đời với thơ văn và cuộc đời của cụ Tú, một nhà nho thất thế ra đời trước tôi sáu mươi năm trước. Hai tấm lòng cùng chung một mối sầu hoài cổ chăng? Một bài thơ của cụ tôi thường ngâm nga mỗi khi có một biến chuyển trong đời là bốn câu lục bát:

*Sông xưa rày đã nên đồng
Chỗ làm nhà cửa, chỗ trồng ngô khoai
Đêm nghe tiếng ếch bên tai
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi dò!*

Tôi còn nhớ hồi mười ba mười bốn tuổi, tôi cứ lang thang đạp chiếc xe cũ rích của anh Cả tôi nhường cho tôi khi người vừa đậu xong bằng Thành Chung thì mãi ở tận Hà Nội. Tôi đi hết xó xỉnh này đến xó xỉnh kia. Để nhận diện quê hương hay chỉ để thỏa mãn thú vui xê dịch? Và mỗi lần qua bên Vị Xuyên là mỗi lần tôi dừng lại thật lâu trước ngôi từ đường con cháu thờ cụ Tú: một căn nhà ngói cổ rất khiêm nhường đã điều tàn theo năm tháng! Thoảng đâu đây mùi hoa cau, hoa bưởi, hoa nhài làm tôi ngây ngất.

Tôi không màng tượng nổi ngôi trường thi mà trong thơ cụ Tú gọi là "trường Nam". Sơ khảo trường Nam bắc cử Nhu... Thời xa xưa ấy, cái trường thi của cụ nó như thế nào mà nay chỉ còn bãi đất trống trơ vơ ở khu Năng Tĩnh. Làm sao mà nhà thơ thần tượng của tôi lại có thể trượt thi, ba năm một lần, tới tám khoa nhỉ? Cụ có giải thích: "Tám khoa chưa khỏi phạm trường quy!" Tôi thấy mình cũng hơi giống cụ và khám phá ra rằng cái học đường thời nào rồi cũng có cái "tràng quy" của nó. Anh Cả tôi đã thi đậu Thành Chung ra làm công chức từ lâu, mà tôi đi thi đến bốn kỳ liền trong hai năm chẳng lần nào đủ điểm vượt. Tôi tìm nguồn an ủi bằng cách, mỗi khi qua bên Vị Xuyên, tôi dừng xe đạp thật lâu, ngắm nhìn ngôi từ đường thờ cụ Tú để nhân thể say mùi hương quá khứ lẫn quất trong hương cỏ nội với hoa vườn.

Thời thế đã đổi thay. Những trường học kim thời có bàn ghế học sinh, bảng đen và

phấn trắng đã thay thế những căn nhà lụp xụp của ông đồ. Tôi chạy theo mấy nhà thơ lớp mới thuộc hàng cha chú tôi, đặc biệt tôi thuộc lòng những vần thơ đồng nội của Nguyễn Bính người cùng tỉnh Nam Định với tôi. Tôi nhớ mãi mấy câu:

*Nhà em có một giàn trầu
Nhà anh có một hàng cau liên phòng
Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông
Cau thôn Đoài nhớ trầu không thôn nào?*

Thế là cụ Tú Vị Xuyên đã truyền cho tôi tình yêu đi vắng và tác giả "LỖ BƯỚC SANG NGANG" cũng bồi thêm cho tôi một thứ tình yêu khác, tình yêu nam - nữ. Tôi chưa hiểu tương tư là cái bệnh gì nhưng cũng cảm thông mối sầu của nhà thơ theo bản năng và trí tưởng tượng của tuổi thiếu niên của mình.

Tôi nhớ, nhiều năm sau này, có những thời tôi phải, vì chiến tranh, chôn chân lo toan sinh kế ở phố phường. Lúc này, tôi tìm đủ mọi cơ hội để được sống lại cái không khí thôn ố như tôi đã từng được sống trong buổi thiếu thời. Ôi, cái mùi hương đồng nội Việt Nam sao mà quyến rũ thế! Bóng tre bông chạp lên đôi vai gầy của chàng thanh niên là tôi. Mùi đất bùn xông lên từ những mảnh ao bèo nơi những con vịt trắng nâu đang rìa những cánh bèo để tìm sâu. Rồi, ở bên đường, những đồng phân bò ủ rơm trét bùn cũng đưa ra một mùi hỗn hợp ngai ngái dễ thương. Đây chẳng phải là một hành trình để người nông dân chuẩn bị một thiên nhiên đổi mới hay sao?

Đâu đây có mùi khen khét đập vào khứu giác, mùi của rơm rạ cháy trong những căn nhà bếp lá, tỏa khói bốc lên mái nhà tranh bay ra lưng thôn xóm. Và ngay trên đầu tôi, chạm vào tóc tôi, là mùi hương ngọt ngào của hoa soan, hoa bưởi... Thật là cả một cuộc hòa tấu vĩ đại những mùi hương nơi tôi chôn nhau cắt rốn!...

Tôi ngừng đọc, mắt rời cuốn sách nhỏ, nhìn qua cửa sổ phòng khách ra ngoài trời. Người thiếu phụ ngồi đối diện với tôi cất tiếng hỏi:

- Bác đã đọc xong "khúc TỰ TÌNH" thứ nhất?

Kính hoàn chị Phùng Văn Tuệ

Tôi nhìn người thiếu phụ không trả lời câu hỏi của nàng mà hỏi lại nàng:

- Song thân cháu lấy nhau hồi nào nhỉ?

Thiếu phụ chậm chạp lục ký ức:

- Cháu nghe bà nội cháu kể là từ hồi bố cháu mới 18 và mẹ cháu 16. Lúc đó, Việt Minh vừa mới cướp được chính quyền, cùng lúc bác Cả cháu thoát ly gia đình đi biệt tích. Bác có biết bác Cả cháu mà!

- Vâng, tôi cùng học một lớp với bác Cả. Và cũng biết bác Cả sớm đã rời quê hương như chính tôi đây vậy. Thời thế quả là ác nghiệt! Mỗi người đi biệt một phương trời...

Thiếu phụ nói lời:

- Thế mà thẩm thoát đã hơn bốn mươi năm trời... với bao năm đập vùi trong hai cuộc chiến tranh phi lý!

Chúng tôi ngồi im lặng hồi lâu trong ngậm ngùi, mỗi người nhìn ra một nẻo trời qua cửa sổ. Rồi, tiếp tục câu chuyện, tôi nói với thiếu phụ:

- Tôi đã gặp thân phụ của cháu nhiều lần khi tôi còn ở quê nhà. Bác Cả hồi còn đi học với tôi có nói nhiều về người em trai duy nhất của ông.

- Nói tốt hay xấu, thưa bác?

Tôi cười:

- Có lẽ là tốt vì bác Cả khen bố cháu là người có đầu óc nghệ sĩ, khá thơ văn...

Thiếu phụ cũng cười theo:

- Lời của một người anh Cả thương người em út của mình!

Nhớ tới thiên "TỰ TÌNH" mà tôi vừa đọc xong khúc đầu, tôi hỏi thiếu phụ:

- Bố mẹ cháu chắc yêu nhau lắm?

- Thưa bác, mỗi lứa tuổi, mỗi con người có một quan niệm khác nhau về tình yêu.

- Cháu chưa nói cho bác biết về cuộc tình duyên của bố cháu đó!

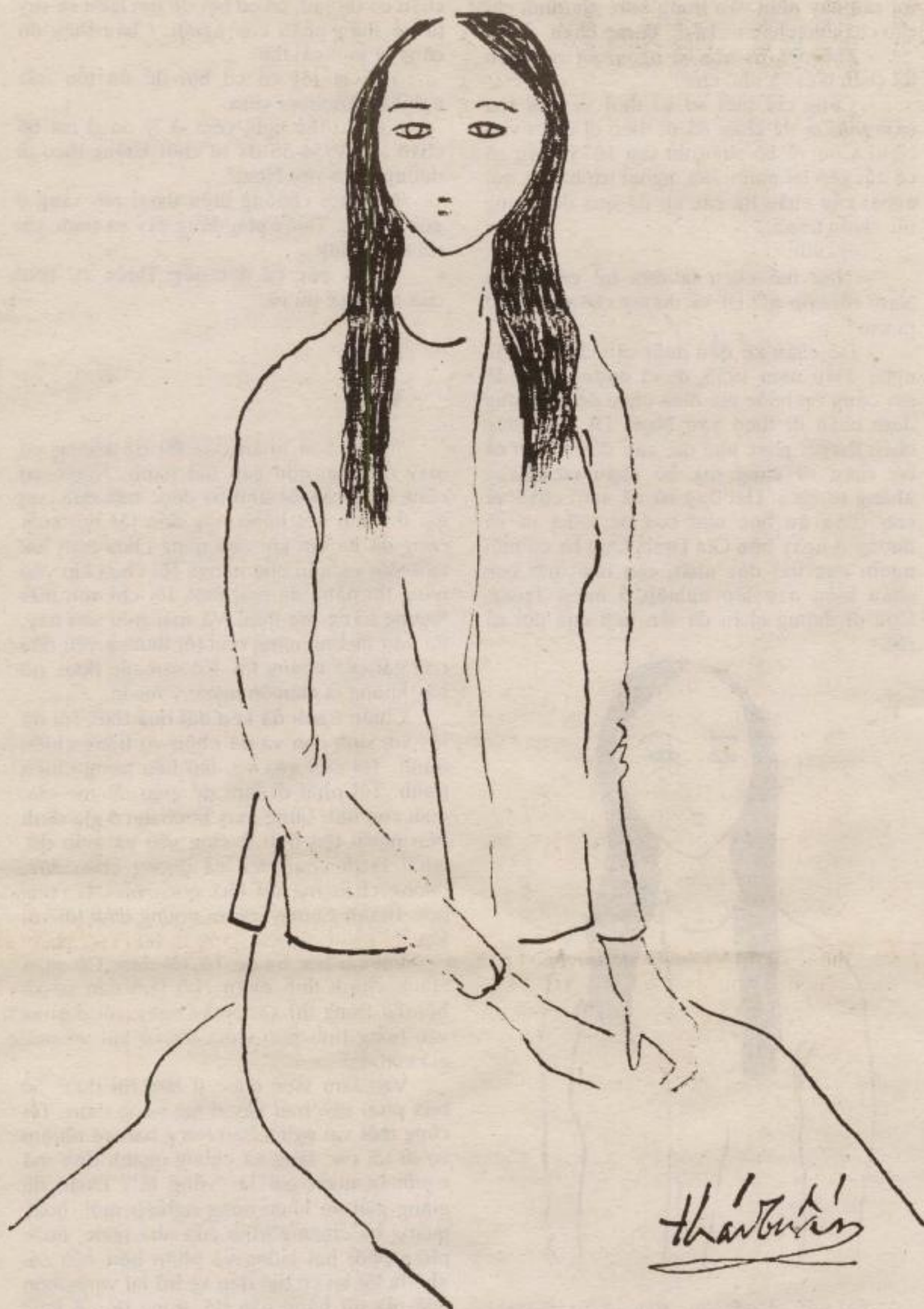
- Cháu đâu có biết! Mọi chuyện là do bà nội, bà ngoại cháu kể lại cho cháu nghe. Cháu coi như là một câu chuyện cổ tích vậy. Bởi lẽ cháu mới lên hai tuổi thì mẹ cháu đã qua đời.

Tôi chợt nhận ra sự ngỡ ngàng của mình nên vội vàng xin lỗi:

- Xin lỗi cháu! Bác vô tình đánh động một sự kiện buồn trong đời cháu.

Tôi không khỏi ngạc nhiên thấy thiếu phụ sau một phút suy tư đã cất tiếng trả lời tôi với một giọng điệu bình tĩnh:

- Hồi đó cháu còn bé đâu đã biết gì. Sau này lớn lên, nghe kể chuyện thì cũng



chỉ biết thế mà thôi. Từ cái nghĩ đến cái sống con đường còn xa cách. Vả lại đau thương nào rồi cũng mỗi mòn theo năm tháng. Nửa thế kỷ đã trôi qua rồi còn gì...

Rồi, tự ý trở lại với câu hỏi của tôi về tình duyên của cha mẹ nàng, thiếu phụ nói tiếp:

- Có thể nói là họ cũng yêu nhau theo lối của họ. Cháu chỉ biết mẹ cháu là một cô thôn nữ xinh đẹp, hiền thực nhiều chàng trai trong làng theo đuổi. Bố cháu cũng có thể ở trong hàng các chàng trai đó. Bà ngoại cháu nói mẹ cháu chẳng biết chuyện yêu đương là gì cả. Đến lúc thấy có người con nhà danh giá hỏi và gia đình ưng thuận thì bà ấy nhận lời, thế thôi.

- Kể ra tâm hồn của cổ nhân cũng đơn giản thật, nhất là đàn bà. - Tôi phụ họa: Còn bố cháu?

Không dẫn đo, thiếu phụ trả lời:

- Bố cháu lại khác hẳn. Ông có tâm tình phức tạp hơn. Đây, rồi bác đọc tiếp Thiên TỰ TÌNH sẽ rõ. Bà nội cháu nói bố cháu thời sắp lấy mẹ cháu cũng ưa làm dáng lắm. Nào chải đầu xăng tin, bôi nước hoa

Cologne, hồ quần áo bột, nén đầu giường... và trong túi áo lúc nào cũng mang theo một cái lược sừng. Ông cũng biết viết văn và tập làm thơ. Bác Cả cháu có biết và có tìm đọc.

Trong một cuốn sổ tay, ông chép khá nhiều những bài thơ cũ có, mới có. Ông còn viết những bài văn ngắn ca ngợi đủ mọi thứ cỏ hoa đồng nội, ca ngợi đủ mọi thứ hương thơm, thậm chí cả mùi hương bồ kết trong nước gội đầu của người đàn bà nhà quê.

Nói đến hai tiếng "bồ kết", thiếu phụ bỗng trở lại buồn rầu, không nói năng gì thêm nữa. Cuối cùng nàng đứng dậy, nài cố đi vào bếp đun nước pha trà mời khách.

2.

"Có một điều thật lạ lùng đối với tôi là trong bầu không khí pha đầy những mùi hương đồng nội, tôi tri giác tận cùng mùi hương của một thứ nước gội đầu của nữ giới còn để lại trên mớ tóc dài của họ, mùi hương bồ kết.

Mùi hương này tôi đã biết tới từ tuổi ấu thơ khi chưa cắp sách đến trường tiểu học. Nó rất quen thuộc, rất nhẹ nhàng và rất dai dẳng. Nó chạm thẳng vào khứu giác của người chung quanh, nó thoảng bay trong gió, nó đậu lại trên chiếc lược ngà, trên mái tóc, trên vành khăn, trên tấm yếm lụa của bà nội tôi, của mẹ tôi. Một mùi hương không thể nào lẫn lộn với bất luận một mùi hương nào khác, không giả tạo như mùi hương của những mỹ phẩm mà người ta bán ở mấy ngôi chợ lớn miền quê như xấp Cô Ba, phẩn Tokalon... hoặc nước hoa Cologne của những tiệm hớt tóc đàn ông. Nó hăng hắc, hồn nhiên, thân mật, hòa hợp với một mùi hương tổng hợp, mùi hương đồng nội Việt Nam. Tôi dám nói nó -mùi hương bồ kết- là sứ giả mang thông điệp đón mời của tất cả mọi người dân quê Việt Nam gửi khách bốn phương.

Từ ngày tôi khám phá ra hay nói cho đúng hơn- tôi bắt gặp lại cái mùi hương thân yêu và quyến rũ là mùi hương bồ kết, tôi sinh ra giận mình đã có lúc chạy theo đời sống mới, tôi sinh ra ghét bỏ những thằng con trai cùng lứa tuổi với tôi, cùng học với tôi mà cứ phải làm duyên làm dáng như bọn con gái để mong được họ chiếu cố. Nào nước hoa, nào áo cổ cứng, nào quần là ống sớ, nào gương nào lược...

Vâng tôi, tôi đã trải qua một cuộc cách mạng tâm tình như thế. Những người đàn ông mà trang điểm quá lố là người đã đánh mất cái nam tính của họ chưa chắc đã được nữ giới đoái hoài. Tôi chủ trương chỉ có mỗi một cái "thằng tôi nguyên si" do cha mẹ tôi tạo ra cống hiến cho đời ai muốn chấp nhận thì chấp nhận. Mà ngay nơi những người con gái, tôi cũng chỉ chấp nhận việc làm đẹp tới một mức độ nào.

Không phải là tôi cổ hủ. Trái lại, ở một khía cạnh nào đó, tôi còn "mới" hơn nhiều người. Tôi vẫn cho việc điểm trang là một thiên chức của đàn bà, một cần thiết xã hội. Tôi chỉ muốn người ta đừng đánh mất cái cũ. Nhiều lúc, tôi thấy sự điều tàn cũng có cái đẹp riêng của nó: sự điều tàn của những tình hoa thời đại.

Là kẻ ngưỡng mộ Nguyễn Bính làm sao tôi lại không biết yêu cơ chứ? Nhưng tôi vẫn có cái say mê riêng của tôi, một cái mà nhà thơ thần tượng của tôi cũng không nghĩ tới, mùi hương bồ kết. Ngay từ năm học đệ tam Thành Chung tôi đã dặt mộng có một người

yêu, một người vợ suốt đời sẽ cho tôi được gần gũi cái mùi hương bồ kết ấp ủ trong mái tóc tơ của người ấy. Lúc nào tôi cũng khắc sâu trong trí óc cái hình ảnh của bà nội tôi, mẹ tôi mỗi khi các người gọi đầu.

Vào những ngày nắng ráo, người vào lục trong góc bếp, lấy một chiếc giỏ tre xuống, móc ra ba trái bồ kết lớn đã phơi khô để dành trong đó. Người nướng những trái bồ kết trong một đồng tro rơm còn hồng. Khi bồ kết ra, người giũ sạch bụi tro, lau chùi bồ kết thật kỹ. Người lấy tay bẻ những trái bồ kết ra làm nhiều mảnh nhỏ, bỏ vào một cái chậu sành hoặc chậu thau chứa lưng lưng nước và bẻ cả cái chậu nước lênh bênh những miếng bồ kết ra phơi nắng giữa sân gạch.

Khoảng hai tiếng đồng hồ sau, người bẻ chậu bồ kết vào, dùng cả hai tay trong nước bóp cho những miếng bồ kết rã ra, những hạt bồ kết cứng không tan lắng xuống đáy chậu. Công tác cuối cùng là người gạn chậu nước bồ kết cho trong để gội đầu. Người gội thật lâu, lấy tay vò tóc, lấy lược chải tóc, đến lúc nào ưng ý mới thôi. Sau khi mái tóc của người đã no nước bồ kết và thải ra mọi chất dơ đục ngầu cả nước, người lại xúc tóc vào một chậu nước trong thật sạch. Người lấy khăn lau khô cho tóc bớt ướt, rồi tiếp tục chải đầu hóng gió cho đến khi tóc khô hẳn. Tôi mê cái cảnh gội đầu mùa nắng hơn là cảnh phải đun nước bồ kết cho sôi lên ở trên bếp vào những ngày đông giá không có ánh mặt trời.

Hai mùa hè của hai năm chót ở Thành Chung, tôi bỗng nảy sinh ra cái thú đạp xe đạp đi quanh trong làng hoặc sang các làng khác để xem có cái cảnh nào giống như cái cảnh gội đầu của mẹ tôi không, cái cảnh mà, thay vào mẹ tôi, là một cô thôn nữ duyên dáng. Tuyệt nhiên không. Tôi hững hờ đạp xe, sau đó. Niềm học trở về, tôi chẳng còn thấy hứng thú trong việc học hành nữa. Tôi tập viết văn và học làm thơ nhiều hơn.

Một năm tôi thi trượt hai khóa rồi lại một năm tôi thi trượt hai khóa nữa. Chẳng còn có liên tiếp hai mùa hè để tôi đi săn lùng mùi hương bồ kết ở trong làng, trong tổng. Thế rồi cơ hội đưa tới, bà nội tôi thúc giục, anh cả tôi hòa vào, mẹ tôi cưới vợ cùng làng cho tôi.

Tôi gật đầu chẳng buồn đi điều tra xem cô vợ tương lai của tôi có gội đầu bằng nước bồ kết hay không hay là chỉ gội đầu bằng xà phòng thơm mua ngoài chợ...

Thiều phụ đặt tách trà nóng xuống bàn, trước mặt tôi, bình tĩnh nói:
- Bố cháu kể cũng là người "đặc biệt" đấy, bác nhỉ?

Tôi không trả lời câu phát biểu của thiếu phụ mà hỏi sang chuyện khác:
- Cho phép bác tò mò một chút. Cháu sinh năm nào nhỉ?

- Bà nội cháu bảo một năm rưỡi, sau ngày bố mẹ cháu lấy nhau.
- Và rồi cũng chỉ độ một năm rưỡi sau ngày sinh cháu là mẹ cháu qua đời phải không?

Nét buồn trở lại gương mặt thiếu phụ:
- Cháu chẳng có một chút kỷ ức nào về mấy năm sơ sinh đó. Ngay cả về gương mặt của mẹ cháu, cháu cũng không biết, ngoại

trừ sau này nhìn vào trong ảnh, gia đình chỉ cho cháu thì cháu nhận đó là mẹ cháu.

- Thế còn bà nội bà ngoại và bố cháu thì cháu biết và nhớ chứ?

- Cũng chỉ biết sơ sơ thôi vì mới lên năm tuổi ta thì cháu đã đi theo đi cháu vào Nam. Còn về bố cháu thì sau 1975 cháu có cơ hội gặp lại nhiều lần; ngoại trừ hai bà nội ngoại của cháu thì các cụ đã qua đời trong lúc chiến tranh...

Tôi cười:

- Như thế cháu là đứa trẻ của miền Nam rồi còn gì? Di và dưỡng cháu bây giờ ra sao?

- Để cháu kể đầu đuôi câu chuyện bác nghe. Đầu năm 1955, di và dưỡng cháu đã gia công ép buộc gia đình cháu để di dưỡng cháu đi theo vào Nam. Di và dưỡng cháu thuyết phục như thế nào để rủ luôn cả bố cháu đi cùng mà bố cháu cứ khăng khăng từ chối. Hai ông bà đã nuôi cháu và cho cháu ăn học như con đẻ. Nhà di và dưỡng ở ngay bên Gia Định. Ông bà có một người con trai độc nhất, còn nhỏ tuổi hơn cháu hiện nay lập nghiệp ở miền Trung. Còn di dưỡng cháu đã lần lượt qua đời cả rồi.



Tôi hỏi về tiểu gia đình của thiếu phụ, nàng nói vắn tắt: chồng là người miền Nam hiền lành, chất phác; hai người cùng là sinh viên đại học Văn Khoa, quen nhau ở đó rồi lấy nhau; chồng đi lính được vài năm thì gặp hồi 1975 lại phải đi tập trung cải tạo vài năm mới được thả về, họ sinh được một đứa con trai sống nheo nhóc ở Sài Gòn; cuối cùng năm 1986 họ được nhận cho đi định cư tại Hoa Kỳ...

- Ở Văn Khoa, cháu theo học ngành gì? Tôi hỏi thiếu phụ.

- Ở bên nhà, cháu đã có chứng chỉ Tâm lý học. Sang đây cháu học tiếp và học thêm ngành giáo dục. Nhờ đó, cháu được làm giảng viên về môn Tâm Lý Học tại một trường đại học ở đây.

Tôi ngợi khen thiếu phụ:

- Cháu không những đã có học vấn mà còn có thừa kinh nghiệm để giảng dạy môn đó.

Thiếu phụ cười:

- Có lẽ có kinh nghiệm thì đúng hơn, kinh nghiệm sống của một dân tộc đau thương, khổ ải, trải qua nhiều tình huống éo le từ gia đình, ra ngoài xã hội. Hơn nữa, cháu chọn ngành dạy học này là vì nó giúp

cháu có thì giờ, có cơ hội để tìm hiểu và suy tư về thân phận con người. Cháu thấy đó cũng là một cái thú.

Thế là tôi có cơ hội để ôn tồn trầm ngâm đối thoại viên:

- Cháu thử nghĩ xem vì lý do gì mà bố cháu hồi 1954-55 đã từ chối không theo di dưỡng cháu vào Nam?

Một hồi chuông điện thoại reo vang ở góc phòng. Thiếu phụ đứng dậy và trước khi tới đó trả lời:

- Đấy bác cứ đọc tiếp Thiên Tự Tình của bố cháu thì rõ.

3.

"Cuộc hôn nhân của tôi đã không có may mắn lại còn gặp bất hạnh. Người vợ cùng làng của tôi sinh hạ được một đứa con gái thì lâm hết bệnh này đến tật nọ, cuối cùng đã lìa đời khi con nàng chưa tròn hai tuổi. Tôi nghiệp cho nàng! Tôi chưa kịp yêu nàng thì nàng đã mai một, tôi chỉ còn biết thương nàng mà thôi! Và mãi mãi sau này, tôi vẫn thương nàng như tôi thương yêu đứa con gái của chúng tôi. Có sẵn sóc được nó hay không là chuyện ngoài ý muốn.

Chiến tranh đã kéo dài quá thế! Tôi đã lấy vợ, sinh con và đã chôn vợ trong chiến tranh. Tôi còn góa vợ, lêu bêu trong chiến tranh. Tôi phải đi làm để giúp đỡ mẹ già, nuôi con dại. Cũng may là cháu có gia đình bên ngoại tận tình thương yêu và giúp đỡ. Nhất là di cháu. Và cả dưỡng cháu nữa, dưỡng cháu mà tôi khá quen biết vì cùng học Thành Chung với tôi nhưng dưới tôi vài lớp.

Với cái học bạ đệ Tứ, tôi được Cơ quan Hành chính tỉnh nhận cho làm cán sự xã hội đặt trong thị xã. Ngày ngày, tôi đạp xe vào trong tỉnh làm việc, tối về vui với mẹ già con dại.

Vào làm việc được ít lâu, tôi được Sở biệt phái vào ban xây dựng nông thôn. Tôi cùng một vài người bạn trong ban có nhiệm vụ đi tới các làng xã chung quanh tỉnh mà người ta quen gọi là "vùng tể". Hoặc để giảng giải về khoa nông nghiệp mới, hoặc quảng bá chương trình của nhà nước, hoặc phân phối hạt giống và phân bón nếu có. Thế là tôi lại có dịp đạp xe trở lại vùng thôn quê mà tôi hằng gắn bó, trong đó có làng của chính tôi.

Bởi tôi quên làm sao nổi cái mùi thôn ỏ mà tôi đã nói ở những khúc trên kia?

Một ngày kia, sở lại biệt phái thêm cho ban chúng tôi một cán sự nữ. Cô Cán sự này được tuyển dụng vào ngạch phụ khuyết vì những khiếm thức và kinh nghiệm về nghề nông của cô, nhất là quê cô lại ở ngay trong vùng chúng tôi phụ trách: làng cô ở kế bên làng cụ Tú Vị Xuyên, người khai tâm cho tôi vào văn chương chữ nghĩa.

Ngày cô nhập bọn đi công tác với chúng tôi, hai anh bạn của tôi xem chừng ngưỡng mộ nhan sắc của cô lắm. Họ liếc trộm cô và nói nhỏ với nhau: "Trong hàng các cô thôn nữ chân lấm tay bùn, phải kể cô này là một ngôi sao sáng". Có lẽ tôi khó tính hơn nên chỉ thấy nhan sắc của cô ở vào mức trung bình, không có cái yếu mà cũng không có cái mạnh. Người cô tầm thước, nước da mai má, khuôn mặt trái soan, cái trán hơi cao và đôi mắt tròn đen lánh... Có lẽ là tôi đã đọc quá nhiều thơ văn nên sinh ra phê bình vô đoán chăng?

Đi công tác như thế với chúng tôi chừng một tuần thì cô hồng xe đạp đứng vào lúc chúng tôi làm việc tại làng cô. Xe hồng đến độ không có cách nào sửa chữa:

- Thôi tạm vứt ở nhà, khi nào mua đủ phụ tùng ở tỉnh đem về sẽ tính sau.

Cô nhìn ba chúng tôi, tìm người chờ giùm về sở. Hai anh bạn làng tránh có lẽ vì ngại rằng họ đã có vợ. Chỉ còn tôi chết vợ là có điều kiện để giúp nàng. Tôi đành nhận công tác theo tinh thần đồng đội, chẳng vui cũng không buồn.

Hai anh bạn đã lẹ chân đạp xe đi trước, tôi còn lẻo đẻo đi sau. Cô đồng nghiệp ngồi trên chiếc porte-bagages phải vòng tay ra phía trước ôm lấy ngực tôi. Chỉ đạp một lúc là quen chân, tôi không thấy nặng nữa. Và bắt đầu tôi nói chuyện với nàng:

- Cô ở bên cạnh làng Vị Xuyên. Tôi có nhiều lần qua làng cô, trước khi đến Vị Xuyên thăm viếng Từ đường cụ Tú, mà sao tôi chưa hề gặp cô nhỉ?

Cô đáp dịu dàng:

- Em ở xóm Sau, hẻo lánh, nên anh không đạp xe tới mà thôi.

Rồi câu chuyện xoay qua gia cảnh của nhau. Tôi được biết cô kém tôi hai tuổi, gia đình có ý muốn gả chồng cho cô nhưng cô chưa nhận. Và tôi cũng nói thật cho cô hay là tôi góa vợ.

Những lúc có gió thổi, xe tôi như ngã nghiêng, cô phải ép mình vào lưng tôi, má gần như kề vào cổ tôi. Và giây phút thiêng liêng, giây phút thần tiên đã đến với tôi. Từ mái tóc buộc hờ tung bay, một mùi hương quyến rũ mà tôi đã tìm kiếm từ độ mới lớn lên cho tới nay, bay ra đập vào khứu giác của tôi: mùi hương bồ kết. Đến một chỗ kia, gió xuôi thổi mạnh, tóc cô còn quăn vào cổ tôi, chạm vào má tôi.

Tôi sống trong một niềm hạnh phúc vô biên suốt cuộc hành trình. Tại sao hạnh phúc đã không đến sớm với tôi ba, bốn năm về trước nhỉ? Tôi toan trách trời nhưng nghĩ lại thấy trời thương tôi lúc này cũng chưa muộn.

Khi dừng xe ở sở tôi mới kịp có thì giờ để ngắm kỹ mái tóc mây huyền của cô. Sao mà nó dài và mượt thế. Nó dong đưa vất vẻo trên lưng cô, nó tỏa ra phía trước che lấp nửa mặt hoa của cô:

- Em quên không quăn khăn cho thật chặt để gió thổi làm tung ra ngoài! Anh đừng cười em nhé!

- Tại sao lại cười nhỉ? Trái lại, cô ạ. Trái lại, tôi đã có cơ hội để ngửi một mùi hương từ mái tóc cô bay qua...

- Anh có chê em là quê mùa chỉ biết gọi đầu bằng nước hương bồ kết không?

- Tôi chỉ mong chẳng bao giờ cô đổi thứ nước thơm gọi đầu, nghĩa là cứ gọi đầu bằng nước hương bồ kết!

Chiều hôm ấy, tôi lại chờ cô đồng nghiệp bằng chiếc xe đạp của tôi trở về nhà cô. Và từ đó, tôi giữ luôn cái nhiệm vụ đưa đón cô đi làm, sáng đi tối về, không sót một ngày nào. Một điều đặc biệt là đi sớm về tối, đạp xe quần quật như thế suốt mấy năm ròng mà sức khỏe tôi vẫn không hề hấn. Tôi còn khỏe khoắn vui tươi hẳn ra. Mẹ tôi, thương tình con, không hề trách mắng tôi. Con người trong cơn yêu chắc dễ thương đấy nhỉ?

Tôi thực sự đã tìm thấy Tình yêu và nhất định phải bảo tồn nó bất luận một giá

TRẦN TRỌNG SAN

VỊNH KIỀU



nào. Tôi dám từ bỏ mọi chuyện, từ chối mọi mời mọc, nhất quyết ở lại quê nhà không đi theo làn sóng di cư vào Nam, mặc dầu bao khuyến dụ của họ hàng. Một tiếc hận nếu có thì đã được giải tỏa ngay rồi: đứa con gái của tôi đã được bà đi của nó lo toan nuôi nấng.

Tôi chỉ oán trách hóa công là đã không cho tôi cơ hội để theo người yêu của mình cho tới bước chót. Nàng đã già từ tôi mà qua bên kia thế giới một chiều đông, một năm trước khi đứa con gái yêu của tôi sang Mỹ.

Tôi nhất quyết sống chết với tình yêu tôi hằng ấp ủ với người đàn bà gọi đầu bằng nước hương bồ kết. Lẽ sống của tôi đó. Tôi ở lại quê hương chăm sóc mộ nàng cho tới ngày tôi được gọi về bên nàng.

Tiểu phụ tò mò hỏi tôi:

- Bác có biết cây bồ kết với quả bồ kết nó như thế nào không?

- Thật, tôi cũng chỉ biết lơ mờ. Quả bồ kết phơi khô thì có trông thấy, mùi hương bồ kết cũng chỉ nghe nói, còn cây bồ kết thì tuyệt nhiên không biết.

- Hồi 76, cháu có về quê hương thăm gia đình. Thấy bố cháu cứ loay hoay với cái mẹt đựng quả bồ kết phơi khô ở ngoài sân, cháu có hỏi tên nó là gì thì bố cháu bảo, thế thôi. Thiên Từ tính của người lúc đó đã viết dấu. Và cháu cũng chẳng hỏi xem cây bồ kết ở đâu, nó như thế nào.

- Lúc đó, bố cháu còn trẻ chứ?

- Khó lòng mà trẻ được bác ạ! Chín, mười năm trời chiến tranh còn gì là thân xác?

- Còn bà nội, bà ngoại cháu?

Thiếu phụ thoáng giận buồn:

- Các cụ thất lạc cả. Cháu có đề nghị đưa bố cháu vào Saigon nuôi dưỡng vì dầu sao cháu nghèo nhưng cũng không đến nỗi nào.

- Thế sao bố cháu không theo vào?

- Bố cháu chỉ vào chơi trong Nam với cháu vài tuần lễ nhưng rồi cứ ra thờ vào than nói nhớ nhà và đòi về. À mà cháu quên không nói bác hay là ông ta đã lấy vợ khác vào khoảng cuối thập niên 50, nhưng cho đến lúc cháu về thăm viếng chưa có mụn con nào.

Tôi cười:

- Chắc bà sau này là đồng nghiệp cán sự xã hội của bố cháu?

- Còn lệch làm sao được! Âu cũng là duyên số. Một lứa đôi chung thủy! Thiếu phụ cũng cười.

- Phải nói là một tâm hồn đam mê và một trái tim đôn hậu!

Có tiếng còi xe hơi rúc lên ở ngoài đường. Lát sau, một chú con trai, cao lớn,

Nhạc ngựa, hài văn bước đến gần;
Dưới hoa cũng nép, cũng bâng khuâng.
Trưởng loan rên rỉ tình cùng hiểu,
Giấc bướm mơ màng mộng với xuân.
Cái vạ bán tơ mình chị gánh,
Mảnh duyên tặng quạt có em nâng.
Mười lăm năm ấy bao ân ái,
Dành lại cho ai tí tẹo phần.

khỏe mạnh mở cửa phòng khách, đặt chồng sách xuống bàn, chạy lại ôm lấy thiếu phụ hôn thắm thiết rất Tây phương. Thiếu phụ giới thiệu:

- Đây là ông bạn của ông ngoại con. Chào ông đi. Nó là đứa con trai độc nhất của vợ chồng cháu. Cháu nó mới vào đại học được hơn một năm.

Tôi đưa tay bắt tay cậu thanh niên:

- Trông cháu bảnh bao và có phong độ lắm. Nhìn hao hao giống ông ngoại. Mong rằng cháu...

Thiếu phụ cười, tiếp lời ngay:

- Đừng có giống ông ngoại riêng ở cái thú đi săn bắt một mùi hương bồ kết.

Hai chúng tôi đều cười trong sự ngỡ ngàng không hiểu của cậu con trai. Cậu ta hỏi mẹ:

- Bố chưa về sao mẹ?

- Lúc này bố có điện thoại về cho mẹ bảo hôm nay có họp ở sở, bố sẽ về muộn không phải chờ cơm đợi nước. Con vào tắm rửa, nghỉ ngơi rồi ăn cơm với mẹ.

Đứa trẻ đi rồi, tôi nói với thiếu phụ:

- Nó ngoan đấy!

- Rất ngoan! Một niềm vui của cháu.

- Còn chồng cháu bây giờ làm gì?

- Anh ấy làm kỹ sư điện toán cho một công ty ở đây. Xin lỗi bác, cháu quên chưa hỏi thăm bác xem bây giờ bác trông coi ngành gì ở bên này?

Tôi cười vui vẻ:

- Bác vẫn cứ tự do như bác Cả của cháu. Chỉ khác bác Cả là bác đã sớm rút chân ra khỏi con đường chính trị, để làm nghề viết văn và đi đây đi đó...

Thiếu phụ cười theo:

- Vậy thì câu chuyện tình của bố cháu cũng là một đề tài sáng tác văn chương cho bác viết.

- Nó luôn thể là một đề tài bán-sống-thực, demi-vécu, để cháu nghiên cứu và dạy học.

Câu nói của tôi làm cho thiếu phụ lại chột buồn và suy nghĩ:

- Bác nói cũng đúng thôi, có điều cản trở là cháu thấy vẫn có một mối giây huyền bí thiêng liêng nối kết bố cháu với cháu: tình phụ tử. Cháu có thể yêu bố cháu... và chắc chắn là "thương" người vô cùng. Cháu tôn trọng ước nguyện của bố cháu để cho ông ở lại quê hương với mồ mã ông cha và nàng.

Tôi đứng dậy cáo từ. Thiếu phụ tiễn tôi ra tận hè đường.

- Cảm ơn bác đã lặn lội đến tìm cháu.

Tôi nhìn thiếu phụ bằng một cái nhìn thông cảm vô biên rồi bắt tay từ giã nàng. Thành phố New Orleans bắt đầu chìm vào một màn sương chiều đại dương u ám. Những ngọn đèn đường đã thấp lên báo hiệu một đêm dài hoan lạc. ■

Garden Grove, May - 98

CHIÊU NIỆM NGUYỄN MẠNH CÔN

VIÊN LINH

I.

Một buổi xế trưa, không còn nhớ trong tháng nào, vào khoảng năm '67, nhà văn Nguyễn Mạnh Côn ghé thăm tôi tại tòa soạn tuần báo Nghệ Thuật trên đường Phạm Ngũ Lão, Sài Gòn. Nghệ Thuật do Mai Thảo đứng tên Chủ nhiệm, tôi làm Tổng thư ký Tòa Soạn thay Thanh Nam, rút lui sau một thời gian ngắn (1).

Anh Côn vừa từ báo Văn của anh Nguyễn Đình Vương, ở cùng đường, trước chợ Thái Bình, đi bộ tới. Tôi đã mời anh cộng tác với Nghệ Thuật, dù trong thâm tâm biết rõ giữa Mai Thảo và Nguyễn Mạnh Côn có những khác biệt lớn; từ khác biệt con người, đời sống, cho đến khác biệt về quan niệm văn chương và sự dùng văn.

Thấy anh hiện ra trước khung cửa tòa soạn, cặp kính cận dày cộm, dáng người nhỏ bé, tay cầm một xấp bài vở, tôi rời khỏi bàn, kéo anh qua quán Hồng ở góc Phạm Ngũ Lão và Đề Thám.

Trời Sài Gòn rực rỡ nắng, ngồi trong phòng nhìn ra, khung cửa ấy hiện lên như một tấm hình chụp với ống kính mờ tối da, phía sau sáng lóa, người trong hình chỉ còn là một khối bóng tối, phải định thần mới tương đối thấy rõ. Lúc này nhớ lại, tôi vẫn thấy anh Côn hiện ra trong ánh nắng hôm ấy. Phía sau anh là những chiếc xích lô đạp, những chiếc xe Honda, xe Vespa chạy qua, những cái bóng chạy vụt hai chiều. Làm nền cho dòng xe cộ ấy là một bức tường vôi màu vàng nhạt, chắn ngang con đường Phạm Ngũ Lão và khu nhà ga xe lửa Sài Gòn.

Anh em tới thăm, thường chỉ đến trước cửa, đứng đó, hiện lên trên phong hình quen thuộc của tôi, và tôi đứng dậy, nếu không kéo nhau qua quán cóc chị Năm, thì kéo qua

(1). Tuần báo Nghệ Thuật ra đời năm 1965, sau khi một nhóm nhà văn gặp Thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ, lúc ấy là Chủ tịch Ủy ban hành pháp Trung ương (Thủ tướng), được ông Kỳ hỗ trợ. Buổi gặp mặt do cố nhạc sĩ Phạm Đình Chương mà có. Phạm Đình Chương là bạn học cùng lớp với ông Kỳ và Lưu Kim Cương hồi ở Thanh Hóa. Có mặt Vũ Khắc Khoan, Mai Thảo, Phạm Đình Chương, Anh Ngọc, Thanh Nam. Do đó anh em phân công để Mai Thảo làm chủ nhiệm, Anh Ngọc làm Giám đốc Trị sự, Thanh Nam làm Tổng thư ký (chỉ 6 số). Từ số 7 tới số 56, Viên Linh thay Thanh Nam.

quán Hồng của chàng Trung úy an ninh quân đội, cách đó vài ba căn. Tòa soạn Nghệ Thuật chỉ đủ chỗ kê ba cái bàn, bàn nhìn ra khung cửa là của tôi, bên trái tôi là bàn của ca sĩ Anh Ngọc, lúc ấy làm quản lý tờ báo. Bàn của Anh Ngọc nhìn thẳng vào phía tay mặt của Mai Thảo. Khoảng trống duy nhất của tòa soạn là trước bàn Mai Thảo và bàn tôi, cho nên chúng tôi thường tiếp bạn hữu ở ngoài quán. Ngày thường Mai Thảo thường đưa các anh Vũ Khắc Khoan, Mặc Đỗ, Phạm Đình Chương hay Thanh Tâm Tuyền, Thanh Nam ra Hải Biên, đôi khi vào Tân Lạc Viên trong Chợ Lớn. Tôi không phải dân nhậu khê khà, nên chỉ ra mấy cái quán gần đó.

Đầu đề trò chuyện giữa anh Côn và tôi không chỉ ở phương diện nghề nghiệp mà còn về hai người cháu của anh, Nguyễn Nhật Duật và Nguyễn Đạt. Giữa thập niên '50, Duật là người bạn học thân nhất của tôi ở khóa hè Trung học Lê Quý Đôn, cũng như mấy năm đệ nhị cấp sau đó ở Hồ Ngọc Cẩn.

Hôm đó vừa ngồi xuống bàn, anh Côn lại hỏi thăm tôi về hai người cháu của anh. Hẳn anh đọc Nghệ Thuật thường xuyên, vẫn thấy bài phê bình sách của Duật hay thơ của Đạt. Hẳn anh ít về thăm ông anh ruột, từ khi ở Bắc vào vẫn sống trong ngôi nhà dưới bóng cây không xa Trường Đua Phú Thọ bao nhiêu, đó cũng là nơi ở của Duật và Đạt. Từ ngôi nhà này, qua đường Nguyễn Văn Thoại, qua khu rừng cao su, tới Ngã Tư Bảy Hiền, đi nữa tới Lăng Cha Cả, đi nữa xéo lên một tí tới Ngã Tư Phú Nhuận là tới nhà anh Côn trong khu cư xá Chu Mạnh Trinh. Hai đứa hẳn cũng không tới thăm chú thím và hai cậu em con ông chú. Hoặc chỉ họa hoàn.

Tôi nói với anh Côn, tôi rất cảm kích về sự tận tụy của Duật đối với bạn, người đã giúp tôi qua những bài phê bình sách viết thật nghiêm chỉnh. Tôi cũng ngờ ý Nguyễn Đạt tuy tài hoa hơn, song hình như có phần hơi khinh bạc. Đấng thơ cho Đạt, tôi trả Đạt 500 đồng tiền nhuận bút, mà trả chỉ ít. Bản thân tôi lúc mới vào nghề, từng gửi thơ đăng các báo, ít khi được trả nhuận bút. Tôi nói với anh: "Thơ nó rất hay, song nó có vẻ khinh bạc". Tôi nhớ anh cười nhẹ:

— "Còn có vẻ gì nữa!".

Không chơi với hủi là lắm.
N.M.C.

Lúc ấy, tôi đang có ý định bỏ tờ Nghệ Thuật để qua làm một tờ báo khác, song còn băn khoăn. Hỏi ý kiến anh, anh hỏi lại:

— "Tại sao cậu lại băn khoăn?"

Quen anh trước khi biết anh là chủ của bạn tôi, nên sự xưng hô giữa anh và tôi không thay đổi.

Sự việc là tờ báo muốn mời tôi làm Thư ký Tòa soạn hiện đã ra được 8 số. Tình hình không khả quan nên ông chủ nhiệm muốn thay đổi Bộ Biên Tập. Nếu nhận lời, tuy là toàn quyền lập Bộ Biên Tập mới, song tôi vẫn phải giữ lại ba biên tập viên thường trực. Ba người đó theo tôi biết, trên ý thức chung, có thể cản trở sự điều hành tờ báo, vả lại, tôi phát biểu thay vì kể ra lý do:

— "Tôi không muốn chơi với hủi".

Anh Nguyễn Mạnh Côn lắc đầu. Từ tốn, chậm chạp, anh châm một điếu thuốc, uống một ngụm cam vắt. Tôi chờ đợi để nghe nơi anh một lời khuyên.

— "Cậu uống đi đã".

Tôi đã uống gần hết một chai Pierre Larue lớn có hình trái dừa.

Lời khuyên của anh Nguyễn Mạnh Côn, 30 năm nay, tôi vẫn còn nhớ như in. Không những ngay sau đó, áp dụng lời khuyên đó, tôi nhận làm tờ báo kia và biến nó thành tờ báo thành công trong 5 năm liền sau đó, mà bất cứ lúc nào ở trường hợp tương tự, tôi đều áp dụng lời khuyên của tác giả Sống Bằng Sự Nghiệp.

— "Phải chơi với hủi".

Anh kể tôi nghe một vài chuyện, trong những chuyện đó, có chuyện anh nhận lời mời của Đại úy Ngô Quân để làm tờ Chỉ Đạo. Để điều hành một tờ báo của quân đội đến mức như anh Côn điều hành tờ Chỉ Đạo, thực hiện tờ Chỉ Đạo những năm cuối thập niên '50, không phải ai cũng làm được.

— "Anh em chúng ta thường suy nghĩ theo kiểu Quân tử Tàu là không chơi với hủi. Suy nghĩ như vậy là lắm. Phải chơi với hủi".

Tôi nghe rất rõ, nên nhìn thẳng vào mắt anh, chờ được giải thích.

— "Chơi với hủi để biết những ai là hủi. Hủi là một bệnh hay lây; phải có can đảm mới chơi với hủi được. Nếu mình yếu, mình sẽ thành hủi luôn."

"Nhưng nếu mình mạnh, không những mình không lây hủi, mà còn ngăn được hủi, không cho nó lan tràn, tránh cho nhiều anh

em khác khỏi bị hủi lây. Khi cậu biết đứa nào là hủi; cậu chỉ cho anh em, để tránh nó. Khi nhiều người biết một tên nào đó là hủi, thì nó sẽ bị cô lập, và hàng ngũ chúng ta sẽ dần dần bắt hủi đi.

"Cậu làm báo, hẳn cậu biết xã hội gọi bọn làm báo chúng ta là bọn hủi. Cho nên cậu hãy nghe tôi. Hãy chơi với hủi".

Tối đã nghe lời anh Nguyễn Mạnh Côn suốt 30 năm nay.

II.

Trong những nhà văn Việt Nam trưởng thành vào thời kháng Pháp, Nguyễn Mạnh Côn là người từng thực sự cảm hứng. Anh ở trong tiểu đoàn đánh trận Sông Lô năm 1947. "Bốn ngày ba đêm không nghỉ, không chớp mắt. Nước khe, nước lạnh, hay nước vũng trâu đầm. Cơm, vài dùm gạo rang nhai cho thật kỹ với chút muối trắng (ai vớ được vài nhánh tỏi là người ấy có bữa thịnh soạn!). Bốn ngày ba đêm, chống lại tất cả mọi định luật về sinh lý, chúng tôi vượt 320 cây số, cộng thêm chín trận phục kích. Chúng tôi không đi bằng chân mà đi bằng óc. Chúng tôi mù người trong sự cố gắng kinh khủng. Cố gắng vì yêu nước, vì thù giặc." (ĐEM TÂM TÌNH VIẾT LỊCH SỬ, trang 96-97, Nguyễn Đình Vượng xuất bản, 1958. Cuốn này đem dự thi Giải Văn Chương Toàn Quốc, nên ký Nguyễn Kiên Trung).

Trận sông Lô xảy ra vào tháng 10-1947, lúc ấy anh 27 tuổi, 6 tháng. Như thế, không biết anh đã nằm xuống bên bàn đèn thuốc phiện từ lúc nào? Xem lại tiểu sử, thấy anh sang Hương Cảng từ lúc 20 tuổi (2).

Như sự mô tả củ họa sĩ Tạ Tỵ khi gặp anh vào khoảng 1955, 56, thì anh có vẻ đã là người dính líu với Phù Dung từ rất nhiều năm rồi. Trong 8 năm, từ một chiến sĩ cầm súng bắn vào pháo đài L.S.T. của Pháp trên dòng Sông Lô, khoảng 10 cây số dưới bến Đoàn Hùng, tới nhà văn mẫn mề đọc

(2). Những Truyện Ngắn Hay Nhất Của Quê Hương Chúng Ta, Nguyễn Đông Ngạc thực hiện, Sóng xuất bản, Sài Gòn, 1974, trang 297.



Nguyễn Mạnh Côn, 1956, 1957.
Hình của nhà văn Lương Minh Đức.

Cm

Thủ bút và chữ ký
Nguyễn Mạnh Côn

tàu trên căn gác gỗ Phú Nhuận, Nguyễn Mạnh Côn đã sống cuộc thăng trầm không những của chia cắt đất nước 1954, về phía người chiến bại, mà còn nổi trôi trong một thời thế mà bạn hóa thù vì chính kiến, những tâm huyết lẫn vào việc cứu nước nhưng bị đánh bật khỏi hướng đi hoài vọng vì khác biệt đảng phái. "Lòng hồi lòng, tôi thấy mình như con ngựa mệt mỏi theo lối mòn kháng chiến quanh co, ..." (in trên bìa ĐTTVLS). Có lẽ anh đã cầm lấy đọc tàu vào cái lúc thấy mình là "con ngựa mệt mỏi" và thấy "lối mòn kháng chiến quanh co", cái lúc ấy hẳn là lúc Việt Minh truy kích đảng viên các Đảng phái quốc gia, nhất là Quốc Dân Đảng, vào năm 47, đánh bật họ qua Tàu?

Tới năm 1952, lúc 32 tuổi, anh "rời chiến khu Việt bắc về Hà Nội" (2). Nghĩa là "đỉnh tể", "về Tể", nghĩa là nói theo những người còn tiếp tục kháng chiến: theo Việt gian, theo Pháp. Rất có thể đây cũng là lúc anh đã hút, hay cầm lại chiếc que tiêm, nằm xuống bên ngọn đèn dầu lạc, buông xuôi sau một thời gian sống hào hùng, cam nhận sự thua cuộc, dạt vào bến bờ sương khói, nếu không là đã mơ màng biết từ tuổi 20, thời gian ở Hương Cảng.

Dù thế nào, Nguyễn Mạnh Côn vẫn theo sát các biến động của thời thế, sau khi về Thành, và sau khi vào Nam. Việt Cộng là kẻ thù của anh, anh theo dõi họ không ngừng. Con người, cuộc sống, sự suy nghĩ của anh không bao giờ xa chính trị. Ngay trên bìa cuốn ĐEM TÂM TÌNH VIẾT LỊCH SỬ, trong không khí hưng phấn của Miền Nam Tự Do, anh viết: "Tôi linh cảm Việt-Cộng lại đương nhằm, nhằm ở chỗ đánh giá anh em ta quá thấp."

Thật ra Chính quyền Quốc gia đánh giá các nhà văn, kể cả nhà văn Nguyễn Mạnh Côn quá thấp, còn Việt-Cộng không nhằm, họ đánh giá anh rất cao: tên anh đứng đầu bản danh sách 44 nhà văn nhà thơ Miền Nam bị Hà Nội ra lệnh bắt giam ngay đợt đầu.

Lý luận của anh sắc bén, văn chương của anh là vũ khí, Cộng Sản không thể dùng lý luận với anh, cũng không thể dùng chữ nghĩa với anh, họ dùng gông cùm. Mai Thảo viết: "...những tác phẩm của Nguyễn Mạnh Côn, từ Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử tới Hòa Bình Nghĩ Gì Làm Gì? đã là những lưỡi mác xung kích cực kỳ sắc nhọn phóng vào thành trì ý thức hệ cộng sản suốt hai mươi năm đấu tranh văn học giữa hai miền và là những tác phẩm chủ yếu của Văn học Quốc gia Việt nam từ chia cắt Nam Bắc 1954 tới sụp đổ Miền Nam 1975. Kích thước mỗi tác phẩm Nguyễn Mạnh Côn lớn lao ở đó. Mỗi tác phẩm anh là một trận đánh lớn, từ trận tuyến văn học chúng ta đánh tới kẻ thù. Trên cái nghĩa toàn phần của danh từ, anh là một danh tướng, một chiến sĩ cầm bút lấy lòng của trận tuyến văn học Miền Nam, niềm vinh dự chung của Miền Nam Văn Học. (Mai Thảo, Vĩnh Biệt Anh Nguyễn Mạnh Côn, Thời Tập, Washington, D.C., số 4, tháng 12-1979, trang 18).

III.

Cầm bản thảo của nhà văn Nguyễn Mạnh Côn trên tay, người đọc biết ngay tác giả những giòng chữ trước mắt là một người vô cùng thận trọng với chữ nghĩa. Anh viết

ngay hàng, thẳng lối, rõ từng con chữ một, trang nào như trang nấy. Anh viết trên thếp giấy có kẻ dòng.

Không cần đếm, người ta có thể áng chừng không sai bao nhiêu, nếu trang trước anh viết được một nghìn chữ, thì trang sau cũng lối một nghìn chữ. Anh là người có thể biết rõ bài anh viết, khi in ra, nếu là cho một cuốn sách, sẽ in được bao nhiêu trang. Cũng bài ấy nếu đọc trên Đài Phát Thanh, sẽ được bao nhiêu phút. Những nét chữ gãy gọn, những giòng chữ đều đặn, và chỗ nào chấm, chỗ nào chấm phẩy; chỗ nào chấm xuống dòng, vô cùng rõ rệt và chuẩn xác, về phương diện chính tả.

Đọc văn anh, có thể tưởng tượng ra cách anh nói chuyện. Nguyễn Mạnh Côn là người khúc chiết, rành mạch, không ai có thể hiểu lầm câu văn anh, vì anh không viết ra những gì còn mơ hồ. Anh là nhà văn không thể nào làm thơ. Anh là nhà văn của luận thuyết và lý thuyết. Lý thuyết chữ không phải triết lý. Nếu anh có viết truyện tình, mà anh lại hay viết truyện tình, thì đó nhất định không phải là một truyện tình thơ mộng kiểu Nhất Linh hay Khái Hưng. Mà Nguyễn Mạnh Côn lại rất phục Nhất Linh và Khái Hưng. "Đối với tôi, viết cũng như nói, là để trình bày một cảm nghĩ" (Quan niệm về Truyện Ngắn, trong những Truyện Ngắn Hay Nhất Của Quê Hương Chúng Ta).

Tạp chí Chỉ Đạo do anh làm Chủ bút là một tờ báo khổ lớn, trang báo thường chia ra làm 2 cột; chỉ nhìn cách trình bày cũng biết được cá tính người trình bày. Không những cho tờ báo này, mà còn cho các sách của anh những năm sau. Nguyễn Mạnh Côn không những chọn kiểu chữ, anh còn chọn thân chữ, bát chữ, khoảng cách, chỗ nào to, chỗ nào nhỏ, chỗ nào chữ đứng, chỗ nào chữ nghiêng, chỗ nào số La Mã, chỗ nào số thường, rất kỹ. Bát chữ của Nguyễn Mạnh Côn đều khác với bát chữ của đa số. Anh có lối riêng làm cho trang sách rộng ra, và chữ nghĩa hiện lên nghiêm túc. Nhà văn nhà thơ nào cũng có cái nhìn mỹ thuật riêng cho các tác phẩm của mình, cái nhìn của anh Côn là cái nhìn *graphique* tuyệt đối hiếm hoi trong số các nhà văn Miền Nam. Sự có mặt của một người như thế trong làng văn làng báo miền Nam từ khoảng 1956 là một sự có mặt rõ nét, rõ hình tượng, từ thể thái tới phong thái.

Phong thái nhà văn Nguyễn Mạnh Côn là phong thái một nhà văn lập thuyết để cải tạo xã hội, và luôn luôn nhìn nhận sự yếu đuối, lầm lạc của mình. Anh muốn đem bản thân mình ra làm bài học cho lớp đi sau. Anh không phải là người có thể nói "Hãy theo gương tôi". Anh là người vẫn nói "Hãy tránh những lỗi lầm của tôi".

Anh viết lời mở đầu cho một truyện của anh: "...tôi vẫn theo đuổi một ước vọng, là làm thế nào cho các bạn thanh niên hiện đại tin chắc rằng tuổi trẻ của chúng tôi chẳng có gì hơn tuổi trẻ của các bạn."

Sau chia cắt Đất Nước 1954, nguyệt san Chỉ Đạo do nhà văn Nguyễn Mạnh Côn làm chủ bút và những truyện ngắn, truyện vừa của anh đã xác định rất rõ một khuynh hướng cầm bút ở Miền Nam: chống Mác và chống Mác-xít. Anh chỉ đích danh những người này, không dùng lối ẩn dụ như - chẳng hạn - Vũ Khắc Khoan. Có thể từng là Việt Quốc và đại diện Việt Quốc - phe Quốc Gia - trong Quốc Hội Liên Hiệp năm 1946, Nguyễn Mạnh Côn đã trong khi viết

văn, còn dùng văn. Nhưng ĐEM TÂM TÌNH VIẾT LỊCH SỬ là một bản trần tình đau đớn thao thức không phải của riêng Nguyễn Mạnh Côn. Mà của chung cho lớp người yêu nước ở tuổi anh và hoàn cảnh anh. Cuốn sách đã được in lại nhiều lần.

Ngoài ĐEM TÂM TÌNH VIẾT LỊCH SỬ, Nguyễn Mạnh Côn còn viết VIỆT MINH, NGƯỜI ĐI ĐẦU (1957), LẠC ĐƯỜNG VÀO LỊCH SỬ (1965), HÒA BÌNH LÀM GÌ, NGHĨ GÌ? (1969). Những tác phẩm có nguồn gốc thời thế, liên hệ tới các vận động chính trị, lịch sử đất nước đương thời.

Không sống với Cộng Sản, chỉ qua thăm Nga trở về, văn hào André Gide người Pháp, Nobel Văn chương 1947, với ý thức của một trí thức, viết những lời cảnh tỉnh trong cuốn RETOUR DE L'U.R.S.S. (1936), và RETOUCHES À MON RETOUR DE L'U.R.S.S. (Trở Về Từ Liên Bang Xô Viết, Nhuận Sắc Trở Về Từ Liên Bang Xô Viết của Tôi). Nguyễn Mạnh Côn sống với Việt Minh, rồi từ bỏ Việt Cộng, anh đã làm như nhà văn Nam Tư Milovan Djilas, tác giả THE NEW CLASS (Giai Cấp Mới, 1957), cực lực phê bình cơ cấu và chủ thuyết cộng sản. Trong thời gian làm chủ bút tờ Chỉ Đạo, anh đã trích dịch và thêm lời dẫn cuốn GIỜ THỨ HAI MƯƠI LĂM của một tác giả Lỗ Ma Ni: C.V. Gheorgiu.



Những tác phẩm trên của anh làm người ta nghĩ đến những cuốn sách tương tự, của các nhà văn thế giới khác, chỉ xuất bản trước đó trong vòng nhiều lắm là mười năm, đều phơi bày những kiếp nhân sinh vắng bóng mặt người trong các xã hội cộng sản: DARKNESS AT NOON (Bóng Tối Giữa Trưa) của nhà văn Hung Gia Lợi Arthur Koestler, xuất bản lần đầu năm 1941, (bản Việt ngữ in khoảng 1950); ANIMAL FARM (Trại Súc Vật) và "1984" của nhà văn Anh theo và sau đó chống Xã hội chủ nghĩa George Orwell xuất bản lần đầu năm 1946 (Đỗ Khánh Hoan đã dịch ra Việt ngữ) và cuốn sau năm 1949; DOCTOR ZHIVAGO của Boris Pasternak (Bác sĩ Zhivago, Vĩnh Biệt Tình Em, bản Việt văn Nguyễn Hữu Hiệu), xuất bản lần đầu (Anh dịch) năm 1958; hay của một nhà văn Nga khác, Alexander Solzhenitsyn, cuốn ONE DAY IN THE LIFE OF IVAN DENISOVICH, xuất bản lần đầu năm 1963.

Nguyễn Mạnh Côn nằm trong dòng văn chương đó, trên mặt ý thức. Hẳn nhiên anh khác họ nơi văn phong. Nguyễn Mạnh Côn

không có cái lãng đãng mơ mộng của André Gide hay Boris Pasternak, không có cái khôi hài của George Orwell, không có sự điềm tĩnh tượng đá của Arthur Koestler, không có sự can đảm của Alexander Solzhenitsyn (anh tự nhận, xem phần dưới), anh gần với Milovan Djilas. Anh giảng giải viện dẫn nhiều. Sự giảng giải viện dẫn hẳn anh tin là vô cùng cần thiết. Nguyễn Mạnh Côn có mục đích rõ rệt khi cầm lấy cây bút, ngồi trước thếp giấy có kẻ dòng. Tôi còn nhớ anh viết trên thếp giấy màu vàng, đúng như thếp giấy gọi là legal size paper hiện nay ở Mỹ.

Sự nghiệp văn chương của Nguyễn Mạnh Côn có nhiều mặt. Sau thời gian viết lại những kinh nghiệm thanh niên trong chiến dịch Sông Lô và giai đoạn Liên Hiệp với Cộng Sản, sau 1959 là năm Chính phủ Ngô Đình Diệm đặt các đảng phái Quốc gia ra ngoài vòng pháp luật (dự luật 10/59), Nguyễn Mạnh Côn viết KỶ HOA TỬ (1960), truyện BA NGƯỜI LÍNH NHẢY DÙ LÂM NẠN (1960). Anh chuyển qua lãnh vực khoa học giả tưởng, là lãnh vực cho tới giờ trong văn chương Việt Nam anh vẫn là người đầu tiên và duy nhất.

Mấy năm sau, anh viết TÌNH CAO THƯỢNG (1968) nói về dục tình một cách trực tiếp, hơn nữa lại dùng ngôi thứ nhất là nhân vật đàn bà qua hình thức một tập thư Ngọc viết cho Cường: "Vi, như em đã nói với anh, Tư Giỏi làm cho em hoàn toàn thỏa mãn. Cũng in hết như đối với anh, lúc rung động của y lên đến tột độ thì rung động của em cũng lên đến tột độ..." (TÌNH CAO THƯỢNG, trang 88) "...trong mọi cuộc giao hoan, chính người đàn ông mới là phương tiện!" (TCT, 104). Anh viết văn để giảng giải, không phải để giải trí, dù là viết về một vấn đề dễ sa vào chỗ tầm thường.

IV.

VÀI DÒNG TIỂU SỬ.

Tấm hình căn cước của Nguyễn Mạnh Côn tôi có trong tay, phía sau chính anh nắm nốt viết kiểu chữ in tên họ của mình. Tôi nghĩ hình chụp vào năm 1956, hay 57, trong quân phục, cổ áo có dấu chiếc lon đã được bóc ra, có lẽ là lon thiếu úy, hay trung úy. Anh là sĩ quan đồng hóa. Phía sau tấm hình viết: 15-3-1920. Hải dương, Bắc Việt. (Hình như nhằm ngày 7 tháng 4 năm Canh Thân. Sinh quán làng Đông Hy, phủ Ninh Giang). Giải Văn chương Toàn quốc năm 1957. Năm 1975, anh được mời vào Hội đồng Giám khảo Giải Văn chương Toàn quốc.

Thuở ấu thơ anh theo mẹ và cha cách anh viết, mẹ và cha, không phải cha mẹ - đi khắp nơi trên đất Bắc. Từ năm 13 tuổi, anh học ở trường tư thực Thăng Long, Hà Nội. Năm 1940, anh vượt biên, tới mãi Hương Cảng. Không ai rõ lý do, song theo một bài anh viết mà tôi được đọc, thì anh Côn hoạt động trong Việt Nam Quốc Dân Đảng. Theo một tài liệu khác, năm 19 tuổi anh có cộng tác với báo Đông Pháp, năm 25 tuổi anh viết báo Thống Nhất, xuất bản ở Hà Nội (3).

(3) Tuyển Tập Truyện Ngắn Việt Nam, Văn Hữu Á Châu xuất bản, Sài Gòn, 1963, trang 55.

Vào một buổi chiều, tôi đương làm việc tại Bộ Tổng Tham Mưu, được Quân Cảnh báo:

- Có một người muốn gặp, Trung Úy có tiếp không?

Tôi trả lời:

- Có, anh đưa vào!

Khi gặp, tôi không biết ai, chỉ thấy người muốn gặp tôi, một thanh niên gầy guộc, mắt đeo kính trắng, nước da mét, đôi môi thâm đen! Tôi nghĩ ngay, anh chàng này hút thuốc phiện, không biết gặp tôi có chuyện gì? Tôi mời ngồi, anh tự giới thiệu: Nguyễn Mạnh Côn và cho biết, anh rất mến tài vẽ của tôi, nên muốn nhờ tôi trình bày mẫu bìa (manchette) cho tờ báo của anh sắp ra đời. Lúc ấy, quả tình, tôi không còn chút thì giờ nào rảnh rang, nên từ chối khéo để anh khỏi buồn. Nhưng anh vẫn buồn qua nét mặt và giọng nói. Tôi biết mà chẳng làm gì hơn được vì đã phụ lòng một người yêu quý mình. Sau vài câu chuyện, tôi tiễn anh ra đến cổng Trại. Từ đó băng đi vài năm, tôi không hề gặp lại anh lần nào.

Nhưng một buổi, tôi vô cùng ngạc nhiên khi thấy Nguyễn Mạnh Côn đeo cấp bậc Thiếu Úy đến tìm tôi ở nơi làm việc tại đường Hồng Thập Tự, gần cầu Thị Nghè, ngang Sở Thú.

Anh cho biết đã được đồng hóa vào Quân Đội với cấp Thiếu Úy để phụ trách một tờ báo do Bộ Quốc Phòng chủ trương, anh đến nhờ tôi trình bày mẫu bìa cho tập san đó. Người chỉ huy trực tiếp anh là Đại Úy Quân, bạn tôi. Quả thực tôi cũng không hiểu bằng cách nào, anh qua mặt được sự

giáo nghiệm y khoa về sức khỏe, nhất là bệnh ghê của anh đã in dấu trên khuôn mặt. Vấn đề này tôi không bao giờ đề cập tới, mỗi lần nói chuyện với Nguyễn Mạnh Côn.

Vì là tờ báo của Bộ Quốc Phòng nên tôi vui lòng vẽ giúp mẫu bìa, nhưng Nguyễn Mạnh Côn cũng tế nhị lắm, nói với Đại Úy Quân trả tiền cho tôi, vì tờ báo có ngân khoản riêng để mua bài của các nhà văn, bất luận ở trong hay ngoài quân đội.

TẠ TỰ:

VÀI NÉT VỀ NGUYỄN MẠNH CÔN

Nhờ có tờ báo trong tay, Nguyễn Mạnh Côn mới có cơ hội chứng minh tài năng của mình. TRUYỆN BA NGƯỜI LÍNH NHẢY DÙ LÂM NẠN do anh viết được đón

nhận nồng nhiệt. Anh dùng thuyết tương đối trong Toán học của Einstein để giải minh cho một phương trình vận tốc trở ngược của thời gian. Câu chuyện vừa ly kỳ vừa khoa học làm say mê người đọc.

Sau đó đến hồi kỳ ĐEM TÂM TÌNH VIẾT LỊCH SỬ được đăng trường kỳ rồi in thành sách như TRUYỆN BA NGƯỜI LÍNH NHẢY DÙ LÂM NẠN vậy. Cuốn hồi ký, vạch trần những âm mưu xảo trá của Đảng, của những con người Cộng Sản nhằm tiêu diệt các Đảng Phái đối lập để giữ trọn cường quyền trong tay. Cuốn sách là một bản cáo trạng dài với những chứng cứ hiển nhiên của lịch sử, do đó Cộng Sản khó bề chối cãi.

Ngoài ra, Nguyễn Mạnh Côn còn viết rất nhiều bộ sách khác do Cơ Sở GIAO ĐIỂM ấn hành. Cơ sở này của Trần Phong Giao chứ không phải của Nguyễn Đình Vượng như nhiều người tưởng lầm. Ngoài vấn đề viết văn, làm báo Nguyễn Mạnh Côn còn viết nhiều bài bình luận bằng Pháp ngữ cho Đài Phát Thanh Sài Gòn.

Ca sĩ Minh Trang, xướng ngôn viên Pháp ngữ Đài Phát Thanh Sài Gòn, có tú tài Pháp, và Trần Phong Giao rất kính phục Nguyễn Mạnh Côn, vừa là bạn, vừa là thầy. Mỗi khi Trần Phong Giao dịch cuốn sách nào đều đưa cho Nguyễn Mạnh Côn đọc và sửa lại cho gần đúng với nguyên tác.

Nhưng Nguyễn Mạnh Côn (cũng như Mặc Thu) không ở trong Quân Đội lâu. Vài năm sau họ đều xin giải ngũ trở thành dân sự cho dễ hoạt động hơn. ■

(Thăng Mõ, SF xb, 1990).

Kháng chiến chống Pháp bùng nổ, tháng 12-1945, anh rút lên chiến khu Việt Bắc. Từ đây, cuốn ĐEM TÂM TÌNH VIẾT LỊCH SỬ viết dưới bút hiệu Nguyễn Kiên Trung có thể kể là một giai đoạn hoạt động thực sự ngoài đời của anh, nếu không hoàn toàn giống, thì cũng rất gần với thực tế. Năm 1952 Nguyễn Mạnh Côn trở về Hà Nội, năm sau ra Hải Phòng, dạy học tại thành phố biển này cho đến năm 1955 thì vào Nam. Tại Sài Gòn, trong khi viết văn, có lúc anh xuất bản một tờ tạp chí, lấy tên là Chính Văn, nhưng mệnh yếu. Miền Nam mất ngày 30 tháng tư 1975, anh bị Hà Nội bắt vào đêm 2 tháng 4 1976. Tên Nguyễn Mạnh Côn đứng đầu danh sách 44 người sẽ bị bắt cả sau đó.

Đúng ba năm trong tù, anh công khai đòi trả tự do, lý luận với quản giáo trại tù Xuyên Mộc, rừng Sa Ác, tỉnh Bà Rịa: Chính phủ nói là bắt tôi đi học tập ba năm, hôm nay là đúng hạn ba năm, tôi yêu cầu chính phủ trả tự do cho tôi. Anh bị nhốt riêng từ đó.

Sau đó, Nguyễn Mạnh Côn tuyệt thực. Theo tin tức tôi được nghe, anh Nguyễn Mạnh Côn không định tuyệt thực để chết, anh tuyệt thực như một cách tranh đấu bất bạo động. Một nhóm anh em nhà văn trẻ, trong có người tự nhận là đàn em thân tín nhất của anh, nguyện với nhau sẽ sắp cánh với anh trong cuộc tranh đấu này. Anh sẽ nhịn ăn, song không ai có thể nhịn uống, dù chỉ trong 24 giờ. Người anh em trẻ đó đã đi báo quản giáo chương trình tranh đấu của Nguyễn Mạnh Côn, và các nhân sự huynh đệ của anh trong cuộc tranh đấu. Tất cả bị cô lập. Nguyễn Mạnh Côn trút hơi thở cuối cùng tại trại tù này, vào ngày 1 tháng 6 năm 1979. Anh sống 59 năm, 2 tháng, 15 ngày.

V.

Tôi từng phỏng vấn Nguyễn Mạnh Côn ít ra là ba lần, các bài phỏng vấn này đều đã đăng trên các báo Nghệ Thuật, Khởi Hành, và Thời Tập, trước 1975 tại Sài Gòn. Đoạn sau đây đã đăng trên Thời Tập số tháng 4 năm 1974, đúng một năm trước ngày Sài Gòn thất thủ. (Bộ Thời Tập hiện có lưu trữ trong Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ, chỉ thiếu số 1 và số 24, các số khác còn đủ).

VIÊN LINH: Nhà văn và Thời thế, trước vấn đề này, anh thấy vai trò của anh như thế nào?

NGUYỄN MẠNH CÔN: Tôi hèn, không có can đảm như Soljenitsine. Hoặc giả tôi lười. Và già rồi, mặc dầu tôi hơn Soljenitsyne có mấy tuổi. (LTS: Soljenitsyne là cách viết tiếng Pháp. Tên ông này viết theo tiếng Anh là Solzhenitsyn.)

VIÊN LINH: Anh nghĩ gì về tin có giọt nước mắt trên pho tượng Maria?

NGUYỄN MẠNH CÔN: Trước những thảm cảnh ở Việt Nam đất còn có thể chảy máu hướng chỉ đá chỉ chảy nước mà thôi. Các bạn có tin rằng ngoài Trung có pho tượng Phật khóc ra máu mắt không?

VIÊN LINH: Bài thơ anh thích nhất là bài thơ nào, của ai, có lý do nào chẳng?

NGUYỄN MẠNH CÔN: Đó là đoạn đầu bài Kỳ Nữ của Đinh Hùng cho đến câu Khấp vũ trụ bổng vô cùng thương nhớ. Và cả bài Thần Tụng cũng của Đinh Hùng. Bài Đời Tàn Ngõ Hẹp và đoạn giữa bài Dâng Tình của Vũ Hoàng Chương. Ngoài giả, thích từng câu thì Nguyễn Du, Chinh Phụ Ngâm, Tản Cung Oán,...

VIÊN LINH: Theo anh, sinh hoạt văn học nghệ thuật của ta có cần gì thêm không?

NGUYỄN MẠNH CÔN: Thế hệ 1955-1965 đã kiệt sức, tác phẩm nghèo về phẩm và về lượng, mà thế hệ tiếp nối chưa thấy đâu. Tôi nghĩ tình trạng này do ảnh hưởng của chiến tranh vô trang và chính trị trong vòng mấy năm nay đưa người ta vào thế thụ động. Không có gì để chọn lựa ngoài lập trường quốc gia, mà lập trường quốc gia thì chưa xác định được về giá trị tư tưởng. Người sống ngoài mặt trận thì viết về chiến đấu mãi cũng thấy ghê người, người sống trong thành phố thì ngơ ngác không biết viết gì...

Cho nên, ngoài sự trở về của những tài năng mới, tôi còn có ý nguyện rằng, một lập trường suy tư mới, bảo đảm được tự do cho thiên tài nhưng cũng đảm được công bằng cho xã hội. Một lập trường như thế sẽ thành hình để thống nhất đất nước. Viễn tượng mới sẽ vô cùng giàu có, và nghệ sĩ sẽ tha hồ sáng tác.

VIÊN LINH: Với tuổi anh, điều gì còn khiến anh buồn, điều gì khiến anh được vui?

NGUYỄN MẠNH CÔN: Tôi có ít điều buồn, đều không thể nói ra ở đây. Tôi sẽ vui, khi nào những nỗi buồn hiện nay chấm dứt. Bạn có bao giờ nằm mơ thấy những người thân của mình bước lần tới bờ vực thẳm rồi, mà bạn há miệng cố kêu mà không thành tiếng hay không?

Từ lúc vào đời hoạt động, mang tâm huyết thanh niên để phục vụ Tổ Quốc, cho đến khi gục ngã, lúc nào anh Nguyễn Mạnh Côn cũng bị phản bội. Có lịch sử nào của chúng ta, trong thế kỷ XX, không là một Lịch Sử Của Phản Bội? ■

Little Saigon, Calif., 20/5/1998.

HAI BÀI HỌC TỪ NG. MẠNH CÔN

ĐỖ QUÝ TOÀN

Hôm nay chúng ta tưởng niệm các nhà văn, nhà thơ Việt Nam đã chết vì tranh đấu cho tự do. Chúng tôi xin góp mấy lời, xin thấp thêm một nén hương cho cố văn sĩ Nguyễn Mạnh Côn.

Tôi thuộc thế hệ đàn em, ít tuổi hơn nhà văn Nguyễn Mạnh Côn, đọc Nguyễn Mạnh Côn từ khi còn học ở trường trung học. Lần đầu tiên tôi được đọc anh là trong Tạp chí Chỉ Đạo của quân đội Việt Nam Cộng Hòa, qua các truyện ngắn. Sau này, tôi hân hạnh được quen biết với anh, gặp anh nhiều lần từ khi tôi bắt đầu viết văn, làm báo.

Chiều nay, chúng ta vừa mới nghe thi sĩ Viên Linh nói về các nhà văn đời xưa, trong đó vai trò của nhà văn và vai trò của người sĩ phu luôn luôn đi đôi với nhau. Khi nghĩ đến Nguyễn Mạnh Côn, chúng ta có thể nói rằng anh đã đóng đúng cả hai vai trò đó. Riêng chúng tôi nghĩ anh không có ý định làm một nhà văn, nếu anh trở thành một nhà văn là do sự lựa chọn để thực hiện một lý tưởng của một sĩ phu lo lắng cho vận nước, lo lắng cho dân tộc. Hoài bão của anh là muốn giúp ích cho cả nhân loại.

Anh Nguyễn Mạnh Côn đã có một thời kỳ sinh hoạt chính trị. Theo hồi ký anh viết lại khi toàn quốc có cuộc kháng chiến vào năm 1945 - 46, anh là một chiến sĩ ở trong những đoàn thể quốc gia với ý chí chống Pháp. Khi cộng sản chiếm chính quyền Việt Nam thì nhân cái đà cách mạng của dân tộc Việt, cộng sản đã tìm cách chiếm hết quyền ở trong tay mình. Có lúc vì cần thỏa hiệp với sức mạnh của nước ngoài, cộng sản đã mời một số các chiến sĩ quốc gia tham dự vào chính quyền. Anh Nguyễn Mạnh Côn đã được coi như là một chiến sĩ quốc gia để trở thành một dân biểu ở trong Quốc Hội đầu tiên của nước Việt Nam. Anh là một đại diện đảng phái quốc gia trong Quốc Hội đó. Vì vậy lúc cộng sản càng ngày càng thao túng chính quyền, nhất là khi chiến tranh xảy ra, anh Nguyễn Mạnh Côn có thể bị cộng sản sát hại, do đó anh phải trốn đi.

Đọc Nguyễn Mạnh Côn chúng tôi có cảm tưởng là anh trở thành một nhà văn vì anh muốn thực hiện cái lý tưởng của mình. Nếu anh có con đường khác thì chắc anh không cản trở thành một nhà văn. Cái

lý tưởng đó, chúng ta đọc lại trong những tác phẩm của anh sẽ thấy.

Thứ nhất là mối quan tâm đối với vận mệnh đất nước. Anh là người luôn luôn lo âu đến khi thế miền Nam VN là làm cách nào để chống lại cuộc xâm lăng của cộng sản miền Bắc. Các tác phẩm của anh không ngớt nói đến cái họa của cộng sản, và anh luôn luôn đề cao khí thế hào hùng của dân tộc. Anh là người thiết tha với vận mệnh dân tộc đất nước. Anh cũng được xếp vào thế hệ của các nhà văn hóa luôn luôn nghĩ rằng mình có sứ mạng phải giúp cho nhân loại nữa. Giống như các nhà văn hóa khác như cụ Hồ Hữu Tường, cụ Nguyễn Đức Quỳnh, Nguyễn Mạnh Côn là một trong những người ở miền Nam gọi là "lý thuyết gia lớn". Họ nghĩ rằng một khi dân tộc Việt Nam thoát khỏi cái khổ (khí giải thoát được Việt Nam khỏi nạn cộng sản) thì chắc chắn con đường đó cũng sẽ mang hạnh phúc ấm no tới cho nhân loại.

Chúng tôi đã được tiếp xúc với anh và thấy anh cùng chia sẻ mối lo âu đó với những nhà văn khác như Nguyễn Đức Quỳnh, Hồ Hữu Tường và sau này là Lý Đại Nguyên.

Chúng tôi thường tới thăm anh trong khu Chu Mạnh Trinh, Phú Nhuận. Anh tiếp chúng tôi trên cái gác lửng hơi tối tăm. Anh bàn tất cả những chuyện của loài người, từ lý thuyết nọ đến lý thuyết kia, anh nghĩ cái này có khuyết điểm, cái kia có khuyết điểm. Kết quả là anh cũng như những nhà văn hóa đã nhắc ở trên, có một giấc mộng: nếu mình rút tất cả những kinh nghiệm đau thương của dân tộc Việt Nam, có thể tìm đường cho Việt Nam sống an vui, hạnh phúc trong dân chủ và tự do, thì chắc chắn qua con đường đó, cả nhân loại cũng được hưởng an vui, hạnh phúc.

Nhà văn Nguyễn Mạnh Côn có một trí thông minh rất đặc biệt, tuy rằng anh sinh vào thời chiến tranh, không hưởng được nền học vấn có tính cách chính thức trên ghế nhà trường. Nhưng trí óc thông minh của anh rất bén nhọn, anh quan tâm đến tất cả mọi vấn đề trong phạm vi trí thức của nhân loại.

Dưới đây là một Bài Nói của nhà thơ Đỗ Quý Toàn, trình bày tại Đại Hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại kỳ đầu tiên, được tổ chức tại vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn vào năm 1985.

Tôi nhớ có một lần khi Bộ Giáo Dục cải tổ chương trình Trung Học và thay thế các môn toán cũ bằng các môn toán mới, thì có một bữa tôi tới thăm anh. Anh say sưa bàn về một chuyện là làm sao dạy cho các trẻ em lý thuyết về tập hợp.

Anh là người không bao giờ học chính thức về môn toán cả và khi anh viết về khoa học thì anh mới tìm đọc ngẫu nhiên mọi thứ. Anh quan tâm cả đến chuyện làm thế nào cải tổ chương trình toán nhưng mà dạy được trẻ em cái lý thuyết trừu tượng như là lý thuyết về tập hợp.

Trong căn gác xếp ở Phú Nhuận, đầu óc Nguyễn Mạnh Côn nghĩ đến chuyện thế giới, nghĩ đến tất cả những vấn đề lớn lao của nhân loại.

Sau 1975, như quý vị được biết thì anh Nguyễn Mạnh Côn đã bị cộng sản bắt bỏ tù vào trại học tập, và bị biệt giam.

Khi chúng tôi sống ở nước ngoài nghe tin anh Nguyễn Mạnh Côn bị tù, chúng tôi hết sức lo lắng, nghĩ rằng con người như anh, yếu đuối như vậy, nếu cộng sản nó tra tấn, nó dọa dẫm, thì làm sao anh chịu nổi. Nhưng lúc chúng tôi gặp những anh em văn nghệ sĩ ở miền Nam trốn thoát ra, thí dụ như anh Mai Thảo, anh Trần Cao Linh v.v... hay những nhà báo như anh Lê Thiệp, chúng tôi hỏi thăm các nhà văn bị bắt thì tất cả mọi người đều nói rằng anh em rất là vững vàng mà tiêu biểu nhất là các anh Doãn Quốc Sỹ, Thanh Tâm Tuyền, Trần Dạ Từ và một người đã quá cố là anh Nguyễn Mạnh Côn.

Hôm nay chúng ta tưởng niệm các nhà văn từ trần vì tù đầy cộng sản, ước mong rằng chúng ta cố gắng gìn giữ cái truyền thống đó.

Ở anh Nguyễn Mạnh Côn, chúng tôi thấy có hai bài học có thể rút ra được: thứ nhất mối quan tâm của các nhà văn hóa. Nhà văn hóa không những chỉ là người làm công việc thỏa thích ý riêng của mình, nhưng nhà văn hóa luôn luôn là một sĩ phu có cái mối lo cho đất nước, cho dân tộc và loài người.

Bài học thứ hai mà chúng tôi ước mong thế hệ chúng tôi có thể học được là giữ được tấm lòng ngay thẳng và bất khuất, lúc giàu sang không trở thành sa hoa, mà lúc gặp võ lực ép buộc cũng không bị khuất phục. ■



Nguyễn Mạnh Côn, chân dung do Trần Cao Linh chụp, Sài Gòn, 1972.

MỘT NHÀ VĂN LẶNG LẼ

TUẤN HUY

Viết về nhà văn Nguyễn Mạnh Côn cho thật đầy đủ, sẽ phải là những nhà văn, những học giả, những phê bình gia có thẩm quyền, có liên hệ mật thiết với ông, hoặc đã nghiên ngẫm, nghiên cứu kỹ lưỡng về toàn bộ sự nghiệp văn chương và tư tưởng ông. Bài viết dưới đây, chỉ là một vài cảm nghĩ vụn vặt của một kẻ hậu sinh, mà tầm nhìn bị giới hạn bởi đôi cánh thời gian và sự hiểu biết, nhưng muốn được tường niệm nhà văn có tầm vóc lớn lao này, bằng trái tim khắc khoải của mình, và trên tất cả, bằng tấm lòng kính yêu tha thiết. Bởi thế, đóa hoa mà tôi dâng tặng lên ông, chỉ là một đóa hoa tầm thường bé mọn, được ngắt ra từ một lẵng hoa thắm tươi tốt đẹp lắm, mà trước tôi và sau tôi, đã và sẽ được mọi người trân trọng đặt bên di ảnh của người đã khuất.

Khởi đi. Tôi được đến gần nhà văn Nguyễn Mạnh Côn từ tờ Chỉ Đạo. Đó là những năm gần cuối thập niên '50, khi phong trào tố cáo tội ác cộng sản đang là những ngọn sóng lớn. Và Chỉ Đạo là một trong nhiều tiếng nói nghiêm chỉnh, đứng đắn được cất lên từ khối-người-có-ý-thức trước hiểm họa của cộng sản. Tôi nhớ, cùng có bài đóng góp trên tờ Chỉ Đạo xuất bản hàng tháng, là rất nhiều nhà văn nhà thơ, học giả đã "thành danh" hoặc mới "vào đời". Nhưng dù tên tuổi đã lẫy lừng, hay tên tuổi còn mờ nhạt, hầu hết những người có mặt ở Chỉ Đạo đều mang tâm huyết sục sôi bất khuất này: tự đặt mình vào một trận tuyến văn hóa nhân bản, dân tộc để đương đầu với thứ văn-hóa-tà-thuyết vô thần.

Đó là cái thời kỳ mà tiếng súng của

cuộc chiến tranh 1946-1954 đã tạm thời chấm dứt. Việc thu hồi chủ quyền đất nước, từ vĩ tuyến 17 trở vào, đã hoàn tất xong. Người dân từ bên này bờ sông Bến Hải đã tin tưởng ở chế độ Cộng Hòa vừa được thành lập, và những mặc cảm về sự lệ thuộc đã không còn. Trong số một triệu người di cư từ Bắc vào Nam, có những đầu óc, có những tài năng tiếp sức với những đầu óc, với những tài năng của miền Nam, để hình thành được một sinh hoạt văn học nghệ thuật phong phú và lớn mạnh nhanh chóng.

Riêng giới cầm bút, đã có những Vũ Hoàng Chương, Vũ Khắc Khoan, Đoàn Quốc Sỹ, Nguyễn Mạnh Côn, Hiếu Chân, Đinh Hùng, Thanh Nam, Mai Thảo, Mặc Đỗ, Nghiêm Xuân Hồng, Võ Phiến, Thanh Tâm Tuyền, v.v... tạo thành một hàng ngũ

văn nghệ sĩ đông đảo ở hàng đầu của những "Tư Do" - "Lửa Việt" - "Sáng Tạo" - "Hiện Đại" - "Chỉ Đạo" rồi sau là "Thế kỷ Hai Mươi" - "Bách Khoa" v.v...

Khách quan mà nhìn nhận, đó là một luồng gió mới thổi vào văn học của chúng ta những năm 55-56 trở về sau. Riêng nhà văn Nguyễn Mạnh Côn, theo tôi, luôn luôn tên tuổi ông đi sát với tên tuổi nhà văn Doãn Quốc Sỹ, bởi những tác phẩm của hai nhà văn này, gần như trọn vẹn đều có những nhân vật đầy ưu tư trước những thăng trầm đổi thay của đất nước. Họ là những người luôn luôn quần quai thao thức vì bị lịch sử dày vò.

Riêng Nguyễn Mạnh Côn, qua bút hiệu Nguyễn Kiên Trung, đã phơi bày một cách thật ẩn dụ, tình cảm và tâm trạng của cả một thế hệ thanh niên, đã bị thất vọng sau cuộc kháng chiến chống Pháp. Từ những nao nức hăng say khi cuộc "cách mạng mùa thu" tràn tới, đến sự vỡ mộng ê chề khi thấy rõ tuổi xuân và xương máu của mình, đã bị một nhóm người lường gạt... Từ "ĐÊM TÂM TÌNH VIẾT LỊCH SỬ" đến "LẠC ĐƯỜNG VÀO LỊCH SỬ", đến "HÒA BÌNH... NGHĨ GÌ... LÀM GÌ?" nhà văn Nguyễn Mạnh Côn đã mang hết cả những tâm cảm của ông, để kể về chuyện trò với chúng ta, về những suy tư, về những khao khát của một con người. Một con người có những dằn vặt, có những vò xé, có những đớn đau, có những ước mong, có những hi vọng. Một con người, đôi khi tưởng như lạc lõng, tưởng như cô đơn, tưởng như nghịch lối, tưởng như ngược dòng. Nhưng là một con người thủy chung đi tới tận cùng cuộc hành-trình-về-tư-tưởng mà chính mình phác họa...

Kể cả những thời điểm, mà Sài Gòn đã có nhiều cán bộ văn hóa cộng sản xâm nhập, nằm vùng; hoặc ngang nhiên thao túng. Kể cả những thời điểm mà cuộc chiến đằng dai đã khiến mọi người hầu như rã rời thắm mệt. Thì, Nguyễn Mạnh Côn vẫn hiên ngang đứng ở một chỗ cao, ở một vị thế riêng, chống lại cộng sản. Và điều đáng nói là khác với những cây bút "chống cộng ồn ào" khác, Nguyễn Mạnh Côn đã chống cộng bằng tư tưởng và bằng lý luận, bằng sự trầm tĩnh và bằng sự nghiêm trang, bằng sự hòa nhã và bằng sự dửng dưng, bằng những gì phát xuất ở tim và bằng những gì phát khởi từ lòng. Ông là nhà văn mà cộng sản coi là nghịch thù những văn phải nể trọng.

Tiểu thuyết của ông là những tiểu thuyết có luận đề. Nói về tâm trạng của những con người trí thức trẻ, trước dòng thác chuyển-hóa-khôn cùng của một đất nước đang có nhiều đổi thay hoặc đổ vỡ sau cuộc chiến tranh này lại nối tiếp cuộc chiến tranh khác...

Những lần đầu tiên được gặp ông, khi cộng tác với tờ Chỉ Đạo, tôi thấy ông "nghiêm nghị" quá, "quan trọng" quá. Tôi có nói điều đó với nhà văn Lan Đình (làm trong Chỉ Đạo), anh chỉ cười. Mãi sau này, khi có dịp gặp gỡ ông nhiều hơn, qua những lần đi ăn buổi tối với các anh Nguyễn Đình Vương, Trần Phong Giao và Nguyễn Đình Toàn - tôi mới được hiểu rõ hơn về tác giả "KỶ HOA TỬ" - "MỐI TÌNH MÀU HOA ĐÀO" - "GIẤC MƠ CỦA ĐÁ"...

Một lần, ngẫu nhiên được cùng ngồi dùng bữa với ông ở nhà hàng Kim Hoa, tôi đã được nghe ông "thuyết" nhiều về câu chuyện "TÌNH CAO THƯỢNG". Chẳng là tập sách đó của ông, ngay lúc vừa cho xuất bản, đã gây nên một vài "chấn động" nhỏ. Tôi nhớ, bữa đó, ông đang cầm dao nĩa để cắt một miếng thịt bò mềm. Đột ngột, ông

ngước đôi kính trắng gọng đôi mắt lên hỏi tôi: "Cậu đã đọc 'TÌNH CAO THƯỢNG' tôi gửi cho cậu chưa? Cậu thấy sao? Hình như một số anh em có ít nhiều ngộ nhận?"

Rồi không để cho tôi trả lời, ông đã thao thao nói một thôi một hồi về những gì gọi là "tình yêu đích thực", và về những gì gọi là "đòi hỏi cấp thiết của thân xác con người". Tôi biết nhà văn Nguyễn Mạnh Côn thường hay có lối "lý luận cận kề", và "biện minh tỉ mỉ" về một "vấn đề" gì đó mà ông nêu lên hoặc đề cập tới. Theo tôi tính cẩn thận của ông là một điều đáng ca ngợi, nhưng tính cẩn thận ấy cũng có thể gây nên nhiều sự hiểu lầm. Tôi thì tôi vẫn nghĩ rằng, sự tỉ mỉ, chi li không cần thiết lắm trong một tác phẩm văn chương. Bởi người đọc có thể khám phá ra, và tự tìm hiểu được. Và, những cất nhắc quá chu đáo của tác giả, đôi khi, làm tác phẩm trở nên nặng nề...

Tôi bày tỏ điều đó với nhà văn Nguyễn Mạnh Côn. Ông có vẻ không mấy vui. Ông nhìn tôi bằng đôi mắt nửa như lạnh lùng, nửa như cao ngạo - của một "người lớn" ngồi trước một "kẻ đi sau" chẳng hiểu một chút gì về... những điều ông đang lập thuyết cả.



Tuy nhiên, vài ngày sau gặp lại tôi, ông vẫn vui vẻ niềm nở. Ông thân mật nói với tôi về những chuyện khác. Những câu chuyện nhẹ nhàng - những câu chuyện khiến tôi hiểu được ông và ông cũng hiểu được tôi. Đó là những câu chuyện ở thật xa, hoặc ở bên ngoài những cái gì gọi là "lập thuyết".

Nhiều anh em nói với tôi là, nhà văn Nguyễn Mạnh Côn đôi khi có dùng thuốc phiện. Tôi không biết điều đó có đúng không, bởi ông là một người rất chừng mực, và biết giữ gìn kín đáo. Tôi nghĩ rằng "thuốc phiện" chẳng mang đến cho ông một cảm hứng gì - bởi nội cuộc đời ông đã sống, nội những kinh nghiệm ông đã trải qua, đã quá đủ "chất liệu" để cho ông có nhiều hứng khởi sáng tạo rồi.

Từ những tác phẩm nặng về chính trị, nặng về vấn đề cộng sản và chống cộng sản, qua những tác phẩm ấp ủ những suy tư của ông về Thượng Đế, về Thời Gian, về Tình Yêu, về Tình Dục v.v... ông đã được độc giả đón nhận nồng nhiệt, vì những tác phẩm ấy, đã giúp cho họ có một cái nhìn khác - một cái nhìn thông thái và đầy đủ hơn, về cộng sản, về chống cộng sản, về thượng đế, về thời gian, về tình yêu, về tính dục của con người.

Suốt 20 năm cầm bút, nhà văn Nguyễn Mạnh Côn cứ từ tốn nhàn nhả như một người đi dạo giữa dòng đời. Ông đã nêu lên nhiều vấn đề thật lớn, khiến người đọc phải nhấp nhồm, suy tư - nhưng kia, ông chẳng có vẻ gì quan trọng và cũng chẳng có vẻ gì vội vàng. Được nhìn ông ôm mở sách báo, đi một mình vào một nhà hàng để dùng bữa tối. Ông ngồi xuống chiếc ghế nơi một chỗ bàn khuất. Gọi một món ăn bình dân, và một ly rượu chất. Rồi mở một cuốn sách ra lặng lẽ đọc. Tôi không hề thấy ở ông một sự hoạt động nao nức nào của một "chính trị gia" (trước kia), và một "nhà lập thuyết" (đương thời). Ông vẫn là một nhà văn lặng lẽ. Làm việc lặng lẽ. Suy tư lặng lẽ. Sáng tác lặng lẽ. Thường ngoạn lặng lẽ. Và hưởng thụ cũng lặng lẽ...

Lúc nào nhà văn Nguyễn Mạnh Côn cũng trầm ngâm. Ít khi tôi thấy ông vui hoặc ông cười. Nếu có những nụ cười thì cũng chỉ là những nụ cười giới hạn. Phải chăng, ông luôn luôn suy tư thao thức về dòng sinh mệnh của một dân tộc trong cuộc chiến tranh hủy diệt? Phải chăng, ông luôn luôn suy tư thao thức về thân phận con người trên một đất nước càng ngày càng băng hoại và tan rã bởi giết chóc và khủng bố? Và, cũng phải chăng, ông luôn luôn suy tư và thao thức về những ẩn ức ngấm ngấm, về những khát khao bỏng cháy của những sinh vật mang tên "người", trong bóng tối dày đặc và dưới ánh sáng mặt trời.

Hãy đọc những dòng ông đã viết, trong "TÌNH CAO THƯỢNG".

"Thôi, anh thân yêu ơi, em viết cho anh thế này đã quá bạo rồi. Từ khi được giải thoát về nhà, em đã suy nghĩ rất nhiều về tương lai hạnh phúc của anh và của em. Em nghĩ thà em không biết, em sẽ mở mắt mà nhìn con đường em đi. Hạnh phúc của chúng ta có thể lâu dài, có thể tan vỡ, nhưng chúng ta không có trách nhiệm, vì chúng ta chưa hiểu biết.

Những sự thật là trước sau gì rồi chúng ta vẫn biết, và bất cứ bằng cách nào hạnh phúc của chúng ta cũng tan vỡ. Thế kỷ chúng ta không còn là thế kỷ mà, trong đó, những người lãnh đạo xã hội dùng luân lý bắt chúng ta không được phép nghĩ đến, nói đến khoái lạc, viện lẽ rằng động tác giao cấu chỉ có nhiệm vụ thiêng liêng là truyền tiếp sự sống. Sự thiệt thòi của họ rất lớn, nhưng người đàn bà được yên ổn trong gia đình. Còn bây giờ, thời thế đã khác hẳn... Vì sự thật là chúng ta không sung sướng với nhau được đầy đủ. Nếu lấy nhau, em sẽ chờ hoài hủy một rung động không bao giờ tới, trong khi anh chờ hoài hủy em làm một cử chỉ thỏa mãn mà em không làm...

Thế hệ chúng ta đã bị chiến tranh làm cho chai đá, nhưng riêng một mình em bị chiến tranh giết hoàn toàn mộng tưởng..."

Dưới bút pháp của nhà văn Nguyễn Mạnh Côn, mọi việc được soi sáng một cách thật khúc chiết. Ông có cái nhìn khoan dung và cởi mở của một y sĩ trước tất cả mọi "bệnh tật" của con người. Ông không e ngại những ngộ nhận - và đặc biệt là không e ngại sự lên án khắt khe của một thứ "luân lý" và "đạo đức" lỗi thời cổ hủ nào. Ông nhìn tới, và cũng nhìn một cách "độ lượng", những vấn đề gai góc nhất, mà những nhà văn khác còn dụt dè ngần ngại. Nhưng một nhà văn, cùng một lớp với nhà văn Nguyễn

Mạnh Côn đã nói rằng "lúc nào Nguyễn Mạnh Côn cũng nghĩ đến chuyện lập thuyết, và rằng, luôn luôn Nguyễn Mạnh Côn tỏ ra là một "thầy đời" giảng dạy chuyện này, phân tích chuyện kia. Ở VN chúng ta, một nhà văn càng lập thuyết, càng lên mặt thầy đời, càng xa cách bạn đọc".

Điều này, tôi không rõ sai đúng thế nào. Nhưng có thể lời phẩm bình của nhà văn kia quá khe khắt chăng? Riêng, theo nhận xét của tôi, những tác phẩm của Nguyễn Mạnh Côn vẫn được đông đảo độc giả khát khao tìm đọc. Tất cả, đã là những thành quả và những dấu vết rực rỡ của chúng ta suốt cả ba thập niên. Điều này chắc chắn không thể chối bỏ hay phủ nhận được. Trước kia, bây giờ, và mãi mãi sau này...

Nhân nhớ đến "tính cẩn thận" của nhà văn Nguyễn Mạnh Côn, có một lần tôi đã thẳng thắn hỏi ông, tại sao ông lại thêm chữ Xanh vào cái đầu để một truyện ngắn của tôi mà ông đã chọn đăng trên "Chỉ Đạo". Lúc tôi đưa bản thảo, cái nhan truyện chỉ có hai chữ "Lộc Non". Nhưng khi in trên Chỉ Đạo, tôi thấy là "Lộc Non Xanh". Hỏi nhà văn Lan Đình, anh nói: "anh Côn thêm như vậy". Bây giờ nhà văn Nguyễn Mạnh Côn trả lời: "Phải thêm chữ Xanh vào mới đủ nghĩa được". Tôi không đồng ý với ông về chữ "Xanh" này. Tuy nhiên, mọi chuyện đã xong, thôi thì cũng đành phải chịu, vì ý của "nhà văn đàn anh" muốn thế. Nhưng có điều, cũng chính vì chữ "Xanh" mà ông thêm vào đó, từ đây, tôi có thành kiến về cái tính cẩn thận của nhà văn... quá cẩn thận Nguyễn Mạnh Côn. Người mà cho đến bây giờ, tôi vẫn một lòng ngưỡng mộ và quý mến.

Sau khi mất Miền Nam được ít lâu, một buổi trưa đạp xe trên con đường lấm bụi Dương Công Trừng ở Thị Nghè, tôi thoáng thấy ông đang bước đi thất thểu bên những bờ tường xiêu đổ của lò gốm Thiên Thanh. Thấy ông, tôi quàng xe lại, rồi xuống xe chào ông với những lời ngắc ngờ thẳm hỏi: "Anh Côn. Anh đi đâu vậy? Anh có được khỏe không? Tại sao..." Tôi định hỏi: "Tại sao anh vẫn còn kẹt lại?" Nhưng nhà văn Nguyễn Mạnh Côn đã sửa lại giọng kính, nhếch môi cười: "Ờ, thì đang kiểm xe... Đi bộ một chút..."

Buổi trưa đó, trời nắng gắt. Con đường đầy nắng bụi và những bờ tường có những cành cây hoa giấy phủ đầy bụi. Giữa nỗi tiêu tụy thảm thương của một khu ngoại ô vốn đã nghèo nàn nhợt nhúa, tôi đọc được nỗi chán chường phiền muộn ở trong ánh mắt của tác giả "Hòa Bình. Nghĩ Gì? Làm Gì?"

Chúng tôi kéo nhau vào một quán cóc, hay đúng hơn, một xe bán nước bên vệ đường. Chúng tôi chia với nhau một chai xá xí, đổ vào hai chiếc ly nhựa màu vàng, chỉ có một chút đá bào ít ỏi. Người đàn bà Trung Hoa đứng tuổi bán hàng, nghe chúng tôi chuyện trò bằng giọng Bắc, đã nhìn chúng tôi bằng cái nhìn thiếu thiện cảm, không cần che giấu.

Nhà văn Nguyễn Mạnh Côn ngồi trên một chiếc ghế xếp khấp khểnh. Tôi đứng. Ông hết nhìn chiếc xe đạp cà-là-khổ lại nhìn tôi. Những con ruồi bay lên chấp chới và đậu kín trên những chai nước ngọt phủ đầy bụi. "Nhà Huy ở vùng này sao?" - "Không anh. Tôi ở bên Gia Định.

- "Anh em mình kẹt lại quá nhiều... Hồi này

Huy có gặp L.D. không?"

Chúng tôi cùng nhắc đến những tên tuổi anh em bằng hữu đã đi thoát hoặc còn kẹt lại. Nhà văn Nguyễn Mạnh Côn vốn đã ít nói, càng thêm ít nói. Ông xòm hẩn đi, với đôi mắt dờ dẩn ử ử. Những ngón tay cầm điếu thuốc lá đã run run. Và khoé miệng ông đã là hai triển môi gần như se khô héo hắt.

Một chiếc xe vừa chạy ngang, hướng về phía trại Cù Long cũ, tung lên lớp bụi đất mịn mù. Nhà văn Nguyễn Mạnh Côn che miệng rồi bật vài tiếng ho. Tôi muốn hỏi ông rằng, ông đang có những dự tính gì ở những ngày trước mặt... Nhưng tôi cứ ngập ngừng. Sợ những câu hỏi ngớ ngẩn của mình có thể gây cho ông nhiều phiền muộn hơn.

Chợt ông nói: "Tôi mới đi thăm anh Vũ Hoàng Chương. Tôi rất lo về anh ấy." - "Anh Chương không được khỏe, hả anh?"

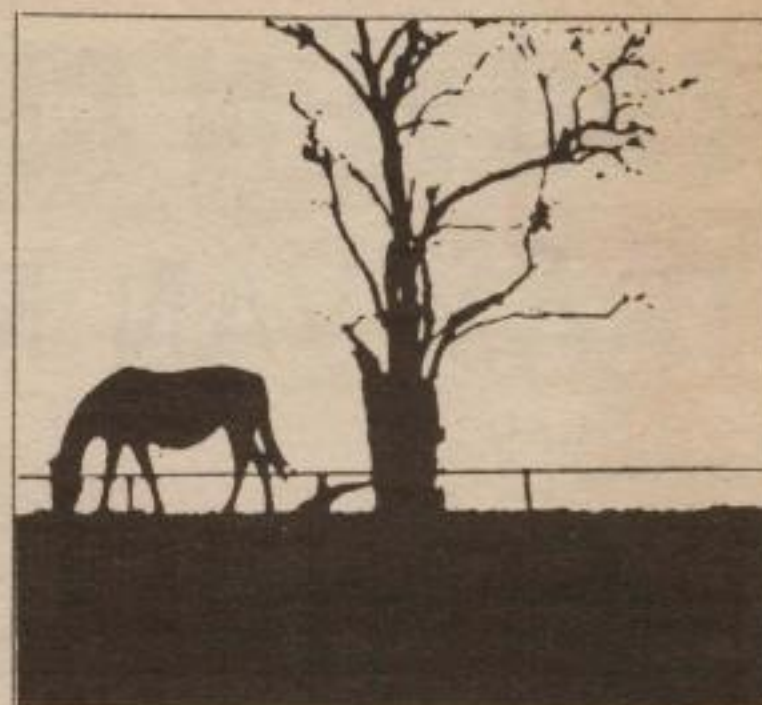
Nhà văn Nguyễn Mạnh Côn chỉ ngón tay trở lên chỗ thái dương: "Không phải sức khỏe. Mà là cái này... Huy còn nhớ không, một lần nào đó, anh Chương đã nói chỉ còn chờ ngày chết, muốn tự tử... Bây giờ, tôi sợ anh Chương bị giao động..."

Tôi ngơ ngẩn bùi ngùi, nhìn mấy người đàn bà lam lũ đứng thập thò ở cửa nhà máy làm đồ gốm bên kia đường. Nhà văn Nguyễn Mạnh Côn nhấp một chút nước. Rồi giọng ông trở nên thật tha thiết, và đôi mắt ông cũng nhìn thật xa xăm: "Nhưng tôi chắc chắn điều đó không thể xảy ra được. Những người như anh Chương nhất định không bao giờ chịu đầu hàng dễ dàng như thế cả. Ngày trước, nghe anh Chương nói muốn tự tử, tôi lạnh gáy. Bây giờ, nếu tôi là anh Chương, tôi sẽ bình tĩnh chọn cái chết nào cho ngạo nghệ hơn... Ít nhất, phải để cho bọn họ khiếp sợ mình... Bởi vì, nếu ta tự tử âm thầm, bọn họ có thể tạo ra những lý do tầm thường để mọi người ngộ nhận... Thời gian gần đây, tôi suy nghĩ lung lăm. Con đường mà chúng ta đã đi..."

Nhà văn Nguyễn Mạnh Côn bỏ lửng. Từ trong một hẻm nhỏ phóng vụt ra, mấy chiếc honda do mấy gã bộ đội mặt mày non choẹt đang loạng choạng tập lái. Tiếng nói chọ chệ của họ và tiếng cười sảng sặc của họ, huyền não cả một quãng đường. Người đàn bà Trung Hoa cau mặt nhìn. Tia nhìn cau có của bà ta như ánh lên một chút gì nửa như khinh thường nửa như thống hận. Nhà văn Nguyễn Mạnh Côn đứng dậy. Ông đặt nhẹ bàn tay lên vai tôi. Giọng ông nhỏ lại: "Tôi cho N.D.T... không biết T. đã tìm được chỗ ở chưa?"

Chúng tôi chia tay nhau. Lặng lạng và cảm nín, sau cái bắt tay vẫn chặt chẽ và thân thiết của ông. Tôi tần ngần nhìn ông, cái dáng người đã là gầy guộc khẳng khiu, bước trên con đường đỏ lấm đất bụi. Tác giả "ĐƯỜNG NÀO LÊN THIÊN THAI" đang bước những bước uể oải nặng nhọc nhất trên chặng đường gai mà định mệnh đã đẩy đưa ông phải đi tới. Lần gặp gỡ đó là lần gặp gỡ cuối cùng. Và cái nắm tay của ông cũng là cái nắm tay cuối cùng.

Gần 4 năm sau, ông đã đi tới tận điểm của con đường, trong một ngục tối của kẻ thù. Ông đã chết ở ngay trước mặt kẻ thù, như một chiến sĩ can trường ngã xuống nơi trận tuyến đầu trận chiến. Lúc đó, tay ông không còn được cầm cây viết. Nhưng trái tim ông vẫn là một trái tim rộn rã vì tình yêu mến dân tộc, yêu mến quê hương, yêu mến con người... ■



MẶC THU

ĐỢI TÀU

Nhân chuyến đưa tiễn Mai Thảo

Sân ga một đám ngóng chờ tàu
Toàn bạn già xưa biết mặt nhau
Tàu chập, có người lên được trước
Chậm chân, kẻ đợi chuyến tàu sau.

Một đi là chẳng quay đầu lại
Áo trắng trên người đủ kín thân
Ra đi giống thuở ai vừa đến
Tàu suốt trăm năm chỉ một lần.

Sân ga thấp thoáng bóng người già
Họ sẵn sàng về 'Cõi Thật Xa'
Hình như trong đám trông chờ ấy
Có bạn thân tình, có cả ta.

TRẦN THẾ PHONG

CHIỀU ƠI!

Chiều nay hồn động quê nhà
Khói mùa khô chờ tà tà hoàng hôn.

Lâu chừng nào nữa mà mong
Lòng ơi! Sao vẫn nghe lòng quạnh hiu.

Rụng buồn đôi quả khô kêu
Nao nao lòng trải với chiều nao nao.
Seattle, 4/98

LÊ GIA NGUYÊN

CHO MỘT NGÀY ĐÃ QUA

Buổi sáng nhìn ra ngoài đường
Thấy đời đáng yêu làm sao
Buổi trưa nhìn ra ngoài đường
Thấy đời bình thản làm sao
Buổi chiều nhìn ra ngoài đường
Thấy đời vội vã làm sao
Buổi tối nhìn ra ngoài đường
Thấy đời cô độc làm sao

Chiều nay có cơn mưa rào
Anh tự thầm hỏi vì sao
Mùa mưa năm nay đến sớm
Chao ơi! Mong nhớ dạt dào

Nhật ký làm sao biên hết
Những lời thề hứa trần gian
Đi vắng nhật nhòa thương tiếc
Mong manh hồn dãi muôn vàn.

TRUYỆN GIẢ TƯỢNG

TRẦN VĂN NAM

*những phức hợp
trong "ba người
lính nhảy dù..."*

Phức hợp, tức là có những cái không đồng chất quy tụ trong một truyện giả tưởng. Ta có ấn tượng như vậy, khi đọc tác phẩm BA NGƯỜI LÍNH NHẢY DÙ LÂM NẠN của Nguyễn Mạnh Côn. Cuốn sách gồm nhiều truyện, nhưng truyện trên là chính và dài nhất, gồm hơn 100 trang (xb tại Saigon, 1960).

Tóm tắt truyện: Tháng 6 năm 1954, khi Việt Nam chưa chia đôi ở vĩ tuyến 17, có ba người lính binh chủng Nhảy Dù thuộc Quân Đội Quốc Gia Việt Nam, gồm một nữ trợ tá quân đội, một bác sĩ, một hạ sĩ quan, đang thực hiện một phi vụ gần biên giới Trung Hoa. Phi cơ của họ bị bắn hạ ở vùng chiến khu Việt Minh, cách Hà Nội độ 350 cây số. Phi cơ đâm nhào xuống, họ không biết gì nữa: đó là lúc họ lọt vào một vùng không khí năng lực phi thường (có lẽ là đạt tới tốc độ ánh sáng), nhờ vậy họ lọt vào vũ trụ thuộc kích thước thứ tư.

Tại đây, họ diện kiến với Lưu Thần và Nguyễn Triệu, hai cổ nhân từ ngàn xưa cũng nhờ gặp một cơn bão tập trung sức mạnh khủng khiếp (ta cũng nên hiểu là lúc đạt tới tốc độ ánh sáng) mà hai vị đã tới vùng kích thước thứ tư ấy. Vậy đây chính là Thiên Thai với cảnh trí tuyệt vời, nước không chảy, hoa không tàn, thời gian hoàn toàn đình chỉ.

Nơi đây có nhiều bộ máy huyền vi, trong số có một trái cầu nhỏ mà rất kỳ diệu. Nó đưa con người tìm về quá khứ hay tương lai, chỉ cần tâm ý ra lệnh cho những dòng chữ hiện lên trên màn ảnh (có lẽ tác giả muốn nói đến loại phi thuyền vũ trụ điều khiển với các máy điện toán, mà vào năm 1960 những thứ trên còn rất xa vời). Bác sĩ Mai và nữ trợ tá Kiên Trinh ở lại với Thiên Thai, còn hạ sĩ Khang muốn tìm về quá khứ.

Khang ra lệnh cho dòng chữ hiện lên trong trái cầu trở về thế kỷ 18, và đã trở về Thăng Long vừa đúng lúc cứu sống vua Quang Trung. Khang cùng với vị anh hùng Tây Sơn thực hiện tham vọng đòi lại Lưỡng Quảng đã bị Trung Hoa sát nhập từ nhiều thế kỷ trước. Vua Quang Trung rất biết dùng người: mặc dù Khang chỉ là hạ sĩ quân đội nhưng đã là người tiến bộ của thế kỷ 20. Do đó Khang được thống lĩnh lực lượng tiền phương, tổ chức binh đội rất hiện đại thuộc thế kỷ 20, và dĩ nhiên đề bạt quân nhà Thanh cổ lỗ thuộc thế kỷ 18, rồi thắng đã định lật đổ chế độ phong kiến Trung Hoa để thiết lập chế độ quân chủ lập hiến. Nhưng quân Tây Sơn vấp phải sự chống cự của dân Trung Hoa bằng phương pháp tiêu thổ kháng chiến và trường kỳ du kích chiến. Đến đời vua cháu ba đời của Quang Trung đại đế thì cuộc tiến chiếm xứ Trung Hoa hoàn toàn thất bại vì đã bị dân Trung Hoa đông đảo làm Hán hóa tất cả. Đến bây giờ,

Khang mới sức tỉnh biết mình đã có tham vọng mù quáng, làm tờ trình "xin nhà vua trả cho nước Việt Nam trở về vị trí cũ".

Tính ra, Khang đã mấy đời sống nơi dương thế, trong khi đó chỉ là thời gian rất ngắn ở chốn Thiên Thai. Đã có lần Kiên Trinh cũng trở về trần, đi tìm người yêu là hạ sĩ Khang nơi chốn trần mạt, và đau khổ đến điên dại vì biết Khang đã là phò mã, phu nhân chính là Ngọc Chân Công Chúa,

TRUYỆN BA NGƯỜI LÍNH NHẢY DÙ — LÂM NẠN —



NGUYỄN MẠNH CÔN

em gái của Ngọc Hân. Bác sĩ Mai trên Thiên Thai thì động lòng nhớ nhà nhớ quê hương: "Nào Hà Nội với Hàng Rèn, với bờ hồ Hoàn Kiếm; nào chiến khu Việt Bắc với đồng bào Thổ áo chàm...". Tóm lại cả ba đều là những con người thuộc thế gian trần lụy: Khang với tham vọng bành trướng lãnh thổ, Kiên Trinh vì tình duyên, bác sĩ Mai vì lòng nhớ quê hương. Lưu Thần và Nguyễn Triệu biết rằng: "Những người thường, hữu tình và hiếu động, không thể sống mãi được trong Thiên Thai mà họ mơ ước, bởi lẽ họ không biết Thiên Thai chỉ là nơi con người không còn tình dục" (trang 271).

Ta nhận ra có những cái không đồng chất trong truyện. Đầu tiên là có sự pha trộn giữa khoa học thật và khoa học thêu dệt. Đành rằng truyện giả tưởng là bịa đặt,

nhưng là bịa đặt cốt truyện, không quá đà bịa đặt luôn cả về máy móc kỹ thuật hoang đường. Làm như vậy người đọc dễ bị hoang mang, nếu không biết qua về khoa học kỹ thuật, sẽ khó phân biệt giữa những điều tác giả đã thực sự dựa vào nghiên cứu, và những cái hoàn toàn bịa thêm. Mà hoang mang thì thiếu sự thuyết phục rằng đây là sách "khoa học dự tri và giả thiết khoa học" như tác giả cho ghi ở ngoài bìa.

Những điều làm ta phần khởi là những đoạn viết về Thuyết Tương Đối của Einstein: "Nếu ánh sáng đi chậm lại thì chúng ta sẽ thấy bụi cây trước rồi mới thấy rặng núi sau... Cái nhắm của cổ nhân coi vạn vật chỉ có bề dài, bề rộng, bề sâu, tức là chỉ có ba kích thước, mà không biết rằng sở dĩ người ta trông thấy ba kích thước ấy là nhờ có ánh sáng. Tùy sức ánh sáng đi nhanh hay chậm, tùy con đường từ ta đến cảnh vật xa hay gần mà ta tức khắc trông thấy vạn vật, hay chỉ trông thấy dần dần... Cảnh vật chung quanh ta tưởng rằng nhất định như thế mà thật ra có thể đổi khác (Thấy không khác vì tốc độ ánh sáng ở cõi ta là một hằng số)... Einstein đã biết rằng khi một vật di động càng nhanh, càng tới gần tốc độ ánh sáng thì thời gian và không gian hồ tương ảnh hưởng vào nhau, sẽ uốn cong lại chung quanh cái vật di động kia. Sự uốn cong này chính là kích thước thứ tư..." (từ trang 183 - 186).

Điều làm ta hoang mang như về luồng ngoại tuyến bao bọc thân thể khiến ta lọt vào kích thước thứ tư, theo kịp tốc độ ánh sáng; về cái máy "xuyên thời di không kỷ ảnh" thấy hết mọi điều xảy ra trên Trái Đất giống như trái cầu pha lê của các phù thủy trong truyện cổ tích Tây phương; về viên thuốc kết tinh của ánh sáng thay thế cho thực phẩm trần gian...

Một pha trộn không đồng chất nữa là sự kết hợp những yếu tố thực sự thuộc về lịch sử và sự tuyên truyền chống Cộng Sản Trung Hoa, vào thời điểm 1960, khi mà đảng Cộng Sản Trung Hoa đang yểm trợ đắc lực cho đảng Cộng Sản Việt Nam. Trở về thế kỷ 18 giúp vua Quang Trung đòi lại Lưỡng Quảng, đó là một điều có thật mà vua Quang Trung muốn thực hiện, sử sách vẫn ghi chép như thế! Đành rằng giả tưởng

là bịa đặt nhưng cũng nên căn cứ trên sự thật lịch sử.

Một đôi chỗ tác giả gượng ép, như bên Tàu lại là lúc có sự xuất hiện của Mao Trạch Đông. Đó là vì tác giả cố ý lồng vào ý tưởng chống Cộng: “*diệt Mãn Thanh, không cho Cộng Sản nảy nở trên đất Tàu... làm cỏ tỉnh Sơn Cương và huyện Thụy Kim. Tìm đến tận gốc để chu di họ Mao*” (trang 220).

Những chỗ khác, tác giả viết nhiều đoạn hay về lịch sử. Như một đạo quân vượt biên thì không thể lấy danh nghĩa gì để thu phục quần chúng, do đó quân Tây Sơn bị lao đao vì tiêu thổ kháng chiến. Như bài học đã từng xảy ra cho một đạo quân viễn chinh trên một lục địa bao la với dân số quá đông như nước Trung Hoa. (Có lẽ tác giả liên tưởng đến trường hợp Mông Cổ xâm lăng và cai trị nước Tàu mà rốt cuộc là bị Hán hóa). Nội việc phải dùng Hán văn để giao tiếp cho thuận tiện với quần chúng là cách lần lần thiếu số bị đa số đồng hóa: “*lúc ban đầu còn dùng quốc văn, về sau càng ngày càng dùng nhiều Hán văn cho thuận tiện... Ngót một triệu người Việt phân tán đi cai quản hơn mười ngàn thị trấn, và chiếm đóng hơn ba mươi ngàn đồn binh*” (trang 265).

Sự pha trộn không đồng chất rõ ràng hơn hết là lối viết biên khảo và lối viết văn chương. Cuốn sách nặng phần trình bày kiến thức về khoa học để dựa vào đó mà lồng truyện giả tưởng. Ta nhận ra có sự bịa đặt về cốt truyện nhưng thiếu chất huyền ảo, dù tác giả lồng vào đó huyền truyện Đông Phương nơi chốn Thiên Thai, vì hình như tác giả không chú trọng việc “*làm văn chương*”.

Ngoài kiến thức khoa học, còn kiến thức về lịch sử và kiến thức triết lý! Thiết nghĩ những đoạn về trận mạc giữa quân Tây Sơn và quân nhà Thanh trên đất Trung Hoa bao la đáng là một dịp viết những trang hùng tráng trong bối cảnh địa lý vĩ đại, tương tự như cuộc dân binh của Nã Phá Luân khi tiến đánh vào đất Nga (mà ta thấy qua màn ảnh đại vĩ tuyến, thực hiện cuốn tiểu thuyết CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH của Leon Tolstoi). Thiết nghĩ những đoạn khi Kiên Trinh diên đại đi tìm Khang ở chốn ba quân, nếu bằng lối văn phong thiên về mỹ cảm như Mai Thảo, thì đã là một dịp viết thành những trang đẹp kiểu “*Người Đàn Bà Diên Dưới Chân Sườn Tam Đảo*”.

Kết hợp kiến thức về khoa học của “*Thuyết Tương Đối*” với huyền truyện “*Lưu Nguyễn lạc Thiên Thai*”; đặc điểm làm ta thỏa mãn là cho biết tại sao có chuyện lạc vào chốn thời gian đình chỉ, đó là khi phi cơ rớt và khi gặp bão họ lọt vào một vùng năng lực phi thường, và ta hiểu đó chính là lúc đạt tới tốc độ ánh sáng. Thiên Thai hay vũ trụ thuộc kích thước thứ tư không ở đâu xa: “*Bạn ta ở đây vẫn là ở trên mặt đất, nghĩa là vẫn cùng một không gian, với đời sống đương thế, nhưng nhờ có tốc độ ánh sáng thay đổi nên có thể lẫn lộn vào nhau, chồng chất lên nhau mà không biết. Trong ánh sáng đi nhanh hơn lên 90 ngàn lần, cả một vũ trụ sở tại của chúng ta sẽ trở thành vô hình*” (trang 187).

Nói chung, quá nhiều kiến thức làm cho cuốn sách nặng nề vì viết theo kiểu biên khảo. Bằng không thì văn học ta đã có thêm một tập truyện huyền ảo, dễ cảm nhận hơn với lối văn chương thiên về mỹ cảm, sánh vai cùng bài thơ “*Tống Biệt*” rất đẹp của thi sĩ Tản Đà. ■

Hoàng Phong Linh

VÔ ĐẠI TÔN

NGÀY GIỖ BẠN

Nhân Ngày Quân Lực 19.6, tưởng nhớ một người bạn đồng khóa đã hy sinh vì Tổ Quốc.

Hôm nay là ngày giỗ
của mày
tau nhớ rõ.

Nhưng làm sao trở về thăm mộ
như những lần trước đây?

Có lẽ mày đã hay
Bọn mình mất nước!
Mày sướng hơn tau vì được nằm
xuống trước
trên mảnh đất Quê hương
còn thân tau giờ phải cảnh tha phương
biết bao giờ trở lại?

Nơi mày nằm chắc có nhiều cỏ dại
hay bị phá tan đi làm kỹ nghệ
công trường?

Tau nhớ bọn mình hay nói chuyện
Quê Hương
đời lính chiến vẫn hoài mơ làm Đẹp!

Những buổi dừng quân, tau làm thơ,
mày chép
giữa rừng sâu mờ ảo ánh trăng sao
những đêm mưa nằm dưới chiến hào
gối đầu lên mũ sắt
mày hay mơ, mộng ngời lên ánh mắt
ngày thanh bình trên khắp nẻo quê hương
bỏ lại sau lưng khói lửa chiến trường
về vui sống bên mẹ già, xóm nhỏ
những em gái hậu phương yêu Thiên thần
Mũ đỏ
thường viết thư cho mày, tán gẫu chuyện
tương lai.

Đời bọn mình đâu biết được ngày mai
khi tuổi lính không đếm bằng năm tháng
mà đếm bằng gian truân lửa đạn
phải không mày?

Những chiều xuân đồn vắng, gió heo may
mày mơ ước theo mây về viễn xứ
mày đổ tau chuyện người xưa, lịch sử
thời Chiến quốc Đông châu
từ chuyến Tàu sang đến tận trời Âu
mày biết cả giòng sông Seine bao nhánh
Hoa Thịnh Đốn bao đường,
trời Paris nóng lạnh
nhưng cuối cùng rồi cũng chuyện
Quê Hương
với giấc mơ con, với mộng bình thường
không bao giờ có được.

Rồi một hôm mày lại nằm xuống trước
mất mở trường to như muốn hỏi: vì sao?



Pho tượng Tiếc Thương tại nghĩa trang Biên Hòa. Điều khắc gia: Nguyễn Thanh Thu, đại úy Công binh.

Tại sao mày chết, khi mày chỉ ước ao
trông thấy mẹ già, đàn con, xóm nhỏ?
—Khi mày nói đời Thiên thần Mũ đỏ
là bất tử trường sinh!

Tau đưa mày đi, đầu cúi làm thỉnh
và tự hỏi đến bao giờ gặp lại?
Những em hậu phương, những người
con gái
đã yêu mày, sao không thấy tiễn đưa?
Trong lòng tau đang khóc, hay ngoài trời
đang mưa?

...Rồi hôm nay ngày giỗ
Tau xa rồi, có còn ai thăm mộ
nơi mày nằm, cỏ dại lạnh tàn hương
hay bị phá tan đi làm kỹ nghệ
công trường!

THÁI LUÂN

KHI QUA
NGHĨA TRANG BIÊN HÒA

Cần gì phải chiếm lấy
bởi vì
nơi đó không phải là Dinh Độc Lập
cũng không là bộ Tổng Tham Mưu.

Cần gì phải đuổi
những nắm xương tàn
ra khỏi căn nhà của họ
hay là người sống bị đuổi nhà
người chết cũng phải ra đi?

Cần gì phải treo ngọn cờ chiến thắng
trên đỉnh nghĩa trang
làm sao có thể xô ngã bức tượng đồng
đã hằn sâu trong những trái tim
Việt Nam?

Dù sao cũng xin cảm ơn những pháo thủ
khi tấn công Sài Gòn
tọa độ rơi không là nghĩa trang.

đón đọc khởi hành số tới: chiêu niệm
nhà văn hồ hữu tường / học giả hoàng văn chí

"MẠNH CÔN", CÁ KINH THẾ UYÊN

Cố gắng đi ngược lại quá khứ, đi tìm những thời gian đã mất như một nhà văn Pháp đã viết, tôi cũng không sao nhớ ra được đã quen với nhà văn Nguyễn Mạnh Côn trong trường hợp nào. Hình ảnh xa xôi nhất hồi ức là một buổi trưa nào đó tôi có một giờ hẹn và địa chỉ của anh trong một ngõ hẻm xe hơi vào được gần ngã tư Phú Nhuận, trên đường Võ Di Nguy, nay là Phan Đăng Lưu. Tôi kiếm ra nhà anh không khó gì vì nhà Phạm Duy, tôi và Thi lui tới hơi nhiều, cũng nằm trong khu vực này.

Mặc dù là buổi trưa và có hẹn trước, cửa sắt có những tấm chắn mỏng vẫn khóa kín. Chị Côn ngo ra nhận diện tôi rồi mới mở cửa và mời tôi lên thẳng căn gác gỗ phía trên. Anh Côn đang ngồi cạnh bàn đèn và ngọn đèn dầu lạc đang cháy sáng, mùi khói thuốc phiện đang thoang thoang trong không khí. Chắc anh đang hút cỡ buổi trưa và dĩ nhiên cửa đóng then cài là phải, các chế độ kế tiếp nhau của miền Nam đều cấm thuốc phiện, đều biết anh còn hút nhưng chẳng ai nỡ làm phiền tới một con người như anh, bởi vì trong hàng ngũ những nhà văn thời đó, không ai thân chính như anh. Tôi dùng chữ "thân chính" với ý nghĩa là anh tin tưởng và trung thành với chế độ, chính quyền của miền Nam, bất kể tổng thống hay thủ tướng là ai. Nhưng dù có là thế, anh vẫn thủ cho kỹ, tránh những ông kẻ các kẻ, thời nào và ở đâu cũng có, làm ầu làm phiền bất ngờ.

Anh thoải mái tiếp tôi cạnh bàn đèn và tôi cũng thoải mái đến ngồi trên chiếu phía bên vì anh biết rõ ông bố tôi cũng là người nghiện thuốc phiện mới cai sau khi di cư vào Nam vài năm. Hai chúng tôi chuẩn bị cho thuốc kế tiếp, những động tác đối với tôi thật quá quen thuộc từ thời quá khứ. Trong rất nhiều đêm ở miền Bắc trước 1954 bố tôi đã có cái lệ, sau bữa ăn tối, trao công việc chuẩn bị bữa hút tối cho tôi và cô em gái. Con gái trải chiếu, trải đệm mỏng và kê gối, tôi bê bình trà nóng từ phòng khách vào, bê bàn đèn đặt vào chính giữa chiếu. Và khi ông hút dư cỡ thì mẹ tôi ngồi khâu vá trên giường phía xa một khoảng, còn bọn tôi qui tụ bên kia bàn đèn hồi bài vở và cũng để ông kiểm tra học lực học bạ. Ngoại trừ vài trường hợp hiếm hoi, ông ít đánh hay la mắng con cái lớn tiếng nên những buổi tối sum họp gia đình ấy, tôi nhớ lại, thường êm đềm trong cảnh sinh hoạt gia đình. Cái

bất thường duy nhất là bộ bàn đèn ở chính giữa, nhưng nó vẫn có đó từ quá lâu nên con cái coi như là bình thường. Nếu có một ảnh hưởng nào chẳng thì hẳn là lũ con trai ý thức nghiện thuốc không phải là điều hay cho một nam nhân, nên về sau, khi đã trưởng thành, bọn tôi lắm lúc cũng chìm ngập nhiều khoảng khắc trong tư đồ tưởng, nhưng chẳng có ai thuyết phục hay dụ dỗ được bọn tôi đi vào con đường ma túy bất kể loại nào.

Tôi đã chấp nhận từ đã lâu sự nghiện ngập như là một khuyết điểm của bố mình, và nếu sinh ra làm con dâu có chọn được cửa nhà giàu hay nhà nghèo thì cũng đâu vì bố mình nghiện mà phủ nhận bố đâu. Cũng vì thế giao tình của Nguyễn Mạnh Côn và tôi cứ thế diễn ra hai bên ngọn đèn dầu lạc, đến độ hầu như chẳng mấy khi tôi ngồi ở phòng khách dưới nhà và hầu như chẳng mấy ai biết chúng tôi thân với nhau chưa bao giờ hai người rủ nhau đi ăn bên ngoài hay tham dự chung một party nào ngoài đời.

Hồi ấy Nguyễn Mạnh Côn làm chủ biên thì phải tạp chí Chỉ Đạo, một tạp chí của Quân Đội nhưng mở rộng các đề tài ngoài xã hội và cho những người viết không phải là quân nhân công chức. Nhưng cái khung vẫn là quá chật cho một nhà văn trẻ, xông xáo, nên dù có lời mời của anh tôi cũng không biết viết gì cho hợp. Và mỗi lần lâm vào hoàn cảnh tế nhị như thế, tôi thường hay dịch một cái gì đó thay cho sáng tác hay đoán văn. Tôi đã dịch và đưa anh đăng truyện *Đoàn Quân Mũ Đỏ* lấy từ sách tóm lược đăng trên Selection (hồi đó quá dốt Anh văn, tôi không đọc được Reader's Digest), một hồi ký về sư đoàn 82 Không vận Hoa Kỳ trong cuộc chiến sống còn của đơn vị này trên một vùng đèo núi miền Bắc nước Ý trong đệ II thế chiến. Mặc dù được trả một khoản nhuận bút khá cao cho bản dịch này, nhưng tôi không kéo dài sự hợp tác vì thế giới văn học bên ngoài quyển rừ hơn nhiều: Những tờ Bách Khoa, Văn Học, Văn... đang mở rộng diễn đàn của họ cho tôi.

Nguyễn Mạnh Côn cũng cộng tác với tờ báo của Hồ Anh, tờ báo tái xuất hiện khá sớm ở hải ngoại và tồn tại đến tận giờ phút này. Anh giữ mục quan điểm/nhận định ở đầu mỗi số và ký bút hiệu Đằng Vân Hẩu,

tên một nhân vật anh đã tạo trong một cuốn sách khá ồn ào thời đó của anh (nếu trí nhớ của tôi không sai, đó là truyện BA NGƯỜI LÍNH NHẢY DÙ LÂM NẠN). Chính trong mục này có lần anh nhắc tới dòng họ của tôi cùng Tự Lực Văn Đoàn và anh đích danh đề cao ông bố tôi, Nguyễn Kim Hoàn, người quản lý chính tất cả các báo Phong Hóa, Ngày Nay lẫn nhà xuất bản Đời Nay, và cả nhà in riêng của văn đoàn này. Nguyễn Mạnh Côn đề cao khoa quản trị kinh doanh, vào thời đó còn là mới mẻ, và cho rằng mọi người đã không công bằng khi không ghi nhận tài năng và công trạng của bố tôi, nhân vật trong bóng tối này. Trước khi gặp anh tôi đã đọc và cảm tình với cuốn ĐEM TÂM TÌNH VIẾT LỊCH SỬ của anh ký dưới bút hiệu Nguyễn Kiên Trung, nhưng rất có thể do bài báo trên mà cảm tình của tôi với anh tăng lên, đến mức độ tôi đến gặp anh chẳng, hay là anh nhắn tôi tới để lấy bài cho Chỉ Đạo, tôi cũng không biết và nhớ rõ nữa.

...Nguyễn Mạnh Côn mạnh khỏe thư sinh, đeo kính, vóc dáng như Nguyễn Văn Trung. [...] Có lẽ giữa chúng tôi có nhiều điểm chung nhau, sở thích giống nhau. Thí dụ như vào thời đó, cái mà người Mỹ sau này hay gọi là *political correctness* cho rằng một quá khứ quan lại thời trước chẳng nên nhắc tới, những chức quan phủ quan huyện đốc phủ sứ chẳng hạn, nên quên đi. Nguyễn Mạnh Côn trái lại tự hào với đồng đội quan lại của mình. Anh bảo một xã hội có khá, bền vững hay không là do hệ thống quan lại mình đào tạo ra được và anh kể hồi nhỏ đi theo bố là một ông quan cai trị thời Pháp thuộc, anh đã học hỏi được rất nhiều điều.

Lúc ấy tôi còn trẻ lắm, nhưng nhờ đọc được Pháp văn, tôi đã biết lơ mơ về cách thế đào tạo người lãnh đạo ở Hoa Kỳ: Phải cố gắng tỏ ra ưu tú khi còn ở trung học, phải tốt nghiệp một đại học lớn, phải vô được một trường Luật cổ cựu ở miền Đông Hoa Kỳ, ra luật sư phải làm cho những văn phòng tổ hợp lớn, biết nhận cái những vụ án ít tiền để lấy tiếng tốt và từ tâm, chuộng công lý lẽ phải. Rồi phải bắt đầu hoan lộ từ những chức nghị viên hội đồng tỉnh/thành phố/quận, băng qua những chức dân biểu hay thượng nghị sĩ liên bang, bộ trưởng hay thống đốc tiểu bang. Tới đó mới đủ điều kiện tối thiểu ra ứng cử... Tổng thống, nếu có tham vọng này.



THÀNH TÔN

KẺ LÃNG TỬ

Quán trưa ghé một ta ngồi
Ly bia cũng nhạt cảnh đời tiêu sơ
Vào ra quen mặt nghi ngờ
Vòng quay đã lập đĩa mờ âm thanh

Buồn buồn thổi khói lên nhanh
Mờ hơi ẩm quán lạnh tanh hồn người

Ngoài trời với với mưa rơi
Phố quen nhàn nhạt cảnh đời bay bay
Co ro hồn tỉnh chân say
Thân ta ướt át quên ngày nồng cơn

Nhớ em trăm sợi chồn vờn
Nhạc hâm nóng máu đập dồn da gai

Bia lừng. Ghế nóng. Mưa mài
Quanh ta cảnh tượng nhạt phai tình người
Ngồi đây trông thật thanh thoi
Tួយ xương đậm dặt trăm lời nôn nao

Cảnh ta, kẻ lạ trông vào
Dài đuôi mắt liếc đủ xao dòng tình.

một chút, in khổ đặc biệt hơi vuông trong đó anh để cao sự hòa hợp về thân xác như một trong những điều kiện căn bản để một đôi nam nữ kết hợp. Với tôi, đã đọc NGƯỜI TÌNH CỦA LADY CHATTERLEY của D.H. Lawrence qua bản Pháp ngữ, thì chủ đề của TÌNH CAO THƯỢNG không có gì để tôi phải "xóc". Nhưng với độc giả Việt Nam thời đó thì anh gây xóc hẳn hoi, vì khác hơn nhà văn Anh còn để "người tình" là một cựu quân nhân nay làm kiếm lâm cho lãnh địa của ông chồng, vị trí xã hội cũng không đến nổi tệ và mối tình xảy ra với sự đồng thuận của hai bên nam nữ trưởng thành. Trong TÌNH CAO THƯỢNG, người nữ bị cướp bắt cóc và hiếp dâm tập thể để rồi sau cùng nàng yêu tên cướp có cơ phận king size đó và dai sức trong cuộc tình, làm cho nàng thỏa mãn tới đa.

Nhưng anh không tiếp tục khai thác lối viết ấy, không biết vì có thể một số độc giả và người cầm quyền hồi đó còn cổ và chặt hẹp lắm có phần ứng hay là tại về love & sex, càng về sau anh càng đẩy xa đến bình diện triết lý, siêu hình và "siêu nhiên".

NÓI VỚI CÔ BÉ NGỒI QUÁN

gửi các bạn Dân, Danh, Lân

Vào đây ghé quán, khuya người
Quán như địa phủ, nhạc đời nhân gian
Quầy trơ, mắt biếc ngờ ngàng
Thuyền ai đỗ bến lòng nàng băng khuâng

Hồn ta trải gió đầy sân
Tình ta, mây cũng mấy lần thu nao

Vào đây bàn nhẩn, câu chào
Quen như thân thể, lạ nào chén ly
Đời nhau, khói thuốc quên đi
Bên tai cổ nhạc lăm li canh tân

Trên kia đáng bé tần ngần
Lời yêu chậm nói, tình gần tay trao

Vào đây đèn đủ hanh hao
Bóng ai theo đến kẻ nào quay lui
Cúi đời trên chén ly, khuya
Mất nhau một hướng, tình chia mấy trùng

Ngồi thần, góc quán mộng lung
Xa nghe lời kẻ, gần chừng đáng ai

Vào đây nhạc đĩa đầy vai
Vòng qua nhịp lặp, kim mài giọng quen
Mòn hao sợi tóc trăm năm
Khuya, mừng máu chậm.
Tình, bầm tím mau

Ngậm lòng. Quán vắng. Ôn nhau
Ly trơ ghé nóng, bé chau mắt nhìn

Vào đây như một đức tin
Khói tan đóm thuốc, đời vin tay nào
Miệng cười kín nụ lao đao
Tình chia nghĩa sứt, câu chào riêng ai

Trách gì ý lỡ lời sai
Cho nhau góc quán đêm dài dung thân

Thôi em, trả đó tình gần
Ta xin bóng chiếc, đời cần, nhau đâu?
Vào đây ghé quán, khuya nhàu
Tình như cổ tích đời sau kể thắm.

Tính cách "siêu nhiên" ấy, theo tôi, bắt nguồn từ một sở thích khác chung giữa anh và tôi: cả hai đều thích đọc loại văn khoa học giả tưởng, dự tưởng. Bố tôi hay mua tạp chí Science Fiction của Pháp cùng với Constellation, Echo và Selection, ấn bản Pháp của Reader's Digest Hoa Kỳ. Và ngay từ lúc đầu tiên tôi đã mê đọc loại văn khoa học giả tưởng này và giữ nguyên thích thú đó với thời gian. Đến độ về sau đi lính, thời kỳ làm Đại đội phó một đại đội của Sư đoàn 5 đóng đồn ở vùng Củ Chi, tôi đã cao hứng kẻ giấy lên thùng đạn dịch hai truyện của Science Fiction gửi đăng trên một tạp chí ở Sài Gòn. Và sau 1975 tôi tiếp tục đọc những truyện loại này dịch của Liên Xô và khá thích thú những nhà văn khoa học dự tưởng của đất nước rộng lớn này vì đa số viết như kiểu E.T nhiều hơn là kiểu Aliens. Nghĩa là tin tưởng ở thiện chí kết nghĩa liên hành tinh liên sinh vật trong vũ trụ, hơn là những thứ quái vật chỉ tìm cách xâm chiếm, làm hại loài người. Sau này, đã định cư ở Mỹ, khi đến tiệm video rental, tôi vẫn là người thò tay lấy những tape loại này, từ Star Wars

Biết đại khái thế thôi, nhưng nhờ những buổi mạn đàm hai bên ngọn đèn dầu lạc với anh Côn, tôi ý thức được một số ưu điểm của hệ thống quan lại Việt Nam thời quân chủ, mà sự thất bại ồ ạt của tầng lớp này trong việc bảo vệ đất nước trước cuộc xâm lăng của Pháp, đã làm cho mọi người, trong đó có cả tôi, quên đi. Hai người, một trung niên một trẻ cứ thế gật gù đồng ý là phải đào tạo quan lại/viên chức cho thật cẩn thận vì cai trị vừa là một khoa học có thể học và cần phải học, vừa là một nghệ thuật đòi hỏi nhiều kinh nghiệm. Có thể cũng đã vì thế tôi sớm hết tin ở sự thành công lâu dài của các đảng CS về phương diện cai trị/quản lý dân. Không thể thành công, không thể phát triển nhanh và mạnh, nhất là về địa hạt kinh tế, khi cứ lấy "hồng hơn chuyên", đưa những đảng viên trung thành với Đảng lên cầm quyền không cần học vấn, khả năng chuyên môn, biến những chuyên chính vô sản thành chuyên chính lười học. Nhưng điều quan trọng hơn nữa là khi đã thừa lui tới căn gác gỗ của anh Côn, tôi đã biết kính trọng các nhà quản lý kinh tế/chính trị và biết tôn trọng các chính trị gia giỏi. Kể từ đó tôi thích đọc tiểu sử các nhà doanh nghiệp công nghiệp thành công lấy lừng, như đọc tiểu sử các danh nhân các loại khác.

Có một lần tôi hỏi anh Nguyễn Mạnh Côn tại sao anh nghiện, anh đã trả lời ngay thẳng đại khái là nghe nói thuốc phiện làm tăng hưng phấn về tình dục và kéo dài được lâu cuộc làm tình, anh đã thử. Khi tôi hỏi kết quả có đúng thế không, anh đã cười cho biết là đúng,... nhưng rồi anh thờ dài rất nhọc: Nhưng chỉ trong thời kỳ đầu mới hút thôi, khi đã nghiện rồi mọi sự trở lại bình thường.

Kể từ đó anh cởi mở hơn, thoải mái bàn với tôi những vấn đề liên quan tới tình dục tới sex -trong các bạn bè đủ loại tuổi của tôi thời đó, ngoài Nguyễn Mạnh Côn, chỉ có Phạm Duy là người thứ hai có thể ngay thẳng bàn luận về tất cả mọi khía cạnh của địa hạt này, coi việc hạnh phúc trong việc giao hợp ngang hàng với hạnh phúc ăn ngon mặc đẹp có quyền thế hay danh tiếng.

Nhưng anh Côn hay đi sâu vào vấn đề tâm sinh lý của love & sex, viết ra truyện TÌNH CAO THƯỢNG, một truyện ngắn hơi dài



Tôi bị di chuyển đến trại tù Xuyên Mộc vào tháng 9-1979. Ngay khi đến trại vài ngày, anh em sĩ quan bị tập trung ở đây đã nhắc đến cái chết của nhà văn Nguyễn Mạnh Côn vào tháng Sáu vừa qua. Họ kể rằng, trong một buổi sáng điểm danh trước khi xuất trại đi lao động, nhà văn Nguyễn Mạnh Côn đã dơ tay đứng dậy phát biểu "hôm nay là ngày hết hạn tập trung cải tạo 3 năm của tôi, xin cán bộ cứu xét..." Sau đó ông đã bị cô lập, bị đem ra đấu tố, và cuối cùng đã chết một cách tức tưởi.

Nhà văn Nguyễn Mạnh Côn, tôi nhớ chỉ được gặp ông một lần duy nhất. Lúc đó là sau ngày 30/4/1975. Tôi nghe tin đồn là nhạc sĩ Phạm Duy đã chết, sau khi bị ngất đi trong cuộc trình diễn, nên mò đến khu cư xá Chu Mạnh Trinh ở Phú Nhuận xem sao.

Tôi đến căn nhà cuối cùng mà tôi hay gặp nhạc sĩ Phạm Duy những thời gian trước đó, nhưng không gặp ai. Tôi trở lại căn nhà cũ, thì gặp ngay một người đàn ông, mặc bộ đồ bà ba, mũ nâu, mắt đeo kính dày. Tôi hỏi thăm về nhạc sĩ Phạm Duy, ông chỉ cho tôi chỗ ở của Duy Quang. Người đó là nhà văn Nguyễn Mạnh Côn. Tôi được trao đổi với ông vài câu ngắn gọn.

Hồi còn bé, lúc 10 tuổi, tôi đã hay đọc Tập San Chỉ Đạo do anh tôi là Phạm Hậu mang về, từ lô sách báo của Nha Chiến Tranh Tâm Lý. Truyện ngắn "Con yêu con ghét" của Nguyễn Mạnh Côn đã làm cho tôi say mê, và sau này lớn lên, tôi vẫn thích truyện ngắn này. Tập khảo luận "HÒA BÌNH, NGHĨ GI, LÀM GI" được in sau 1973, khi Hiệp Định Paris được ký kết cũng là cuốn sách mà tôi đã đọc, thời kỳ đang làm ở đài Phát Thanh Sài Gòn và đài Tiếng Nói Tự Do. Nhưng có những bài viết, không ký tên Nguyễn Mạnh Côn, mà ký "Đặng Văn Hầu" trong mục "Bảy Ngày tính quần chuyện đời" một mục thời sự viết theo loại "phim" trên tờ Văn Nghệ Tiền Phong làm cho tôi thích thú (LTS: "phim", nói gọn chữ 'film du jour' hồi đó hay dùng, chỉ loại viết phịa mỗi ngày của nhật báo). Chính mấy ông anh của tôi cho tôi biết Đặng Văn Hầu là Nguyễn Mạnh Côn. Đó cũng là điều dễ hiểu, (tương tự như) khi nhà báo Trần Việt Sơn, ngoài việc xuất hiện trên tờ Chính Luận, trong mục thời sự, cũng là một cây bút chủ lực của tờ Văn Nghệ Tiền Phong, mà người Tổng thư ký là anh Anh Nhật, mà có thời gian tôi làm báo chung với anh ta. Sau này anh chết ở trận mạc.

Về nhà văn Nguyễn Mạnh Côn, tôi chỉ biết như thế thôi. Nhưng một chi tiết khá cảm động mà tôi viết ra ở đây, theo lời yêu cầu của anh Viên Linh, để tưởng niệm nhà văn Nguyễn Mạnh Côn, đó là anh bạn vong niên của tôi đang còn giữ được cặp kính đeo mắt của Nguyễn Mạnh Côn.

Cặp mắt kính, mà qua đó, ông đã nhìn tôi, nói chuyện rất ngắn với tôi về thời cuộc, tại căn nhà cũ của nhạc sĩ Phạm Duy, buổi trưa nào tại Phú Nhuận, Sài Gòn, cách đây hơn 23 năm.

Bọn tù chúng tôi đến Xuyên Mộc. Ở đó nhốt đủ mọi loại tù. Từ tù tập trung như các anh em sĩ quan, cấp úy, đến một số anh em văn nghệ sĩ như Bác Nguyễn Mạnh Côn,

anh Đặng Giao, Duyên Anh, Đặng Hoàng Hà. Có cả ông Nguyễn Bá Lương, cựu chủ tịch Hạ nghị viện cũng bỏ xác ở đây. Cả ông Tô Công, một ông vua "furniture" ngày xưa tại Sài Gòn, cũng bỏ xác tại đây. Và cả những anh em hình sự, vì nghiện, hút, cướp của, giết người cũng ở trong trại này.

Anh bạn vong niên của tôi là Nguyễn Quang Trù. Anh là một giáo sư Trung Học Đệ Nhị Cấp và là bạn với bác sĩ Nguyễn Đan Quế, nên cùng "vụ" với bọn tôi. Một buổi sáng Chủ Nhật, một cậu nhỏ từ buồng bên cạnh lén qua phía buồng chúng tôi. Vì là ngày Chủ Nhật, nên chúng tôi không phải đi cày, hiền theo đúng nghĩa 100%.

Cậu nhỏ hình sự này rút ra một gói giấy báo nhỏ, và từ từ lòi ra một cặp kính, với chiếc gọng nhựa, màu nâu. Anh chàng nói với giọng nghiêm trọng:

PHẠM LONG: CẶP KÍNH CỦA BÁC CÔN

- Kính của ông Côn đấy. Hôm em đi chôn ông Côn bằng xe "cải tiến", em thấy ở trong hòm cặp kính này. Em giữ làm kỷ niệm, nhưng mấy bữa nay em đói quá, mấy anh đổi cho em 3 loong gạo.

Tôi nghe kính của ông Nguyễn Mạnh Côn, lòng chùng xuống. Đúng rồi. Đây là cặp kính của Bác Côn. Anh Nguyễn Quang Trù rất nhanh nhẹn, trả giá:

- Một loong rưỡi thôi.

Cậu nhỏ gật đầu, chịu liền. Anh Trù vào trong buồng, một lúc sau mang ra một bao gạo nhỏ, mà tôi nghĩ chắc chắn ở trong đó phải hơn một loong rưỡi như giá cả thỏa thuận.

- Tờ trả cho cậu y giá: 1 loong 1/2. Tờ tặng thêm cho cậu 1 loong 1/2 với điều kiện là cậu không tiết lộ với bọn "chèo".

- Ông thầy đừng lo. Em hình sự thứ thiệt mà. Bác Côn thiêng lắm. Ông Thầy giữ kính này, thế nào cũng được tha.

Và từ đó, trong suốt hơn 8 năm trong các trại giam cặp kính này luôn ở bên anh bạn tôi. Khi trở về nhà, năm 1988, khi các anh Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, lúc đó đã được thả ra, chưa bị bắt lại, nhân dịp đám cưới con gái thứ nhì của anh Trù, tất cả chúng tôi đều tụ tập tại Nhà Bè, một nông trại của anh Nguyễn Quang Trù. Hôm đó có cả Phan Nhật Nam và anh Trù đã mang chiếc kính này ra khoe, như một vật kỷ niệm quý giá.

Như vậy, chiếc kính đeo mắt của nhà văn Nguyễn Mạnh Côn vẫn đang ở Nhà Bè. ■

đến Star Trek đủ loại, lang thang cùng phi thuyền vũ trụ Enterprises khắp các giải thiên hà.

Anh Côn lúc đó giấu hơn tôi nhiều nên ngoài các tạp chí, anh đặt mua từ Pháp những tuyển tập khoa học giả tưởng chọn lọc loại bìa cứng. Và hai chúng tôi cùng say sưa đọc và bàn cãi sau đó, như hết về sau bà con say sưa đọc và bàn cãi về những "Cô gái Đồ Long", "Tiểu ngạo giang hồ"... của Kim Dung. Nhưng tôi chỉ ham đọc và cao hứng dịch một chút như đã nói ở trên. Không như Nguyễn Mạnh Côn, đã để loại văn ấy thấm vào người để viết ra những truyện như BA NGƯỜI LÍNH NHẢY DÙ LÂM NẠN, MỒ HÔI CỦA ĐÁ, MỐI TÌNH MÙA HOA ĐÀO...

Một lần tôi hỏi đùa anh: Chữ "Côn" tên anh có phải là cái gậy, như trường côn đoàn côn không? Anh đã trả lời: Côn là một loại cá kinh cá ngac của đại dương, tương tự đại bàng bay ba ngàn dặm trên trời cao. Bỏ anh đã đặt tên "Mạnh Côn" với kỳ vọng anh sẽ tung hoành ngang dọc sau này. Nhưng câu trả lời của cuộc sống nhiều khi bất ngờ: Anh đã không lập danh bằng đường võ, có lẽ một phần do thể xác yếu ớt mặc dù đã có thời anh thử bằng cách nhận một chức trung úy đồng hóa không dẫn tới đâu cả. Anh cũng không thành công trong khoa cử! Nhưng anh lại thành công trong văn chương và tư duy, và với lối viết nhiều sáng tạo, đi vào cả "vùng cấm địa" của các cụ Nguyễn Đình Chiểu, thế giới siêu nhiên của khoa học giả tưởng, và sau này đi vào cả địa hạt tư duy chính trị có thị kiến viễn kiến với cuốn sách khá dày HÒA BÌNH, NGHĨ GI, LÀM GI?. Đúng anh là một thứ cá côn, vùng vẫy thoải mái một thời, trong thế giới chữ nghĩa.

Trong thời kỳ đầu kết bạn với anh, có lần tôi bị một "tai nạn chữ nghĩa" vì anh. Tôi nhận được lệnh động viên và đến Trại Nhập Ngũ số 2 ở Tháp Chàm để làm thủ tục trước khi cùng hai bạn nữa, trong đó có một biên tập viên của tạp chí Thời Nay, đi xe lửa cùng một trung sĩ áp tải về trường Võ Bị Thủ Đức. Sau khi trình diện văn phòng Trưởng, một sĩ quan thông báo sĩ số khóa 13 vừa đầy đủ ngày hôm qua, do đó ba đứa tôi được hoãn một khóa. Cả ba vui mừng trao mọi giấy tờ cho trung sĩ áp tải mang về Phan Rang rồi chia tay nhau ai về nhà nấy. Tôi ghé thăm anh Côn. Anh vẫn thường quan tâm nhiều đến quần đội nên hỏi thăm tôi mọi sự rất chi tiết. Sau đó, căn cứ lời tôi, anh viết một bài, ký tên Đặng Văn Hầu, chỉ trích Trại Nhập Ngũ đã để các tân binh kể cả sinh viên sĩ quan nằm trên ván dầy rệp, hệ thống cơm nước không có, các cầu tiêu đều tắc và dơ bẩn, muốn đi cầu phải xin phép ra khỏi trại đi vào vùng đồng hoang bên kia nhà ga xe lửa, quanh những tháp Chàm hoang liêu.

Bài báo này gây một hậu quả bất ngờ: Một hôm tôi nhận một điện tín từ Trại Nhập Ngũ cho tôi 24 giờ phải trình diện Trại, nếu không sẽ bị truy tố ra trước Tòa Án Quân Sự vì tội... đào ngũ. Cái gì chứ chuyện này không có đùa được, chưa đi lính mà đã can tội đào ngũ, tôi tức tốc lên đường ra Phan Rang và sáng hôm sau gặp lại hai bạn cùng hoàn cảnh. Trung úy trưởng trại chưa tới, một thượng sĩ già cho biết theo đúng thủ tục hành chánh quân đội, ba đứa tôi khi được trưởng Thủ Đức cho hoãn, phải lập tức trở lại Trại Nhập Ngũ để nơi này làm thủ tục "xuất ngũ" đã, bởi vì kể từ ngày nhập trại,

bọn tôi kể như là quân nhân của QLVNCH. Ông già này cười nói thêm: Bình thường thì cũng chẳng sao, nhưng trung úy trưởng trại tức điên lên vì bài báo phê bình của Đảng Văn Hào, nên mới quyết định làm tôi như vậy. Dĩ nhiên phần ông và đa số hạ sĩ quan nơi đây không thích một biện pháp như vậy, nên chính ông đã bỏ tiền túi điện tin gọi bọn tôi ra gặp.

Chúng tôi bàn tán thêm rồi đồng ý với ông thượng sĩ: Anh ký giả của Thời Nay sẽ đứng ra giải thích và xin lỗi về chuyện đã xảy ra. Bề nào anh cũng không phải là Đảng Văn Hào và tôi, tôi chỉ cung cấp tin tức chứ không có viết bài bào đó.

Bọn tôi được gọi vào trình diện một trung úy mặt mũi hầm hầm, nhưng vẫn nghe lời giải thích cũng như xin lỗi bọn tôi tỏ ra biết lỗi, biết điều và kể ra thì một trung úy cũng chẳng nên gay gắt quá, làm tôi hấn dụng trận với hai tờ báo, không hẳn là hay cho đường thăng quan tiến chức. Khi đã hoàn tất giấy tờ "xuất ngũ", bọn tôi hoàn tiền điện tin cho thượng sĩ già với lời cảm ơn chân thành, rồi bước ra khỏi trại vào vùng đất khô cằn, cây cối thưa thớt, đường phố nhỏ và người đi lại lác đác. Biết tôi là nhà văn, anh Thức của Thời Nay đề nghị tôi lên Lambretta phóng đi ăn chung ở Phan Rang. Nhìn vùng đất cháy nắng cằn cỗi, hai đứa đồng ý dễ dàng vì vua cuối cùng của Chiêm Thành rút về đây mà tử thủ, thì chỉ có từ thua đến xấp tiệm quốc gia mình.

Thức đề nghị ngủ đêm tại Phan Rang rồi sáng mai hai đứa cùng về Sài Gòn bằng xe Lambretta của anh. Chỉ có điều tôi hơi phiền là sáng phải dậy sớm cùng anh đi ngược lại Nha Trang lo công chuyện rồi mới trở ngược đường số 1 vào Nam. Sau cùng tôi cũng nhận, tuổi trẻ đang sung sức, tính hiếu lưu vốn có sẵn, đi dọc đất nước bằng xe hai bánh, tha hồ ngắm cảnh vì muốn dừng đâu thì dừng. Mỗi đứa thay phiên nhau lái 50km, khá mệt nhưng xảy ra một điều phiền mới: ngôi lầu xe Lambretta rất là mỏi bộ móng, do đó bọn tôi hay ngừng xe lại một chỗ nào đó, đi lại cho đỡ mỏi. Nơi ngừng lâu nhất là Cà Ná, quốc lộ khúc này chạy sát biển hoặc ven những đụn cát trắng mịn. Hai đứa ngừng một chỗ sát biển, leo đá ra ngoài ngồi ngắm sóng biển đập vào trắng xóa bọt.

Khi gần hết phiên tôi lái vào buổi chiều, thấy mệt nên khi băng qua khu Rừng Lát, đến một khoảng trống lớn mở ra hai bên quốc lộ, tôi đã quẹo vào một khu đất đầy vết bánh xe cày nát đất đỏ. Dừng xe xong tôi mới nhận ra đó là điểm các xe be kéo gỗ từ rừng ra nghỉ chân, trao cây và lèn cây cho chắc chắn trước khi đi chuyển dài cả ngày lẫn đêm về các xưởng cưa ven biển Sài Gòn. Các xe tải máy thật bụi, các giấy xích rỗ rỗng, tiến thoái ồm ồm. Từ lâu tôi vẫn biết, trên lý thuyết thôi, thợ rừng và dân xe be đa số là dân tứ chiếng giang hồ, rất mạnh mẽ và thô lỗ, và không thiếu gì những người sống ngoài vòng pháp luật ở thành phố, phải bỏ lên rừng. Bởi thế chẳng ngạc nhiên khi ngồi uống bia trong một quán tre lá đơn sơ ngay chỗ dừng xe, bọn tôi là những người duy nhất mặc quần áo chỉnh tề và sạch sẽ nghĩa là không dính đất đỏ và xăng dầu bết.

Nhưng đó là nói về phía nam nhân thôi, còn phía nữ thì khác, chưa chi đã thấy mấy cô áo bà ba xanh đỏ tiến ra, cô nào cũng to khỏe chắc chắn. Tôi không ngạc nhiên, vì có thể mới xúng với dân thợ rừng xe be đa số cời trần nâu xỉ bóng loáng đầy các hình xăm kia. Hai cô kéo ghế ngồi cùng

THƠ TƯỜNG VŨ ANH THY

QUẢ BOM CÂM

LỜI DẪN. Trong khoảng thời gian từ tháng 2 đến tháng 3 năm 1996, báo chí loan các tin về
■ Việt Nam: Do mưa lũ kéo trôi đất đá trôi ra những bộ xương người trước ngôi nhà thuộc tỉnh Bình Long, Nam Việt; ông Thân, chủ nhà, cùng bà con đem cuốc xẻng đào hố để chôn cất. Bất ngờ họ cuốc phải trái bom cũ phát nổ làm chết nhiều người, trong đó có hàng chục trẻ em bu quanh. ■ Tin thế giới: Một trái bom cũ từ thời Thế chiến II được tìm thấy dưới lòng sông Danube (Đức). Người ta đã tháo gỡ an toàn. ■ Tin Kampuchia: Một tờ báo Kampuchia đăng lời bàn là 'hãy đem mười mấy triệu con bò điên của Anh quốc sắp bị giết, thả vào rừng đất Kampuchia. Bảo đảm chúng sẽ chết hết vì mìn bom còn sót lại sau cuộc chiến'.



(Hai mươi một năm trước
Các em nhỏ nghịch tình
đập quả trứng M79*
Trứng không nổ, mà nổ tan máu thịt
xương da

Những người lớn đào hố chôn xương trắng
Xương chưa kịp chôn
Mà bom vội chôn vùi tóc xanh).

Mảnh đất quê nhà sao tôi tả thế
Cày cuốc bởi cào những máu cùng xương
Thương đất nước tôi mấy ngàn năm
chiến tranh tàn tạ
Thương cái cò vất vả tìm ăn
Thương cái chần co qua kéo lại
Kéo cả đêm (vẫn) không che được
nước (Việt) gầy

Heo hút cầm cầm
Muỗi ruồi xục xạo
Nạo kiếp người đánh đổi sinh cơ
Sao tôi (lại) làm thơ
Tôi đi trong nước ở nhờ
Càng đi càng nhớ bến bờ ngày xưa.

Người chết mấy lần
Sao đạn bom còn sống
Chúng rình mò trong cả đồng xương khô
Chúng nổ vào tương lai
Nổ trong hiện tại
Nổ vào những nhân hậu tình thương

Nghe nói ở Hà Nội
Có nhiều vùng hoa cỏ tràn lan
Mọc lấp xác máy bay và đại pháo
Cỏ và người cùng thui thủi lớn lên

Chắc ở Miền Trung, Miền Nam
Ở nước Lào, nước Miên cũng thế
Thật tội tình những người đã và sẽ chết
Vì cỏ hoa không che được bom cam.

Những buổi sáng cuối năm con heo
Sắp đầu năm con chuột
Ban Mê Thuật đất đỏ như máu trộn xương
Tôi về Nha Trang nằm khóc bên bờ bể
Sống rung rinh rùng mình ho khạc
Nhạc cung đình nghe bạc nhược châu thân



hiếc cân thủy ngân **

Cân mĩ giữa máu xương tội ác
với hòa bình
bên nào cũng cân cho mình phần thắng lợi
Đất nước hầm hiu vẫn là đất nước
Trước ngàn năm và sau cả nghìn năm
'Khéo ăn thì no, khéo co thì ấm'
Nhưng với đạn bom thì khéo vào đâu
Chiếc cầu tuy lồi nhíp
Nhưng nhíp lòng dân
Làm sao bom đạn phá
Làm sao, làm sao dân cũng chọn
thanh bình.

Tôi làm bài thơ vô tình vô tội
Chỉ thương các em nhỏ bên Lào
Thương em bé Kampuchia
Em bé Việt trong Nam ngoài Bắc
Đạn bom không đốt xuất
Mà vẫn nổ tung cướp mất cuộc đời

Cuối năm lòng dạ rối bời
Đầu năm ngờ ngẩn như người vô tâm.

* M79 là một loại súng phóng lựu, trái đạn tròn bóng như quả trứng, nổ như lựu đạn. Đặc điểm khi bắn không xa đủ khoảng cách, đạn rơi mà không nổ. Trong cuộc chiến 1975, nhiều em bé nghịch những quả đạn M79 chưa nổ này mà thiệt mạng.

** Chiếc Cân Thủy Ngân, chuyện cổ tích Việt Nam. Xem Truyện Cổ Nước Nam của Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc.

bàn, cô áo đỏ rót bia tiếp cho tôi với dáng điệu khá chuyên nghiệp, bỗng đứng nhìn tôi chăm chú, rồi đề nghị "Anh đi em một cái đi!" Tôi cười lắc đầu từ chối, cô nói: "Anh ở cư xá... phải không? Trước kia em từng ở với bà con khu gia binh phía trong, vẫn thấy anh hoài". Tôi đưa mắt nhìn anh bạn đồng hành: mấy ngày đêm đi không ngừng để gỡ cái tội đào ngũ trước khi... thành lính, lộ trình đầy biến, núi rừng, nắng và bụi, và bây giờ ở cái trạm ngừng chân giữa rừng hoang này... tất cả đã kích thích nam tính bọn tôi dữ dội. Nhìn mắt anh bạn, tôi thấy vẻ ngần ngừ rõ rệt, nếu tôi nhận thì anh cũng nhận. Nhưng rồi sau cùng tôi từ chối đi vào phòng trong với cô gái áo đỏ, dù còn nhớ mơ hồ đâu đây cô gái này, hồi đó cô hay mặc áo trắng với quần đen rất là bình thường. Trời đã xế chiều và quốc lộ 1 còn trải dài, dài lắm mới đưa được tôi về đến Sài Gòn, với người vợ trẻ mơn mớn dào dạt mà bây giờ tôi có thể đếm được từng ngày đêm còn được chung sống với nhau. Cơn lốc xoáy chiến tranh đã hẹn rõ ngày hẳn hoi để hút tôi vào.

Khi tôi kể lại chuyện đi Tháp Chàm lần hai này, với đủ chi tiết như thường lệ có lẽ vì cái nghiệp buộc chân anh quanh quẩn trong thành phố, anh thích nghe và hỏi kỹ về những chuyến đi xa ly kỳ của những người bạn trẻ như tôi chẳng- và điều bất ngờ là anh không đồng ý với quyết định của tôi không vào phòng trong "đi" một cái, với cô áo đỏ trên lý thuyết là người quen lối xóm năm xưa.

Anh bảo gặp gỡ ly kỳ như thế, nếu cần thì tôi tổng anh bạn về trước, ngủ lại với cô ta qua đêm trong khu thợ rừng xe be, chắc chắn là sẽ có một kỷ niệm nhớ đời, và từ đó có thể dựng lên một truyện ngắn hay. Tại sao cô gái ấy lại lên tới nơi chốn đó mà làm điểm, cái gì đã thúc đẩy, hay làm cô sợ hãi... Hay biết mấy! Anh cứ tiếc rẻ hộ tôi,

lại còn ra cái điều tôi chưa biết... sống cho ra sống, làm tôi sau cùng phải thú nhận là trước khi từ giả cô áo đỏ, tôi đã đưa tặng cô 10 đồng để ăn cơm tối. Lại nghe anh bảo: Dù không "đi" cái nào, cũng nên đưa 50 đồng (giá gái điểm bình dân thời đó là 50 đồng), mới là phải đạo...

Sau tháng 4, 1975, trong những năm sống trong các trại cải tạo, tôi biết rất ít tin tức của "thế giới bên ngoài". Sau khi được tha về, tôi tắm mắt mũi một thời gian khá dài vì những chướng phong ra liên tiếp của nền chuyên chính vô sản đang được áp đặt tại miền Nam, chỉ thờ phào ra được một chút khi được bổ nhiệm làm giáo sư Quốc văn như cũ, tôi mới được biết tin anh Nguyễn Mạnh Côn đã chết trên một trại cải tạo ba năm sau tháng 4, 1975. Và đúng là anh Côn, cái chết của anh không bình thường chút nào cả, và như Rashomon, mỗi người kể một cách, một ấn bản.

Ấn bản của tôi được nghe: Đúng ba năm sau ngày phải đi cải tạo anh Nguyễn Mạnh Côn cũng đứng trong đội của mình như lệ thường, đợi điểm danh xong là xuất trại đi lao động ngoài rừng. Nhưng đột nhiên anh tách ra khỏi hàng, tiến lên phía trước và cất tiếng nói với cán bộ trực:

--"Cách mạng đã hứa đưa chúng tôi đi cải tạo tối đa là ba năm (trí nhớ anh đủ tốt để kể ra là thông cáo nào đấy), hôm nay là đúng ba năm, vậy xin ban Lãnh đạo trại làm thủ tục cho tôi được tha về với gia đình. Anh bình tĩnh bảo: Cách mạng trước sau như một, đã hứa là giữ đúng lời!"

Đĩ nhiên cả hàng ngũ cải tạo lẫn cán bộ/vệ binh đều sững người ra trong khoảnh khắc, và anh Côn vẫn cứ đứng trước mặt mình, chờ đợi được trả lời.

Khi cán bộ trực đã tỉnh táo lại, ra lệnh cho các đội tiếp tục xuất trại đi lao động như thường lệ, anh Côn vẫn còn đứng lại, một mình trong sân rộng lớn. Theo lời người kể (một cựu trung sĩ Cảnh Sát), anh Côn được đưa lên văn phòng chỉ huy trại "làm việc". Đến chiều cũng không thấy anh về lán vì anh đã bị phạt nhốt dưới hầm. Vẫn theo người kể này, anh vẫn được cho ăn với muối nhưng không cho uống nước, và đến ngày thứ ba thì anh đầu hàng.

Một buổi sáng mùa mưa, trời u ám đầy mây, tôi đạp xe đi thăm một người bạn ở cư xá Thanh Đa trở về đến đường Phan Đăng Lưu thì trời bắt đầu mưa nho nhỏ. Tiễn đường, tôi quẹo vô hẻm nhà anh để thăm chị Côn hỏi thăm tin tức. Đúng lúc ngừng xe trước thềm hiên trong ngõ rộng tráng xi măng quen thuộc, trời đổ mưa lớn, ầm ầm, tung tóe nước từ các mái hiên nhà. Tôi gõ cửa một lần rồi ba lần, không ai trả lời. Nhìn qua khe cửa, trong nhà không một bóng người, như bỏ hoang. Trời mưa quá lớn, cái áo mưa của tôi thì ngắn và rách, nên tôi cứ đứng đó thỉnh thoảng lại dùng bật lửa gõ vào cửa sắt. Tôi chỉ ngưng gõ sau lần thứ chín, con số hên nhất theo tín ngưỡng châu Á, rồi mưa thì mưa tôi vẫn đạp xe về. Gõ ồm ồm như thế mà hàng xóm láng giềng không ai thò mặt ra coi xem là ai, hẳn có việc không hay xảy ra đâu đây. Tôi "biến" đi là hơn.

Trong túi tôi chỉ có tiền đủ để phòng phải vá xe, nhưng thôi, trời mưa dẫn xe đi bộ về nhà nếu cần, tôi phải ghé một chỗ nào uống một ly cà phê nho nhỏ thôi. Tôi lạnh tôi hui hắt quá rồi. Khi nháp ly cà phê nóng nhỏ xíu đầu đó ven đường về, tôi chăm điểm thuốc rê vắn sẵn, thở khói ra mưa và...

Anh Côn chết là đúng rồi. Anh là con cá con cá kinh chỉ bơi lội thỏa thích trong biển xanh mà thôi. Nay bị thấy vào biển đó, cá chết là đúng rồi. ■

Seattle tháng 2, 98

Yêu Văn Học, Mời Đọc Hàng Tháng
Tập Chí Sáng Tác Sinh Hoạt
Văn Học Nghệ Thuật

Khởi Hành

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ PHÁT HÀNH NGÀY 15 MỖI THÁNG

Đã phát hành ■ số 19 tháng 5-1998: Hồ Điệp, Nấm Xương Vô Định ■ Mục mới mời Ban viết: Ngày Cuối Cùng Trong Đời Quân Ngủ Của Tôi ■ 30/4/75: Chi Tiết Vụ 5 Vi Tướng Anh Hùng Tuấn Tiết ■ KH số 18: Đặc Biệt 30 Tháng 4 ■ Viên Linh: Nền Văn Học của những người Vắng Mặt ■ Khởi Hành 17: Nền Văn Minh Ông Đồ ■ Khởi Hành 16: Đặc Biệt Bùi Giáng ■ Khởi

Hành 15: Ngồi Thiền Ở Hà Nội Với Phùng Quán ■ Khởi Hành 13-14: VŨ ĐÌNH LIÊN, tác giả bài thơ Ông Đồ ■ Khởi Hành 12: NHẤT HẠNH, BÀNG BÀ LÂN ■ Khởi Hành 11: HỮU LOAN, tâm sự và toàn văn bài Màu Tím Hoa Sim. ■ Khởi Hành 10: SINH NIỆM MAI THẢO: Mạc Thu: Những Ngày Cuối ở Sài Gòn của Mai Thảo * Viên Linh: Mai Thảo Riêng Tôi * Nguyễn Tà Cúc: Tô Thùy Yên, Nhà Thơ ■ Khởi Hành 9: Văn Cao, Giấc Mơ Một Đời Người. Bài vở của Kỳ giả Lô Răng Phan Lạc Phúc * Trần Trọng San * Hoàng Hải Thủy ■ Khởi Hành 8: Cuộc Đời Thanh Nam. Bài vở của Mạc Thu * Vũ Đức Vinh * Nguyễn Thiếu Nhẫn * Viên Linh * Hồ Trường An * Lê Tất Điều * Thơ W. Szyborska, ■ Khởi Hành 7: Vụ Thủ Tiêu Khái Hưng Năm 1947, bài của cựu thuyền trưởng Phạm Ngọc Lũy. Thơ Vương Đức Lệ gửi từ VN. Phòng Tuyên Truyền Địa Ngục: Di cảo của Phùng Cung. Truyện dịch Đỗ Khánh Hoan ■ Khởi Hành 6: Tưởng Niệm Chu Tử với Mạc Thu * Viên Linh * Ba Cái Chết Sau 30 Tháng Tư: Lô Răng Phan Lạc Phúc * ■ Khởi Hành 5: Kỷ Niệm Với Bình Nguyên Lộc. Kỷ Niệm Với Đinh Hùng. Bài vở của Hồ Trường An * Thái Văn Kiểm * Cung Trầm Tưởng * Trần Văn Nam * Hoàng Phong Linh * Mạc Thu ■ Khởi Hành 4: Gặp Trần Dần với Nguyễn Hữu Hiệu * Chiêu Niệm Nhượng Tống: Phan Lạc Phúc * Văn Cờ Khai Xuân: Phùng Cung * Chánh Ân Phú Nhân: Đỗ Khánh Hoan * Và Hoàng Lập Ngôn * Nguyễn Sỹ Tế * Trần Hồng Châu ■ Khởi Hành 3: Di Cảo Phùng Quán * Nguyễn Hữu Hiệu: Thác Cồn Vương Tơ * Truyện Ma do Charles Dickens kể * Hồ Trường An * Trần Trọng San * Nguyễn Sỹ Tế * Cao Tiêu ■ Khởi Hành 2: Đặc Biệt Giáng Sinh * Chiêu Niệm Sử Gia Phạm Văn Sơn của Hoàng Ngọc Liên * Truyện Ma do Guy de Maupassant viết ■ Khởi Hành 1/ 11-1998: Dạ Kỳ Viết Từ Hà Nội của Phùng Cung * Ai Ra Lệnh Giết Nhượng Tống: Nguyễn Tà Cúc. (Khởi Hành còn đủ bộ từ số 1).

Khởi Hành: Tập Chí Văn Nghệ Nhiều Hình Ảnh Tài Liệu Nhất ■ Tác giả Tên Tuổi ■ Bài Vở Chọn Lọc.

Chủ nhiệm Chủ bút: VIÊN LINH

Mua dài hạn \$24 mỹ kim một năm 12 số. Giá từng số \$ 3.50 mỹ kim.

Thư từ bài vở ngân phiếu gửi về: Khởi Hành, P.O. BOX 670 MIDWAY CITY, CA. 92655



K-HUC LAN
MAKEUP ARTIST

NHẬN TRANG ĐIỂM
CÔ DẪU NGƯỜI MẪU, DẠ TIỆC

TEL: (714) 839-8845
PAGER: (714) 312-2769

TỜ BÁO, BẠN ĐỌC

TÂM THƯ

NHÀ VĂN MẶC THU TÌM SÁCH CŨ:

BÀO BIỂN - THẰNG BÉ THỢ RÈN - ĐÊM TRỮ TỊCH - NGƯỜI CHÉP SỬ (kịch thơ) - CÔ GÁI CHỢ BẦU - BÁT CƠM, BÁT MAU - ĐẢNG CÁN LAO (bản in của Đồng Nai, Sài Gòn).

Bạn nào còn giữ được xin để lại cho tác giả, hay cho mượn, rất cảm ơn.

MẶC THU, 8672 Kent Circle,
Huntington Beach, CA. 92647.

Trong thời gian sau khi Khởi Hành số 19 ra ngày 15 tháng 5.98 phát hành, cho tới ngày 5 tháng 6.98 là ngày số báo này đưa qua nhà in, chúng tôi đã nhận được ngân phiếu Mua Dài Hạn của các quý bạn sau đây:

—HIEN BUI (MI) - HOLLY DUONG (NE) - VUONG DINH THANH (VA) - THAI KE AN (OR) - GS NG K KH (CA) - HANH HOANG gửi cho TOAN CHINH trước ngày sinh nhật (VA) - NG P SH (CA) - TU DINH (CO) - PHAN MAI (CA) - LE CHINH LONG (CA) - DO XUAN HOA (CA) - NG CH gửi cho bạn.

—CÔ SONG CHÂM: Đã gửi thêm hai số báo mới nhất qua Úc cách đây ít ngày cho ông BỐ. Đã điều chỉnh.

—Anh LÊ ĐỨC VI: Đã nhận được cái FAX. Khó đọc lắm, vì chữ hơi nhỏ lại không phải viết bằng mực đen. Số FAX đó hết 15 tháng 6 là không dùng được nữa, anh gửi bằng thư bưu điện tiện hơn.

—Anh PHẠM TRỌNG LÊ: Cái Asian Section ở thư viện Quốc Hội Hoa Kỳ nó lại đổi building rồi. Tôi đã tới đó làm việc hết một ngày thứ hai, 27 tháng 4. Làm XROX được hơn 300 trang, trên đường về thì mất gói hành lý ở Fort Worth, Dallas. Tôi đang kiện hãng máy bay. Không hề buồn, chỉ bức. Có một cái gì đó nó làm cho sự việc không suông sẻ, vì các thứ khác không mất, mất đúng đồng sách vở tài liệu là cái mình cần, như vậy là thế nào? Sẽ phải trở lại Washington D.C. có thể là tháng này, có thể là tháng sau, làm lại.

—Nhạc sĩ LÊ TRONG NGUYỄN. Bài anh đã cho đánh máy, sẽ in trong số sau. Tài liệu về Tân Nhạc Việt Nam thời 1930, 40 rất hiếm quý. Cảm ơn Anh.

—Ngoài ra giữa hai kỳ báo, chúng tôi đã nhận được nhiều bài vở sách báo của quý vị, quý thân hữu gửi tới. Về sách, chúng tôi sẽ giới thiệu dần. Về bài vở, nhất là thơ, thường được in lên báo hoặc theo từng cụm (những bài thơ cùng chủ đề), hoặc từng thể (5, chữ, lục bát), do đó có khi có những bài thơ phải nằm ụ khá lâu. Vạy xin thông báo.

NHẤT HÀNH

thiền sư Tăng Hội

Sơ tổ của thiền tông Việt Nam

Thiền tập tại Giao Châu đầu thế kỷ thứ ba

cuốn sách trình bày những nét chính
về hành trạng và tư tưởng của
Thiền sư Tăng Hội mà Phật tử V.N.
thờ phụng như một vị sơ tổ của
Thiền học Việt nam.

AN TIÊM

—Để có sự tham dự đông đảo của các văn hữu, trong năm 1998 Khởi Hành sẽ thực hiện các chủ đề sau đây: Hồ Hữu Tường, Trần Văn Tuyên, Phan Huy Quát, Dương Hùng Cường, Trần Việt Sơn, Vũ Hoàng Chương, Khánh Vân cư sĩ...những người đã chết trong tù Cộng Sản. Hay kịch sĩ Khả Năng, chết khi vượt biên đường bộ như nữ nghệ sĩ Hồ Điệp. Quý vị nào biết về cái chết trên biển của nhà thơ Trần Đại, vui lòng cho biết.

—Ký giả S. (CA). Anh hỏi tôi - ghi lại trong máy trả lời điện thoại - nghĩ gì về vụ Hòa thượng Trí Dũng ở Việt Nam qua, hiện ghé thăm chùa Đức Viên ở San Jose, bị một nhóm người biểu tình phản đối?

Hắn anh đã đọc bản lên tiếng của 5 vị Hòa thượng, Thượng tọa như Thích Mãn Giác, Thích Hộ Giác, Thích Giác Nhiên...? Theo các vị lãnh đạo Phật giáo kể trên, thì Hòa thượng Trí Dũng năm nay 93 tuổi, tu hành từ nhỏ, từ 1972 đã xây ngôi chùa lớn ở Thủ Đức, Ngài bị vu cáo là Cộng Sản, chứ không thể là Cộng Sản.

Sinh hoạt cộng đồng nói chung, bị xách động trong nội bộ, chỉ có lợi cho Cộng Sản. Cộng Sản nó không khỏe đến thế, nhưng khi người ta nhìn đâu cũng tưởng là thấy Cộng sản, chính vì những xách động có chủ mưu của



Lao vien

cuisine du vietnam

82, rue Baudricourt

75013 PARIS

Métro Tolbiac

Tel.: 01 45 85 20 70

PHIẾU ĐẶT MUA DÀI HẠN tạp chí Khởi Hành

Tên.....Đ.th.....

Địa chỉ

Tôi muốn mua 1 năm 12 số từ số 1 đến số 12/ (hoặc 2 năm 24 số từ sốtới số)

1 năm: 24 mỹ kim/ 2 năm: \$45.00 mỹ kim. Ngoài Hoa Kỳ thêm \$1.50 MK một số cho cước phí bưu điện. [Giá dài hạn chỉ áp dụng cho bạn đọc mua từ 1 năm trở lên. Mua lẻ tính theo giá ngoài bia, cộng thêm 78 xu cước phí một số.]

Kèm đây là ngân phiếu

Phiếu mua báo và ngân phiếu để tên Khởi Hành và gửi về:

Khởi Hành

P.O. BOX 670

MIDWAY CITY, CA. 92655

Khởi Hành số 20 (30) Tháng Sáu, 1998

Phát Hành Trong Tháng 5, 1998

*Video Ca Vũ Nhạc Đặc Biệt Diễn Tả Một Khía Cảnh Quan Trọng Của Đời Sống Hằng Ngày: **Tiền Bạc***

TIỀN BẠC LÀ PHƯƠNG TIỆN HAY CỨU CÁNH CỦA CUỘC ĐỜI???

PARIS BY NIGHT 44

Chủ đề: **TIỀN**

Điều khiển chương trình:
NGUYỄN NGỌC NGẠN - NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

Chúng ta có thể **CHÁN** đàn bà, **CHÁN** đàn ông, nhưng không ai có thể **CHÁN "TIỀN BẠC"**, do đó xem **VIDEO PARIS BY NIGHT 44** sẽ không bao giờ **CHÁN**.

với sự góp mặt đặc biệt:

Ái Vân, Như Quỳnh, Lưu Bích, Hoàng Lan, Thùy Dương, Lynda Trang Đài, Phương Vy, Bảo Ngọc, Trúc Lam, Trúc Linh, Mỹ Huyền, Thiên Kim, Don Hồ, Thế Sơn, Kiều Hưng, Tuấn Ngọc, Elvis Phương, Nguyễn Hưng, Mạnh Đình, Tommy Ngô, Hoài Nam, Ban nhạc M.F.L và vũ đoàn Paris By Night

Giá
\$28
1 Bộ

Xin liên lạc: **THÚY NGÀ**

MỸ & CANADA: P.O. Box 2174 Westminster, CA 92683

Tel: (714) 893-2860 / Fax: (714) 891-9673

ÂU CHÂU:

44 Ave., D'Ivry - 75013 - Paris France. Tel: 01-45-83-34-30

ÚC:

323 Chapel Rd. - Bankstown - N.S.W 2200 - Australia. Tel: (02) 796-7227

MỜI PHÁT HÀNH: Băng đọc truyện đặc sắc nhất của nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn, giọng đọc Hồng Đào cùng tác giả:

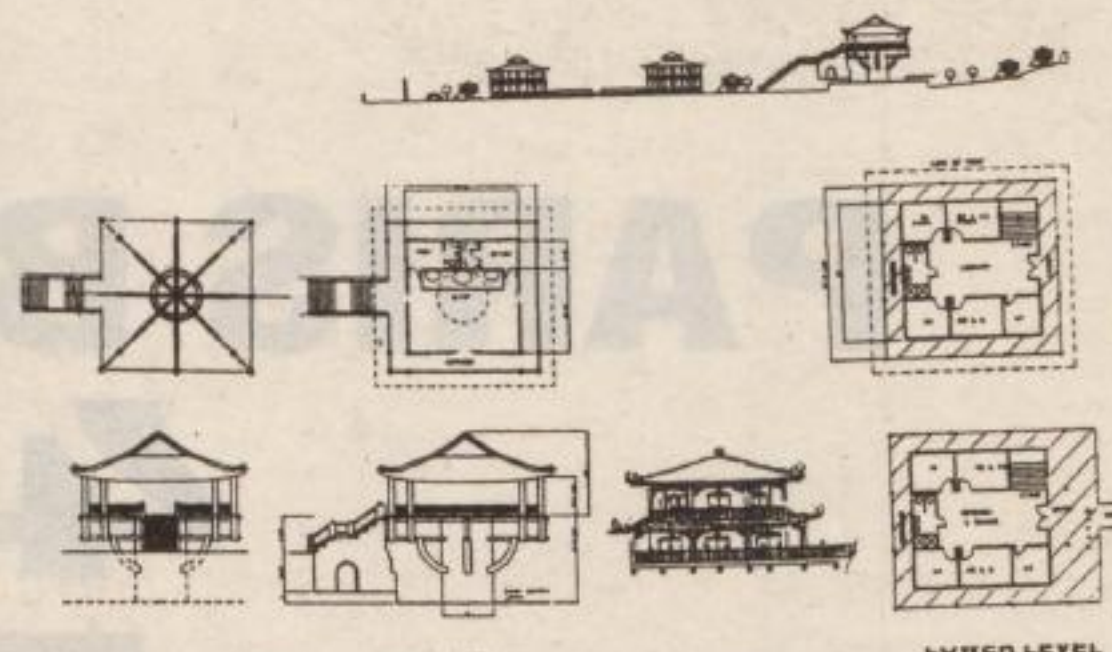
- Món quà cuối năm (Audio Book 40) - Ngày trở lại (Audio Book 41)
- Thời vận (Audio Book 42) - Bên hành lang tòa án (Audio Book 43)

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT

TU VIỆN SĒRA NGÀY 17 THÁNG 5 NĂM 1998

TÂM THƯ KHẨN CẤP

của Đại diện một nhóm Tăng Sĩ Việt Nam tại Ấn Độ
(Mua đất và thành lập Trung Tâm Tu Học Phật Giáo tại Bồ Đề Đạo Tràng)



Kính gửi: Chư Tôn Đức Tăng Ni và đồng hương Phật Tử

Kính bạch Chư Tôn Đức, kính thưa quý Phật Tử

Trong ba năm qua sự phát triển nơi thánh địa Bồ Đề đạo tràng đã đạt đến mức khá kỷ lục. Khu vực chung quanh khuôn viên đại tháp đã được Nhật Bản tài trợ đại quy mô và các công trình sửa sang kiến thiết nơi này cũng đã và đang được xúc tiến. Khu vực bên ngoài, chùa viện Phật Giáo các nước như Tây Tạng, Thái Lan, Đài Loan vẫn tiếp tục đổ về và xây cất ngày một thêm nhiều, lượng người Phật Tử khắp nơi trên thế giới quay về đạo tràng để chiêm bái và tu tập càng ngày càng tăng. Trong những công trình Phật Giáo lớn lao hiện đang phát triển tại Bồ Đề đạo tràng, dự án xây dựng tượng đại Phật Di Lặc cao 152,4 mét là một công trình vĩ đại mang tầm vóc quốc tế và hiện đang được chú ý.

Là những tu sĩ trẻ chúng con (chúng tôi) đã từng tu học tại Ấn Độ trong 5 năm qua và thâm tâm luôn mang nguyện ước đóng góp sự tu học của mình cho Đạo Pháp. Trong tâm niệm ấy, chúng con (chúng tôi) trong những năm qua đã mong chờ một thiện duyên nào đó để có thể làm được một điều gì cho Đạo và báo đáp ân đức của chư vị Thầy Tổ. Nhân duyên ấy đã đến khi cách đây gần hai năm có một vị thầy Tây Tạng gợi ý cho chúng con (chúng tôi) mua một khu đất gần tượng đại Phật tương lai để xây dựng một trung tâm tu học Phật Giáo. Đất nơi này hiện vẫn đang còn rẻ (US\$ 11 cho một mét hay US\$ 1463 một công cho 133 mét) so với khu vực gần tháp Đại Giác (US\$ 15,000 một công). Chi phí sơ khởi được ước tính cho công trình này khoảng một triệu mỹ kim, gồm chùa một cột là đại diện chánh, tầng phòng, thư viện, các dãy khách xá, vườn thiền, cây cảnh. Thời gian xây cất sẽ bắt đầu vào cuối năm 2000 và dự trù hoàn tất vào năm 2010.

Việc này trước đã được chúng con (chúng tôi) thỉnh ý lên chư tôn đức, đầu tiên là Thượng Tọa Viên Giác, vị thầy bốn sư đã sang hành hương đất Phật cuối năm 96 và qua năm 1997 H.T Minh Tâm viện chủ chùa Khánh Anh Pháp Quốc, H.T Thích Giác Nhiên, T.T Viên Lý, T.T Trí Lăng. Được sự tán trợ và khuyến khích của các bậc tôn đức trên, nay chúng con (chúng tôi) đã hoàn tất bước đầu tiên việc giấy tờ mua đất và ứng trước với số tiền US\$5000 trong tổng số US\$ 110,180 cho khu đất rộng 75 công, tức 2,5 mẫu tây (10,000 m2), cạnh bên dự án tượng đại Phật Di Lặc tương lai và cách tháp Đại Giác khoảng 5 km. Số tiền còn lại sẽ được trả trong vòng bốn tháng và thời hạn sau cùng phải thanh toán là 27 / 7 năm 1998.

Việc này chúng con (chúng tôi) kính tường trình rộng rãi lên chư tôn đức cùng quý phật tử khắp nơi và cầu xin sự hỗ trợ cũng như tùy hỷ trong dự án này. Chúng con (chúng tôi) xin mạn phép đưa ra hai giải pháp đóng góp để hoàn tất việc mua đất trước thời hạn tháng 7 năm nay.

1. Cho mượn không lời trong thời hạn từ một đến ba năm hoặc lâu hơn và mỗi cổ phần mượn là US\$5000.

2. Tùy hỷ cúng dường hay có thể góp phần công đức cho mỗi m2 đất US\$ 11, một công đất (133 m2) US\$ 1463.

Mọi sự cho mượn hoặc cúng dường mua đất và xây dựng dự án xin liên lạc:

Tại Mỹ: Cô Nhơn Nguyễn (Đồng Từ): 1414 Sunshine St., San José, CA 94122. Tel: (408) 295-9867. **Âu Châu:** T.T Thích Như Điển. Chùa Viên Giác. Karlsruhe St. 6. 30519 Hanover. Germany. Tel: 49-511-879630. Fax: 49-511-8790963. E-Mail: pagode-vien-giac@oln.comlink.apc.org. **Tại Ấn Độ:** Thích Hạnh Nguyễn. Sera Monastery. Ngari Khamtsen.H.No. 42B. .O Bylakuppe 571104. Distt. Mysore K.S. INDIA. Tel/Fax: 91-8276-74652. E-Mail: tenzin@giasbg01.vsnl.net.in.

Các phần cho mượn hoặc cúng dường của quý vị sẽ được hồi đáp bằng thư cảm tạ, biên nhận và phiếu công đức. Các chi tiết khác về tên họ, địa chỉ, ngày tháng cúng dường, số tiền bao nhiêu, vào mục gì sẽ được đưa vào lưu trữ trong các máy điện toán nhiều năm cho đến khi dự án hoàn tất. Ngoài ra những sự cho mượn hội thiện, danh sách tên các vị cúng dường và những bước phát triển của dự án trong việc mua đất và xây cất cũng được thông báo đầy đủ qua các số báo Viên Giác. Nếu quý vị cần biết thêm chi tiết, xin liên lạc thẳng về địa chỉ tại tu viện Sera Ấn Độ.

Dự án này sẽ được chư tôn đức các hàng giáo phẩm trong giáo hội cổ vấn và chứng minh. Khi dự án hoàn tất viên mãn, chúng con (chúng tôi) nguyện sẽ hiến cúng toàn bộ công trình và tài sản này lên Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Lời cuối chúng con (chúng tôi) xin kính chúc quý ngài và quý vị thân tâm thường an lạc và được nhuan hồng ân chư Phật.

Cung kính

THÍCH HẠNH NGUYỄN & THÍCH HẠNH TẤN
ĐẠI DIỆN MỘT NHÓM TU SĨ VIỆT NAM TẠI ẤN ĐỘ



Ánh Hồng

7 Courses of Beef Restaurant

10195 WESTMINSTER AVE. GARDEN GROVE, CA. 92643

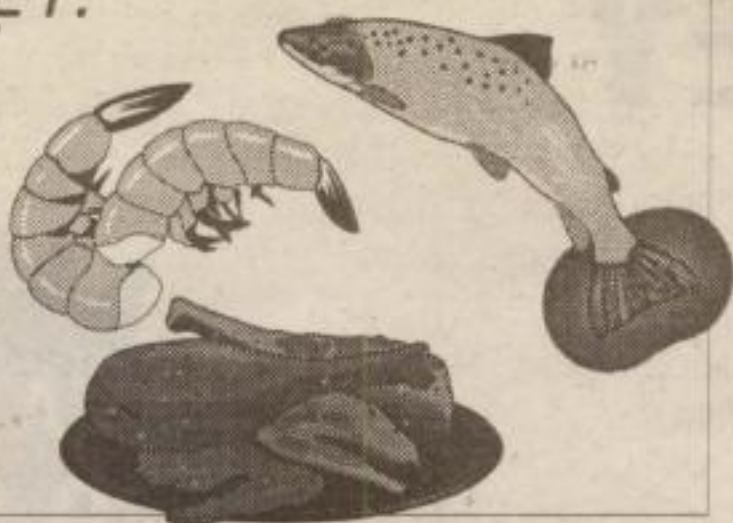
Điện thoại: (714) 537-5230

CHÁNH GỐC CỔNG XE LỬA SỐ 8 PHÚ NHUẬN
SÁNG LẬP TỪ NĂM 1954

Chuyên môn thức ăn thuần túy Việt Nam
do chính chủ nhân Bà **Lê Văn Khá** trực tiếp điều khiển

ĐẶC BIỆT:

- * TÔM
- * GÀ
- * CÁ
- * MỰC



BEER & WINE



GIỜ MỞ CỬA:

7 NGÀY TRONG TUẦN

THỨ HAI ĐẾN THỨ NĂM: 3:00PM-9:30PM

THỨ SÁU & THỨ BẢY: 11:00AM-10:30PM

CHỦ NHẬT: 11:00AM-9:30PM

Gia Đình **ÁNH HỒNG** kính mời

SAN JOSE

1818 Tully Road # 150
San Jose, CA. 95122
(408) 270-1096

ORANGE COUNTY

10195 Westminster Ave.
Garden Grove, CA. 92643
(714) 537-5230

SAN FRANCISCO

808 Geary Ave
San Francisco, CA. 94109
(415) 885-5180

LOS ANGELES

8748 E. Valley Blvd. # A
Rosemead, CA 91770
(818) 572-9805

**TUNG BỪNG
KHAI TRƯỞNG**

**10 GIỜ SÁNG THỨ BA
NGÀY 2 THÁNG 6 NĂM 1998**



VANCO FOODS FOUNTAIN VALLEY

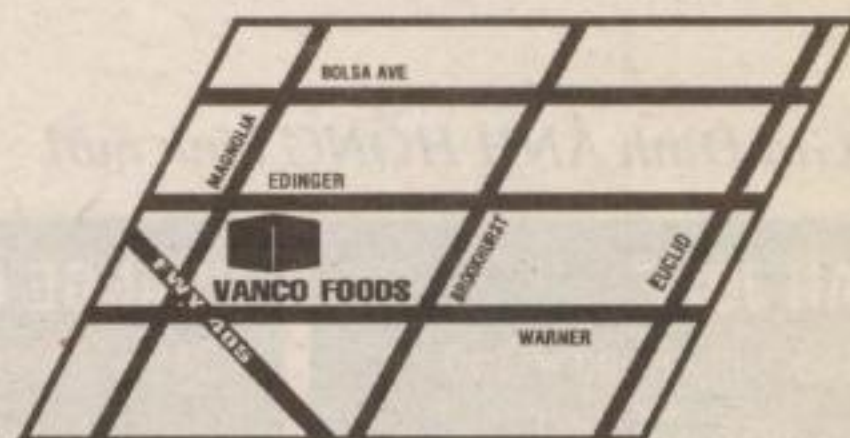
- Siêu thị hoàn toàn mới,
khang trang nhất quận Cam
với trên 30,000 sqft (chợ Albertson cũ)
- Parking rộng rãi
- Bán sỉ và lẻ với phương châm:
"Bán lẻ rẻ như bán sỉ"
- Giá cả rất đặc biệt trong thời gian khai trương
CHỢ CẦN NHIỀU NHÂN VIÊN CÓ KINH NGHIỆM

BÊN TRONG CHỢ CÒN CÓ:

PAGETEK: Bán, sử chữa, mở đường dây các loại
CELLULAR PHONES và PAGERS với giá thật ĐẶC BIỆT

THUY'S FOOD TOGO: Bán café, bánh mì và trên
50 món ăn chay, mặn với giá chỉ \$1 mỗi món.

16042 MAGNOLIA AVE., FOUNTAIN VALLEY, CA 92708
Tel: (714) 843-1818 ■ Fax: (714) 843-1816



BÁN LẺ RẺ NHƯ BÁN SỈ

NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

VANCO SUPERMARKET



10932 WESTMINSTER AVE.,
GARDEN GROVE, CA 92843
TEL. (714) 530-2999

LITTLE SAIGON SUPERMARKET



9822 BOLSA AVE
WESTMINSTER, CA 92643
TEL. (714) 531-7272

*Quanh Năm Tận Tụy Phục Vụ
Đáp Ứng Đúng Nhu Cầu Bà Con
Nhiều Đợt Sale và Tặng Quà Liên Tiếp*

CHỢ CHÚNG TÔI CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và được mọi người ưa thích NHẤT



Chợ chúng tôi có nhận thẻ tín dụng để trả tiền hàng

Khởi Hành

TẠP CHÍ SÁNG TÁC SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT



P.O. BOX 670 MIDWAY CITY, CA. 92655

BULK RATE
U.S. POSTAGE PAID
WESTMINSTER, CA
PERMIT NO. 49

12)

Khởi Hành Số 20 ■ Tháng 6. 1998 ■ Giá Ba Mỹ Kim Rưởi

ĐỒNG NAI PHARMACY

CÔNG TY CUNG CẤP DƯỢC PHẨM VÀ DỤNG CỤ

9081 Bolsa Avenue, Suite #108 * Westminster, California 92683
(Gần tiệm Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank of California)

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU - Dược sĩ TRẦN THỊ LƯU ÁI

Tel: (714) 397-5072 * Fax: (714) 379-5074

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

- * Các loại dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
- * Các loại sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống truyền vào ruột hay truyền vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products)
- * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products).
- * Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products).
- * Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

- * Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
- * Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital beds & Accessories).
- * Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products).
- * Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor), máy đo huyết áp (Blood Pressure Monitor).

**NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM:
PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...**

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN

Thứ Hai - Thứ Sáu: 10:00AM - 7:00PM

Thứ Bảy: 10:00AM - 5:00PM